

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 567/CBTT-QNP

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 5 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quý cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Trụ sở chính: 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Hồng Quân - Tổng Giám đốc

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn công bố tài liệu sử dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Bản cập nhật, sửa đổi, bổ sung).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn vào ngày 20/5/2023 tại địa chỉ website: <http://quynhonport.vn/> mục “Quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu kèm theo:**

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Bản Cập nhật, sửa đổi, bổ sung). *lv*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTC *lv*

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*lv*  
**Lê Hồng Quân**

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hai Cảng, Thành  
phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

P. +84-256-3892363  
F. +84-256-3891783

M. info@quynhonport.vn  
W. www.quynhonport.vn

# TÀI LIỆU

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



THÁNG 5/2023

## DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022; phương hướng hoạt động năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023.
4. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
5. Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2018 – 2023.
6. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn và Các công việc HĐQT thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ về triển khai dự án.
7. Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng thợp thành Công ty TNHH MTV.
8. Báo cáo về kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018 – 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028.
9. Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
10. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán (*kèm theo toàn văn báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán*).
11. Tờ trình Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023.
12. Tờ trình Phê duyệt lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
13. Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.
14. Tờ trình xin ý kiến về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (INSECO).
15. Tờ trình về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM.
16. Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
17. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*kèm theo dự thảo Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung*).
18. Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.
19. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kèm danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.
20. Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.
21. Mẫu đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT vào Hội đồng Quản trị.
22. Mẫu đề cử, ứng cử Thành viên BKS vào Ban Kiểm soát.
23. Các mẫu Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (HĐQT, BKS).
24. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 CTCP Cảng Quy Nhơn.

## CHƯƠNG TRÌNH HỌP

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Thời gian	Nội dung
7h00 - 7h30	<b>Đón tiếp đại biểu</b> Kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu họp.
7h30 - 8h00	<b>Khai mạc đại hội</b> <ol style="list-style-type: none"><li>Tuyên bố lý do;</li><li>Báo cáo tình hình Đại biểu tham dự đại hội;</li><li>Giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa và Ban thư ký;</li><li>Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa và Ban kiểm phiếu;</li><li>Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội.</li></ol>
8h00 - 9h10	<b>Báo cáo tại Đại hội</b> <ol style="list-style-type: none"><li>Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022; phương hướng hoạt động năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023.</li><li>Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2018 – 2023.</li><li>Báo cáo tiến độ thực hiện dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn và Các công việc HDQT thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ về triển khai dự án.</li><li>Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng thợp thành Công ty TNHH MTV.</li><li>Báo cáo về kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018 – 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028.</li></ol>
9h10 - 10h00	<b>Trình bày các nội dung cần xin ý kiến Đại hội</b> <ol style="list-style-type: none"><li>Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.</li><li>Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.</li><li>Tờ trình Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023.</li><li>Tờ trình Phê duyệt lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.</li><li>Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.</li><li>Tờ trình xin ý kiến về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (INSECO).</li><li>Tờ trình về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM.</li><li>Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.</li></ol>

9. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
10. Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.
11. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kèm danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.
12. Nội dung khác (trong trường hợp được ĐHĐCĐ thông qua).

10h00 - 10h30 **Đại hội thảo luận**

10h30 - 10h40 **Hướng dẫn biểu quyết, Tiến hành biểu quyết.**

**Thông qua Quy chế bầu cử;**

10h40 - 11h00 **Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết;  
Hướng dẫn và tiến hành bầu cử.**

11h00 - 11h20 **Nghỉ giải lao, kiểm phiếu bầu cử**

11h20 - 11h25 **Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử**

11h25 - 11h40 **Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

11h40 - 11h45 **Bế mạc Đại hội**

**DỰ THẢO****QUY CHẾ LÀM VIỆC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

**1. MỤC ĐÍCH**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

**2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

**3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT**

- Công ty : Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

## **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

### **4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 24/3/2023 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo

chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên;
- Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông



báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

#### **4.7 Ban Kiểm phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

#### **4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
  - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình đề Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài

quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/3/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: 40.409.950 cổ phần tương đương với 40.409.950 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Việc bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

#### **4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ**

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **5. Thực hiện**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, NPTQT Cty.

**Đỗ Hùng Dương**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Về Kết quả hoạt động năm 2022; Phương hướng hoạt động năm 2023;  
Tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/6/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/6/2022;

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

**PHẦN I**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

**I. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022**

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022**

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, đầu tư đã đề ra, cụ thể như sau:

**1.1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh TH 2022/ 2021	Tỷ lệ đạt KH năm 2022
1	Sản lượng	Triệu tấn	10,2	10,8	95%	106%
	<i>Trong đó: sản lượng container</i>	<i>1.000 teus</i>	<i>200</i>	<i>137,8</i>	<i>86%</i>	<i>69%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.000	1.100	83%	110%
3	Lợi nhuận trước thuế ( <i>trước khi thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý</i> ) (*)	Tỷ đồng	190	121,6	29%	64%
4	Lợi nhuận trước thuế ( <i>sau khi trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý</i> ) (*)			68	16%	36%

(Số liệu theo báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)

(\*) Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn") và Công ty TNHH vận tải biển Cửu Long ("Công ty Cửu Long") đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân ("TAND") các cấp. Tại bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng (bản án phúc thẩm lần 2) đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17/5/2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Công ty Cửu Long số tiền 53,48 tỷ đồng; buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại 190,76 triệu. Cảng Quy Nhơn đã làm thủ tục đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cảng Quy Nhơn. Ngày 09/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành án trong thời hạn 03 tháng (đến ngày 10/4/2023) đối với bản án phúc thẩm lần 2 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Khoản lợi nhuận giảm 53,67 tỷ đồng theo số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là khoản trích lập dự phòng phải trích lập theo chuẩn mực kế toán. Hiện nay, Cục thi hành án tỉnh Bình Định đã thực hiện khấu trừ số tiền hơn 53,48 tỷ đồng trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn tại Ngân hàng Vietinbank - Bình Định và đã thực hiện chi trả số tiền trên cho Công ty Cửu Long.

Ngoài ra, một số nguyên nhân khác khiến lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022 đạt 68 tỷ đồng, tương đương 16% cùng kỳ năm 2021, 36% kế hoạch năm 2022, chủ yếu do: (1) Trong năm 2022, Công ty đã triển khai dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 nên phải tạm dừng khai thác 350m cầu từ tháng 5/2022; (2) Hàng siêu trường, siêu trọng của một số dự án nằm trong vùng hậu phương của Cảng Quy Nhơn chưa được triển khai; (3) chi phí đầu vào nguyên nhiên vật liệu tăng cao, đặt biệt tiền thuê đất tăng hơn 2,5 lần so cùng kỳ.

Đối với công tác đầu tư và phát triển, kế hoạch đầu tư năm 2022 đã được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 27/6/2022 với tổng giá trị là 367,803 tỷ đồng, giá trị thực hiện đầu tư hơn 299 tỷ đồng đạt 81% kế hoạch đề ra.

## 1.2. Chỉ tiêu tài chính năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2022	31/12/2022
I	Chỉ tiêu thanh toán:			
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	5,00	3,52
	- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	3,78	1,96
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,68	1,88

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2022	31/12/2022
II	Chỉ tiêu nợ:			
	- Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	20%	28%
	- Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	25%	40%
III	Khả năng sinh lời			
	- LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	26%	4%
	- LN sau thuế/ TTS (ROA)	%	32%	4%
	- LN sau thuế/ VCSH (ROE)	%	46%	6%

Đánh giá chung: Trong kỳ hoạt động năm 2022, các chỉ số tài chính của doanh nghiệp cơ bản đều ở ngưỡng an toàn. Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

## 2. Về kết quả trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021

- Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2021 theo đúng quy định ĐHCĐ năm 2022 đã phê duyệt.

- Về việc chi trả cổ tức năm 2021: Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 với mức đã được ĐHCĐ thông qua là 20% /1 cổ phiếu; Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền và đã thực hiện chi trả vào ngày 21/11/2022.

**3. Về chi trả thù lao HĐQT và BKS:** Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS đúng mức mà ĐHCĐ thường niên đã thông qua, với tổng số tiền là: 712.000.000 đồng (*Bảy trăm mười hai triệu đồng*). Trong đó: Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: 472.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng*); cụ thể tổng số tiền thù lao từng thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền thù lao (Đồng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>472.000.000</b>
1	Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT	106.333.000
2	Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	109.667.000
3	Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	96.000.000

4	Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT	46.933.000
5	Lê Hồng Quân	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	49.067.000
6	Nguyễn Thành Nam	TV HĐQT chuyên trách	17.067.000
7	Phan Tuấn Linh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	46.933.000

**4. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:** Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)** là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

#### **5. Về dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn**

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua chủ trương đầu tư dự án nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn có báo cáo riêng về tình hình thực hiện Dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn để báo cáo ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

## **II. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022**

### **1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 phiên họp (trực tiếp, trực tuyến). Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Tùy vào chương trình nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham dự để giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

Bên cạnh đó, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, HĐQT cũng tổ chức thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và email về các nội dung đề xuất của Tổng Giám đốc trình HĐQT xem xét thông qua theo thẩm quyền.

Từ ngày 01/9/2022, HĐQT Công ty có Thành viên HĐQT chuyên trách căn cứ phân công nhiệm vụ để tham gia các cuộc họp giao ban với Ban Điều hành và cuộc họp, buổi làm việc với đơn vị trực thuộc để giải quyết các vấn đề tồn đọng kịp thời, hiệu quả.

### **2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 67 Nghị quyết và 72 quyết định và 01 Thông báo kết luận. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được sự nhất trí tán thành của các thành viên HĐQT, tuân thủ theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty cũng như Quy chế hoạt động của Hội đồng



quản trị; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực. Năm 2022, HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Triệu tập và tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022.
- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 và thông qua kế hoạch tiền lương năm 2022.
- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2021.
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và phối hợp với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của Công ty, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản để đưa các hoạt động của Công ty đi vào nề nếp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể đã sửa đổi và ban hành Quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ thuộc Công ty; Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng cho người quản lý của Công ty; ban hành Hệ thống trả lương 3Ps cho CBCNV theo đúng năng lực gồm các văn bản: Quy chế trả lương; Hệ thống thang bảng lương và kết quả chuyển xếp lương; Quy chế nâng bậc lương và chuyển xếp lương.
- Thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, đầu tư, chế độ lương của người lao động cho phù hợp với thực tiễn của Công ty và chính sách nhà nước hiện hành.

### **3. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT**

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển của Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo Quyết định phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

**4. Báo cáo về danh sách người có liên quan; các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** đã được Công ty công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đăng tải tại website công ty: [www.quynhonport.vn](http://www.quynhonport.vn)

### **5. Hoạt động giám sát của HĐQT:**

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty trong việc điều hành hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 27/6/2022.

- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế, kế hoạch phương án ứng phó với dịch Covid-19 để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BĐH đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, phương tiện thiết bị cho hoạt động sản xuất của Công ty;

- Giám sát và có những chỉ đạo định hướng hỗ trợ kịp thời cho BĐH thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã thông qua. HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các Quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện, có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty. Theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của BĐH.

- Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên HĐQT không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các Quyết định phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

- BĐH đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt.

Đánh giá chung: Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Cảng Quy Nhơn, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

***a. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động Công ty:***

Trong năm qua, BDH Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2022 của Công ty.

BDH đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành hoạt động SXKD.

Việc Công bố thông tin theo quy định được Công ty thực hiện tốt đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, minh bạch, đầy đủ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

#### ***b. Đánh giá đối với bộ máy điều hành của Công ty:***

Bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao để tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Công ty

#### ***c. Đánh giá đối với Người đại diện phần vốn của Cảng Quy Nhơn tại Doanh nghiệp khác:***

Người đại diện phần vốn của Cảng Quy Nhơn tại các Công ty liên kết cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.

## **PHẦN II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023**

Căn cứ vào công tác điều tra, khảo sát, phân tích thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2022; mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực, dự kiến cơ cấu sản lượng hàng hóa năm 2023 và đặc điểm tình hình phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực, Hội đồng quản trị cùng

với BDH và tập thể CBCNV tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong công tác quản trị, điều hành phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2023, với kế hoạch và định hướng sau:

### 1. Mục tiêu chung:

- Hoàn thành vượt tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt Dự án Bến 01.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng chăm sóc khách hàng theo định hướng “Lấy khách hàng làm trung tâm”.
  - Tập trung phát triển nguồn hàng container, đặc biệt nguồn hàng Tây Nguyên, hàng trong vùng hậu phương nhưng chưa xuất/nhập thông qua Cảng, xây dựng giải pháp chuyển đổi phương thức xuất hàng từ tàu chuyển sang container đối với hàng viên gỗ nén.
  - Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành, quản lý của Doanh nghiệp để đạt hiệu quả cao, đồng thời tạo sự tiện ích để tăng trải nghiệm tích cực cho khách hàng.
  - Triển khai Kaizen, áp dụng công cụ Kaizen trong tất cả hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh.
  - Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 theo kế hoạch đề ra.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

HDQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2023 báo cáo và trình ĐHĐCĐ năm 2023 xem xét thông qua gồm các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH 2023/TH 2022
1	Sản lượng	Triệu tấn	10,8	12,3	113,8%
	<i>Trong đó: SL container</i>	<i>1.000 teus</i>	<i>137,8</i>	<i>180</i>	<i>130,6%</i>
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.100	1.278	116,2%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	68	135	198%

*Kế hoạch đầu tư năm 2023:* Kế hoạch đầu tư trong năm 2023 là 400,761 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hơn 336,920 tỷ đồng, đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị là 37,855 tỷ đồng, đầu tư công nghệ thông tin 11,68 tỷ đồng. Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật 14,306 tỷ đồng (Chi tiết như kế hoạch SXKD năm 2023).

### 3. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch

Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 cần tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp sau đây:

**3.1. Tập trung công tác phát triển thị trường, giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, thu hút thêm khách hàng mới:**

- Duy trì ổn định chất lượng dịch vụ, tăng cường chăm sóc khách hàng, thị trường truyền thống nhằm phát triển nguồn hàng cho chiến lược trung, dài hạn.

- Tiếp tục nghiên cứu phương án tăng năng suất xếp dỡ, tăng năng lực vận chuyển, tạo chất lượng dịch vụ khác biệt rõ rệt với đối thủ cạnh tranh và tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả cho khách hàng. Nghiên cứu và xây dựng giải pháp logistics tối ưu nhất cho khách hàng đối với các nguồn hàng ở xa Cảng hoặc phương thức vận chuyển, mua bán phức tạp, thông qua đó gia tăng giá trị chuỗi dịch vụ cho Cảng.

- Theo dõi nhu cầu thị trường và chủ trương của Nhà nước, sử dụng chính sách giá linh hoạt cho từng mặt hàng theo từng thời điểm để giải phóng tàu nhanh, tăng hiệu quả SXKD.

- Quy hoạch kho bãi hiện hữu đáp ứng nhu cầu khách hàng, tăng năng lực tuyến hậu phương phục vụ công tác khai thác cảng hiệu quả, đồng thời tăng nguồn thu cho Cảng.

**3.2. Đầu tư có trọng tâm, theo kế hoạch và theo nhu cầu thực tế của Công ty, tránh đầu tư dàn trải:**

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã đề ra, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nghiên cứu phương án đầu tư thông qua liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, huy động nguồn vốn ứng trước của khách hàng để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ tiên tiến bên ngoài nhằm nâng cao năng lực hoạt động doanh nghiệp, giảm áp lực chi phí tài chính, chia sẻ lợi nhuận và rủi ro.

**3.3. Làm tốt công tác quản trị, điều hành của Công ty:**

- Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp; thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh giản, đảm bảo hiệu quả, nâng cao năng suất lao động;

- Chuẩn hoá và liên tục cải tiến hệ thống quy trình nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất;

- Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất lao động.

**3.4. Tăng cường công tác về quản trị tài chính, làm chủ nguồn lực tài chính, bảo toàn vốn chủ sở hữu:**

- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thu hút vốn đầu tư và phân bổ nguồn lực để đầu tư phù hợp nhằm tạo nguồn vốn thực hiện các dự án

phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty;

- Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng.

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý trong quản trị, điều hành hoạt động SXKD; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

### **3.5. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp:**

- Xây dựng văn hoá lắng nghe, tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm bằng việc cung cấp các dịch vụ ưu việt cho khách hàng thông qua hệ thống chăm sóc khách hàng trực tuyến để giải quyết dứt điểm, thỏa đáng những phản ánh, khiếu nại của khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo chính cho hiệu quả công việc.

## **PHẦN III**

### **TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2018 – 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giai đoạn 2018-2023:**

##### **1. Về kết quả thực hiện SXKD giai đoạn 2018-2023**

Giai đoạn 2018-2023, tình hình trong nước cũng như toàn Thế giới đã chứng kiến nhiều sự biến động thay đổi ngoài dự báo như tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu; các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu,... đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua; tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng và chiến tranh thương mại gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam; ảnh hưởng của chiến tranh và suy thoái kinh tế toàn cầu,...

Trải qua những thách thức, Cảng Quy Nhơn rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất và mang lại những kỳ vọng nhất định cho cổ đông và người lao động; hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra theo phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty.

Kết quả SXKD giai đoạn 2018-2023 với một số chỉ tiêu chính sau:

<b>T T</b>	<b>Chỉ tiêu chính</b>	<b>TH 2018</b>	<b>TH 2019</b>	<b>TH 2020</b>	<b>TH 2021</b>	<b>TH 2022</b>
1	<b>SL thông qua cảng (Tấn)</b>	8.316.499	9.103.427	11.037.117	11.368.679	10.811.168
2	<b>Doanh thu (Triệu đồng)</b>	728.587	812.877	852.504	1.332.552	1.099.048

3	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b> (Triệu đồng)	58.500	51.500	57.400	134.200	86.100
4	<b>LN trước thuế</b> (Triệu đồng)	120.137	128.528	146.717	419.716	67.957(*)
5	<b>Cổ tức hàng năm</b> (%)	16%	16%	17%	20%	12%
6	<b>Thu nhập bình quân</b> (triệu đồng/người/tháng)	12,98	14,2	15,2	18,5	17,2

(\*) Trước khi trích lập dự phòng cho nghĩa vụ pháp lý theo bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng (bản án phúc thẩm lần 2) giải quyết tranh chấp giữa Cảng Quy Nhơn và Công ty TNHH VTB Cửu Long, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2022 là 121,6 tỷ đồng. Vụ án đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại TAND các cấp. Tại bản án phúc thẩm lần 2, TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17/5/2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Công ty Cửu Long số tiền 53,48 tỷ đồng; buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại 190,76 triệu. Cảng Quy Nhơn đã làm thủ tục đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cảng Quy Nhơn. Ngày 09/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành án trong thời hạn 03 tháng (đến ngày 10/4/2023) đối với bản án phúc thẩm lần 2 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Khoản lợi nhuận giảm 53,67 tỷ đồng theo số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là khoản trích lập dự phòng phải trích lập theo chuẩn mực kế toán. Hiện nay, Cục thi hành án tỉnh Bình Định đã thực hiện khấu trừ số tiền hơn 53,48 tỷ đồng trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn tại Ngân hàng Vietinbank - Bình Định và đã thực hiện chi trả số tiền trên cho Công ty Cửu Long.

## **2. Kết quả công tác đầu tư giai đoạn 2018-2023:**

Công tác đầu tư, phát triển giai đoạn 2018 – 2023 được quan tâm, chú trọng. Trong 5 năm, Cảng đã triển khai và hoàn thành nhiều dự án về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; đầu tư thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ các loại; đầu tư phát triển ứng dụng công

nghe thông tin. Trong kỳ, Công ty đã triển khai thực hiện dự án trọng điểm Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn sau kết nối cầu tàu 4 của Cảng Quy Nhơn với cầu tàu số 5 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn; Triển khai bước chuẩn bị đầu tư dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha);...

(chi tiết tại Báo cáo về kết quả thực hiện SXKD giai đoạn năm 2018 – 2023, Kế hoạch SXKD giai đoạn năm 2023 – 2028)

### 3. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2018-2023:

Nội dung	2018	2019	2020	2021	2022
Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

4. Về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức các năm đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo phương án đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

5. Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu QNP tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh – HOSE theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trong nhiệm kỳ qua, Công ty đã thực hiện 2 lần sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Nhiệm kỳ 2018-2023, HĐQT đã chấp hành nghiêm chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## II. Tổng quan về nhiệm kỳ 2018-2023

### 1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Năm 2019, Bộ GTVT chỉ đạo thực hiện việc thu hồi 75,01% cổ phần tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về sở hữu Nhà nước. Theo đó, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã thực hiện tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn.

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 5 thành viên. Việc thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:



<b>TT</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>Ngày bổ nhiệm làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023</b>	<b>Ngày miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023</b>
1	Ông Lê Hồng Thái	26/4/2018	29/6/2019
2	Ông Nguyễn Kim Cương	26/4/2018	29/6/2019
3	Ông Vũ Hoàng Hải	26/4/2018	29/6/2019
4	Ông Nguyễn Văn Phi	26/4/2018	29/6/2019
5	Ông Nguyễn Thế Tâm	26/4/2018	29/6/2019
6	Ông Phạm Anh Tuấn	29/6/2019	
7	Ông Phan Tuấn Linh	29/6/2019	27/6/2022
8	Ông Lý Quang Thái	29/6/2019	09/6/2021
9	Ông Nguyễn Quý Hà	29/6/2019	27/6/2022
10	Ông Phạm Đăng Cao	29/6/2019	
11	Ông Đỗ Hùng Dương	09/6/2021	
12	Ông Lê Hồng Quân	27/6/2022	
13	Ông Nguyễn Thành Nam	27/6/2022	

Đến thời điểm hiện tại, danh sách Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>
1	Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT, TGD
3	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT

## **2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023**

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Hội đồng quản trị với quyền và nghĩa vụ do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định, đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo về thời gian và các thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và

các quy chế, quy định nội bộ của Công ty. Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung họp mang tính thời sự và thiết thực, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Tùy vào chương trình nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham dự để giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc họp. Đến nay, các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ và theo Pháp luật. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được sự nhất trí tán thành của các thành viên HĐQT theo quy định.

### **3. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:**

HĐQT giám sát Ban điều hành thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Nhìn chung Ban điều hành đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bắt sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ cũng như quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023 và tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

## **III. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028:**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2023 – 2028:**

*(chi tiết tại Báo cáo về kết quả thực hiện SXKD giai đoạn năm 2018 – 2023, Kế hoạch SXKD giai đoạn năm 2023 – 2028)*

### **2. Các giải pháp thực hiện:**

**2.1.** Hoàn thiện hệ thống các văn bản Quy chế quản lý các quy định nội bộ phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. Các văn bản phải thể hiện được tính linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, chặt chẽ, công bằng và công khai, minh bạch trong quản lý; là thước đo các chuẩn mực trong đánh giá, giám sát mọi hoạt động của Công ty cũng như công tác lựa chọn, cơ cấu cán bộ. Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế.

**2.2.** Nâng cao năng suất, hiệu suất khai thác của cảng, tối đa hóa công suất khai thác bãi. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, tiếp tục rà soát, đánh giá để tiết giảm các khoản chi phí không cần thiết.

**2.3.** Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng sau cảng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ cảng; tập trung chiến lược phát triển hàng container, tận dụng lợi thế về địa lý, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có để phát triển thị trường từ khu vực Tây Nguyên, Đông Bắc Lào và Campuchia.

**2.4.** Phát triển thị trường dịch vụ logistics, đưa Cảng Quy Nhơn trở thành một đầu mối Logistics quan trọng trong khu vực; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics về số lượng, quy mô, có năng lực cạnh tranh cao.

**2.5.** Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng logistics như kho bãi, cầu bến và hệ thống đường giao thông nội bộ giúp cho việc vận chuyển hàng hóa giữa Quy Nhơn và các tỉnh lân cận được nhanh chóng và thuận tiện, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng suất xếp dỡ và giải phóng hàng hóa.

**2.6.** Áp dụng công nghệ hiện đại trong việc đồng bộ hóa các tác vụ giữa các bộ phận trong cảng và kết nối giữa các Cảng, ICD, Depot, kết nối giữa hãng tàu, cảng và hải quan,... Qua đó giúp cho việc thực hiện các tác vụ của khách hàng được đồng bộ giữa các bộ phận, nhanh và chính xác hơn, hiệu quả hơn.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo về Kết quả hoạt động năm 2022; Phương hướng hoạt động năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 09/6/2021.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/6/2021.

Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 của Công ty CP Cảng Quy Nhơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Quy Nhơn xin báo cáo tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát Công ty CP Cảng Quy Nhơn năm 2022 như sau:

**PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022**

**I. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên:

1. Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban
2. Bà Vũ Thị Diệp - Thành viên
3. Bà Phan Thị Mai - Thành viên

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung bà Phan Thị Mai làm thành viên Ban Kiểm soát.

**II. Về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:**

**1. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2022, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD), thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể các công việc đã thực hiện như sau:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty năm 2022. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT, Ban TGD ban hành trong quá trình

quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2022.

+ BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và đưa ra các kiến nghị. HĐQT, Ban TGD, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

+ Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban TGD xác lập; những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra; rà soát, thảo luận cùng Ban TGD, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2022 và báo cáo kiểm toán năm 2022 nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.

+ Kiểm soát việc thực hiện việc công bố thông tin của Công ty đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cũng như đăng thông tin trên Website của Công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường của cổ đông hay nhóm cổ đông nào.

## **2. Tình hình và kết quả cuộc họp của BKS:**

Trong năm 2022, BKS đã họp 04 cuộc họp, tình hình tham dự, nội dung và kết quả cuộc họp cụ thể như sau:

T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/kết thúc là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	26/06/2020	04/04	100%	-
2	Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên	29/6/2019	04/04	100%	-
3	Bà Phan Thị Mai	Thành viên	27/6/2022	03/04	75%	-
3	Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	27/6/2022	01/04	25%	-

- Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2022, BKS đã họp thống nhất phân công công việc giữa các thành viên và thực hiện việc giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2021.

- Tại kỳ họp tháng 6/2022, BKS đã họp thống nhất phân công công việc giữa các thành viên BKS sau khi có sự thay đổi về thành viên BKS.

- Tại kỳ họp tháng 8/2022, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2021.

- Tại kỳ họp tháng 11/2022, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên BKS và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Quý III/2022.

### **3. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2022, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã đưa ra các kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kiến nghị Công ty tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành các quy chế nội bộ phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020, tình hình thực tế của Công ty và các quy định hiện hành.

- Tập trung xử lý những vướng mắc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

- Sớm hoàn thành chuyển đổi mô hình hoạt động của Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp để đổi mới mô hình quản trị, phát triển mở rộng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, gia tăng nguồn thu cho Công ty.

- Kiến nghị hoàn thiện công tác hạch toán chi phí, chứng từ thanh toán của Cảng Quy Nhơn, công tác mua sắm hàng hóa, vật tư nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiến nghị Công ty thực hiện quyết toán vốn dự án hoàn thành đối với các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng.

- Kiến nghị đối với công tác thu hồi công nợ: kiến nghị Cảng cần tăng cường công tác thu hồi công nợ, tránh bị chiếm dụng vốn đặc biệt trong điều kiện Cảng đang phải tập trung nguồn tài chính để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bên số 1 - Cảng Quy Nhơn.

### **III. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát**

- Hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ theo phân công công việc một cách nghiêm túc, thận trọng, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi để thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả tốt nhất.

### **IV. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022**

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Các thành viên BKS đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thù lao thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2022. Tổng số thù lao Công ty đã chi trả cho BKS trong năm 2022 là 240 triệu đồng, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Thành viên BKS</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Thù lao (đồng)</b>
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000
2	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát	35.200.000
3	Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000
4	Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	36.800.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>240.000.000</b>

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

## **PHẦN II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT**

### **I. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

#### **1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

- HĐQT đã chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 27/6/2022.

- HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, kết quả đạt được như sau:

+ Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2022, Cảng Quy Nhơn hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về sản lượng (đạt 106% kế hoạch), doanh thu (đạt 110% kế hoạch) nhưng không hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế (đạt 64% kế hoạch, chưa tính khoản trích lập dự phòng nghĩa vụ pháp lý).

+ Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021: Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 với mức 20% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, đã thực hiện chi trả vào ngày 21/11/2022.

+ Thực hiện Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022: Công ty đã thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, chi trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thông qua, với tổng số tiền là 712 triệu đồng.

+ Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2022.

+ Thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty: Công ty đã thực hiện hoàn thành.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều triển khai ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm.

- Sau khi kiện toàn nhân sự HĐQT tại ĐHĐCĐ năm 2022, HĐQT đã ban hành Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT để triển khai thực hiện công việc.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp (trực tiếp, trực tuyến). Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Các cuộc họp đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát.

- Trên cơ sở nội dung các cuộc họp và thông qua việc xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan đến công tác đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ chính sách, ban hành các quy chế nội bộ, ... Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được đa số các thành viên HĐQT thống nhất ý kiến và đã bám sát chủ trương, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT bao gồm: Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng cho người quản lý của Công ty; Quy chế nâng bậc lương và chuyển xếp lương đối với CBCNV Công ty; Quy chế trả lương cho CBCNV Công ty; ...

## ***2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:***

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, theo chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì, phát triển thị trường, khách hàng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý khai thác trong bối cảnh Công ty đang thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến số 1 nhằm phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và người lao động của Công ty. Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc tiếp theo.

- Trong năm, Tổng Giám đốc đã ban hành các quy chế, quy định và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc bao gồm: Quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV Công ty; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên tại Công ty; Quy định sử dụng phần mềm văn phòng điện tử; ...

- Công ty duy trì tốt các hoạt động về đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện đúng các chế độ của người lao động. Ban Điều hành quan tâm và hỗ trợ đối với các công tác đoàn thể của Công ty.

- Cảng Quy Nhơn đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Cảng Quy Nhơn.

Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, giám sát cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong năm.



### ***3. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát***

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty khi có yêu cầu. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp cần thiết khác.

- Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đều được Công ty ghi nhận và thực hiện.

### ***4. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị***

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ năm 2022. Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ.

## **II. Công tác thẩm tra, giám sát BCTC, hoạt động kinh doanh năm 2022:**

### ***1. Thẩm tra Báo cáo tài chính:***

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Cảng Quy Nhơn.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Cảng Quy Nhơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Ban TCKT nhất trí với ý kiến của Công ty kiểm toán là các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, tại BCTC riêng và Hợp nhất, kiểm toán viên cũng nhấn mạnh vấn đề sau:

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền 53,67 tỷ đồng theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này. (BCTC riêng và Hợp nhất).

\* Ý kiến của BKS: Liên quan đến vụ kiện với Công ty Cửu Long, hiện tại, Cảng Quy Nhơn đã có đơn Giám đốc thẩm gửi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và được hoãn thi hành án trong vòng 03 tháng (đến thời điểm 10/4/2023). Hiện nay, Cục thi hành án tỉnh Bình Định đã thực hiện khấu trừ số tiền hơn 53,48 tỷ đồng trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn tại Ngân hàng Vietinbank - Bình Định và đã thực hiện chi trả số tiền trên cho Công ty Cửu Long. Vụ kiện với Công ty Cửu Long đã kéo dài từ

lâu, Cảng Quy Nhơn đã thận trọng trích lập dự phòng phải trả trong năm tài chính 2022. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của đơn vị kiểm toán.

Năm 2022, Cảng Quy Nhơn điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do điều chỉnh theo kiến nghị của Đoàn KTNN.

## 2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2021	KH 2022	2022	TH 2022/ 2021	TH 2022/ KH 2022
<b>Sản lượng hàng thông qua (tr.tấn)</b>	<b>11,3</b>	<b>10,2</b>	<b>10,8</b>	<b>96</b>	<b>106</b>
Sản lượng hàng cont (nghìn teus)	160	200	138	86	69
Tổng doanh thu	1.332.303	1.000.000	1.099.050	82	110
Doanh thu thuần	1.310.799		1.069.096	82	
Doanh thu tài chính	18.370		27.319	149	
Thu nhập khác	3.134		2.635	84	
<b>Tổng chi phí</b>	<b>912.839</b>		<b>1.031.092</b>	<b>113</b>	
Giá vốn hàng bán	818.313		891.770	109	
Chi phí bán hàng	10764		11.537	107	
Chi phí QLDN	73.611		126.022	171	
Chi phí tài chính	788		840	107	
Chi phí khác	9.363		923	10	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>419.464</b>	<b>190.000</b>	<b>67.958</b>	<b>16</b>	<b>36</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>335.684</b>		<b>44.164</b>	<b>13</b>	

Đánh giá chung:

+ Sản lượng: năm 2022, sản lượng hàng thông qua cảng là 10,8 triệu tấn, bằng 96% so với năm ngoái, đạt 106% kế hoạch năm. Sản lượng hàng container đạt 138 nghìn teus, bằng 86% so với năm 2021, đạt 69% so với kế hoạch.

+ Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2022 của Cảng Quy Nhơn là 1.099.050 triệu đồng, bằng 82% so với năm ngoái, đạt 110% so với kế hoạch. Trong đó:

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là 1.069.096 triệu đồng, chiếm 97,3% tổng doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 là 27.319 triệu đồng, bằng 149% so với năm ngoái chủ yếu lãi tiền gửi tăng và trong kỳ Cảng Quy Nhơn ghi nhận 1.689 triệu đồng lãi thoái vốn tại MSB.

+ Tổng chi phí năm 2022 là 1.031.092 triệu đồng, tăng 113% so với năm 2021, trong đó: Giá vốn hàng bán là 891.770 triệu đồng, bằng 109% so với năm ngoái. Chi phí quản lý doanh nghiệp là 126.022 triệu đồng, bằng 171% so với năm ngoái. Trong

đó, chi phí nhân viên quản lý là 36.200 triệu đồng, giảm 13% so với năm ngoái. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh so với năm 2021 là do Cảng Quy Nhơn trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo Bản án phúc thẩm của TAND cấp cao liên quan đến vụ kiện Cửu Long số tiền 53,67 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 67.958 triệu đồng, bằng 16% năm 2020, đạt 36% kế hoạch năm.

**3. Đánh giá tình hình tài chính:** (Số liệu lấy theo BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán)

**3.1. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	SS (%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.061.487</b>	<b>1.084.913</b>	<b>102,2</b>
Tài sản ngắn hạn	800.562	603.359	75,4
Tài sản dài hạn	260.925	481.554	184,6
<b>Nguồn vốn</b>	<b>1.061.487</b>	<b>1.084.913</b>	<b>102,2</b>
Nợ phải trả	210.729	308.046	146,2
Vốn chủ sở hữu	850.758	776.867	91,3

\* Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 1.084.913 triệu đồng, tăng 23.426 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn 603.359 triệu đồng (chiếm 55,6% tổng tài sản), giảm 197.203 triệu đồng so với đầu năm. Chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn giảm 112.375 triệu đồng (do phải thu khách hàng giảm 77.948 triệu đồng và trả trước cho người bán giảm 33.588 triệu đồng).

+ Tài sản dài hạn là 481.554 triệu đồng (chiếm 45,4% tổng tài sản), giảm 7.443 triệu đồng so với thời điểm đầu năm chủ yếu là do tài sản cố định giảm.

\* Tổng nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn là tăng 23.426 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó: Nợ phải trả là 308.046 triệu đồng tăng 97.317 triệu đồng do phải trả người bán tăng 58.378 triệu đồng, dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 53.671 triệu đồng (Cảng Quy Nhơn trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo Bản án phúc thẩm của TAND cấp cao liên quan đến vụ kiện Cửu Long). Cảng Quy Nhơn không có nợ dài hạn. Vốn chủ sở hữu là 776.867 triệu đồng, giảm 73.891 triệu đồng do Quỹ đầu tư phát triển tăng 165.436 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 239.327 triệu đồng so với thời điểm đầu năm.

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Cảng Quy Nhơn cho tài sản của Cảng chủ yếu được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả của Cảng chủ yếu là phải trả người bán, phải trả người lao động, nghĩa vụ nộp NSNN. Công ty không có nợ dài hạn, nợ ngân hàng. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Cảng an toàn. Vì vậy, Cảng Quy Nhơn thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn là biện pháp tái đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực khai thác cảng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2022 là 1,92 giảm so với thời điểm đầu năm nhưng vẫn lớn hơn 1 cho thấy vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển.

### 3.2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	01/01/2022	31/12/2022
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	3,70	1,88
Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Nợ phải trả)	Lần	5,04	3,52
<b>Hệ số nợ</b>			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	19,85	28,39
Nợ phải trả/ Vốn CSH	%	24,77	39,65
<b>Khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /DT thuần	%	25,61	4,13
ROA (Tỷ số LNST/ Tổng tài sản)	%	38,24	4,82
ROE (Tỷ số LNST/ Vốn chủ sở hữu)	%	46,62	6,41

Đánh giá:

Các chỉ số tài chính của Cảng Quy Nhơn tại thời điểm 31/12/2022 cho thấy tình hình tài chính ổn định, các chỉ số về khả năng thanh toán ở ngưỡng an toàn, các chỉ số khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động đều giảm so với năm ngoái do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 sụt giảm mạnh.

### 4. Công tác đầu tư tài chính:

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Cảng Quy Nhơn có vốn góp tại 02 Công ty (Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải). Cụ thể:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Giá gốc (VNĐ)	Dự phòng
Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	16,68%	1.800.151	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	20%	480.000	7.608.000.000	-

Đánh giá:

+ Đối với các khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải (Inseco Quy Nhơn): Inseco Quy Nhơn hoạt động sản xuất kinh doanh chính là khí công nghiệp, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa. Hoạt động của Inseco Quy Nhơn năm 2022 tiếp tục đem lại hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 8,62 tỷ đồng, dự kiến cổ tức vẫn đạt kế hoạch là 20%.

+ Đối với khoản đầu tư tại Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn (tỷ lệ sở hữu của Cảng là 16,68% VDL): Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là kinh doanh xếp dỡ, kho bãi, hiện Công ty đang cho Cảng Quy Nhơn thuê khai thác cầu 5. Lợi nhuận

sau thuế năm 2022 của Công ty là 31,56 tỷ đồng, cổ tức cho cổ đông ở mức 20% vốn điều lệ.

+ Đối với khoản đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam: Tháng 10/2022, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện thoái vốn tại MSB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022. Lãi thoái vốn thu được là 1,69 tỷ đồng.

## 5. Công tác đầu tư và quản lý tài sản:

### 5.1. Tình hình đầu tư, mua sắm tài sản:

Kế hoạch đầu tư năm 2022 của Cảng Quy Nhơn đã được ĐHĐCĐ giao là 367,8 tỷ đồng. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư như sau:

TT	Dự án đầu tư	Kế hoạch 2022	TH năm 2022	SS % TH/KH
1	Đầu tư mua sắm thiết bị	42,94	7,81	18%
2	Đầu tư XD CB	299,95	287,54	96%
3	DA công nghệ thông tin	13,00	1,73	13%
4	Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật	11,91	2,00	17%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>367,80</b>	<b>299,08</b>	<b>81%</b>

Chi tiết thực hiện một số dự án đã triển khai trong năm 2022 như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến 1 – Cảng Quy Nhơn: Hoàn thành thi công rà phá bom mìn trong tháng 3/2022. Ngày 03/6/2022, khởi công thi công xây dựng công trình theo văn bản số 696/QNP-ĐT ngày 30/5/2022. Đến nay, hạng mục Bến 1 nhà thầu hoàn thành khoảng 98% khối lượng công trình, các nhà thầu đang thực hiện công việc giai đoạn cuối như: lắp đặt ray,...Giá trị đã giải ngân đến 31/12/2022 là 231,3 tỷ đồng.

- Hoàn thành thi công và bàn giao các công trình đưa vào sử dụng như: Nâng cấp cải tạo khu nhà Trung tâm ĐHSX; Cải tạo nhà làm việc đội container thành trung tâm dịch vụ khách hàng kết hợp văn phòng làm việc.

- Các dự án đầu tư phương tiện thiết bị, CNTT như: hoàn thành đầu tư 03 xe đào bánh xích gầu 0,5 m<sup>3</sup>; Ngoạm điều khiển từ xa dung tích 10-15m<sup>3</sup>; Hoàn thành Dự án Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (GD 1).

- Hoàn thành một số hạng mục sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật.

- Các dự án đang thực hiện như: Nạo vét khu nước trước bến (năm 2021); Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha); Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống; Đầu tư server (giai đoạn 1); Nâng cấp hệ thống mạng khu văn phòng; Nâng cấp hệ thống mạng khu sản xuất; Hạ ngầm cáp quang tuyến chính; Xe ủi D39/D40 (2 xe), Khung chụp spreader cầu QC,...

\* Đánh giá: Các dự án được thực hiện theo kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ năm 2022 giao. Giá trị thi công các dự án, công trình đầu tư năm 2022 là 299,08 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch. Công tác triển khai, thực hiện dự án, mua sắm tài sản được

thực hiện theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy trình, quy định về đầu tư, mua sắm tài sản của Công ty.

## 5.2. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:

Cảng Quy Nhơn trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Trong năm 2022, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện trích khấu hao tài sản cố định số tiền là 35,8 tỷ đồng. Trong đó, khấu hao tài sản cố định hữu hình là 43.079 triệu đồng, khấu hao tài sản vô hình là 1,07 tỷ đồng.

## 6. Về lao động, tiền lương:

### 6.1. Tình hình lao động:

- Tổng số lao động bình quân năm 2022 của toàn Công ty là 804,72 người, bằng 97,3% so với năm 2021 (trong đó lao động là người lao động 800 người, bằng 97,4% so với năm 2021, lao động quản lý chuyên trách: 4,72 người, bằng 80,96% so với năm 2021).

Trong năm 2022, số người nghỉ hưu, thôi việc, chuyển sang Công ty TNHH MTV do Cảng Quy Nhơn sở hữu 100% vốn điều lệ là 68 người, cụ thể:

+ Số lao động của Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp chấm dứt HĐLĐ với Cảng để chuyển sang Công ty TNHH MTV Logistics Cảng Quy Nhơn từ ngày 01/7/2022: 33 người.

+ Số lao động chấm dứt HĐLĐ để nhận chế độ hỗ trợ khuyến khích về hưu trước tuổi của Công ty năm 2022: 8 người (nghỉ việc từ ngày 01/10/2022).

+ Số lao động xin chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng cá nhân: 18 người

+ Số lao động nghỉ hưu: 06 người.

+ Số lao động nghỉ việc khác (hết hạn HĐ, thử việc không đạt...): 03 người

### 6.2. Về tiền lương:

Công ty chi trả tiền lương theo quy định của Công ty và đóng BHXH cho người lao động đúng theo quy định của nhà nước. Thực hiện chi trả tiền lương đảm bảo theo kế hoạch, tiền lương bình quân năm 2022 của người lao động Công ty đạt 13,257 triệu đồng/người/tháng, bằng 74,4% so với thực hiện năm 2022.

6.3. Tình hình chi trả thù lao: Công ty thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Tổng mức thù lao đã chi trả là 712 triệu đồng.

## 7. Về tình hình thực nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện các kiến nghị của KTNN:

### 7.1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước:

Việc kê khai, quyết toán thuế định kỳ trong năm 2022: Cảng Quy Nhơn đã thực hiện kê khai, quyết toán và nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

7.2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của KTNN về kiểm toán BCTC, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021:

- Đối với kiến nghị về điều chỉnh số liệu kế toán và BCTC năm 2021: Cảng Quy Nhơn đã điều chỉnh sổ sách, lập lại BCTC năm 2021 (ngày lập lại BCTC là 06/01/2023).

- Đối với các kiến nghị còn lại:

+ Xử lý tài chính, nộp vào NSNN 1.203 triệu đồng: Ngày 05/01/2023, Cảng Quy Nhơn đã nộp vào NSNN số tiền 1.203 triệu đồng theo kiến nghị của KTNN.

+ Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán trong công tác quản lý nợ phải thu; Công tác quản lý nợ phải trả, quản lý TSCĐ: Cảng Quy Nhơn đã thực hiện chấn chỉnh.

+ Kiến nghị, xem xét, kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu tại báo cáo kiểm toán: Ngày 20/02/2023, Ban Điều hành Cảng Quy Nhơn tổ chức họp về việc kiểm tra, kiểm điểm những tồn tại hạn chế theo thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước và đã có Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị gửi Tổng công ty hàng hải Việt Nam – CTCP để tổng hợp gửi KTNN.

+ Hiện tại còn 01 kiến nghị đang thực hiện (kiến nghị: hoàn thiện hồ sơ pháp lý về giao khu vực biển và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách có liên quan theo quy định đối với các công ty kinh doanh cảng biển): Cảng Quy Nhơn đang gấp rút chuẩn bị hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

#### **8. Về xây dựng, ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ:**

Trong năm 2022, Cảng Quy Nhơn đã ban hành một số quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật, tạo cơ sở cho việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mới ban hành và Điều lệ Công ty đã sửa đổi, bổ sung, Cảng cũng cần phải rà soát, xây dựng, sửa đổi hoàn thiện một số quy chế, quy định có liên quan theo như Ban Kiểm soát đã đề nghị, bao gồm: Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Quản lý, sử dụng các quỹ; Quy chế Chi tiêu nội bộ; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, phụ tùng vật tư, nhiên liệu; Hệ thống thang bảng lương, Quy chế nâng bậc lương và chuyển xếp lương đối với CBCNV Công ty, Quy chế trả lương cho CBCNV; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCNV tại Công ty; Quy định cấm sử dụng thuốc lá trong phạm vi Công ty; Nội quy ra/vào và hoạt động tại vùng đất Cảng Quy Nhơn; Quy trình phân cấp quản lý kỹ thuật trong sửa chữa - bảo dưỡng phương tiện, thiết bị, công cụ; Quy định cấp phát nhiên liệu đối với phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất; Quy định sử dụng phần mềm văn phòng điện tử.

#### **9. Về công bố thông tin:**

Trong năm 2022, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện đầy đủ về việc công bố thông tin định kỳ như: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị công ty, việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên,... và đã thực hiện công bố thông tin bất thường đối với những hoạt động phát sinh của doanh nghiệp theo quy định.

Để công tác công bố thông tin được đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, Công ty cần ban hành quy chế công bố thông tin để các bộ phận căn cứ thực

hiện, đảm bảo gắn trách nhiệm của các đơn vị/bộ phận trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời.

#### **10. Báo cáo đánh giá về các giao dịch:**

Tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp quy định về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan, ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.

Trong năm 2022, Cảng Quy Nhơn có phát sinh hợp đồng, giao dịch với một số doanh nghiệp được xác định là người có liên quan, bao gồm: CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam, CTCP Phát triển Hàng hải, CTCP Vận tải biển Việt Nam, Công ty Vận tải biển VIMC, Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép, Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ container quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ...

Các hợp đồng, giao dịch nêu trên đều đã được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

#### **PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2023**

Căn cứ vào hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2023 cụ thể như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Cảng Quy Nhơn đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thẩm tra, giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Tiến hành thẩm tra các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2023, giám sát tình hình đầu tư góp vốn của Cảng Quy Nhơn, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn góp;

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có nội dung liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Quy Nhơn năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

Trân trọng báo cáo./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

**Dương Thị Hồng Hạnh**



BAN KIỂM SOÁT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN  
NHIỆM KỲ 2018 - 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (Cảng Quy Nhơn) thông qua;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát;

Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Quy Nhơn xin báo cáo tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

**I. Về tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023:**

**1. Nhân sự Ban Kiểm soát**

Năm 2019, Bộ GTVT chỉ đạo thực hiện việc thu hồi 75,01% cổ phần tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về sở hữu Nhà nước. Theo đó, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã thực hiện tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 29/6/2019, Đại hội đã bầu Ban Kiểm soát với số lượng 03 thành viên, bao gồm:

- |                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| - Ông Lê Duy Dương   | Trưởng Ban Kiểm soát     |
| - Bà Vũ Thị Diệp     | Thành viên Ban Kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên Ban Kiểm soát |

Từ kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đến nay, có sự thay đổi các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, tổ chức ngày 26/6/2020, Đại hội đã miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Lê Duy Dương và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Dương Thị Hồng Hạnh.

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, tổ chức ngày 27/6/2022, Đại hội đã miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Nguyễn Thị Hằng và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Phan Thị Mai.



Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kiến nghị, tham gia ý kiến hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế tiền lương,...

- Kiến nghị hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí, chứng từ thanh toán của Cảng Quy Nhơn nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiến nghị việc đàm phán, xây dựng các hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng thuê ngoài,...; Kiến nghị hoàn thiện công tác lựa chọn nhà cung cấp, mua sắm công cụ, dụng cụ, tài sản, lựa chọn nhà thầu nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của Công ty;

- Tham gia góp ý kiến đối với công tác đầu tư, quy trình lựa chọn nhà thầu, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, quy trình thanh toán chi phí thực hiện dự án.

- Tham gia góp ý kiến các nội dung trình ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị**

### **1. Nhân sự Hội đồng quản trị**

Như đã nêu trên, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã thực hiện tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn từ tháng 6/2019.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 29/6/2019, Đại hội đã bầu Hội đồng quản trị với số lượng 05 thành viên, bao gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Tuấn Linh, Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quý Hà, Thành viên HĐQT
- Ông Lý Quang Thái, Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Đăng Cao, Thành viên HĐQT

Từ kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đến nay, có sự thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, tổ chức ngày 09/6/2021, Đại hội đã miễn nhiệm thành viên HĐQT Lý Quang Thái và bầu bổ sung thành viên HĐQT Đỗ Hùng Dương.

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, tổ chức ngày 27/7/2022, Đại hội đã miễn nhiệm thành viên HĐQT Phan Tuấn Linh, Nguyễn Quý Hà và bầu bổ sung thành viên HĐQT Lê Hồng Quân, Nguyễn Thành Nam.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hiện nay như sau:

- Ông Đỗ Hùng Dương                      Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Hồng Quân                      Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Anh Tuấn                      Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thành Nam                      Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Đăng Cao                      Thành viên HĐQT

## **2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT**

Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong từng năm. Cụ thể:

+ HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua như: triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm; thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức, trích và chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều triển khai ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định, ngoài ra, đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị thực hiện lấy ý kiến của các thành viên bằng hình thức lấy phiếu ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể và được ghi tại Biên bản cuộc họp, ban hành Nghị quyết cuộc họp làm cơ sở triển khai thực hiện. Việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được căn cứ trên đa số ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

+ Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư hàng năm của Công ty; sửa đổi một số điều của Điều lệ Công ty, trình thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới ban hành năm 2020. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định nội bộ theo thẩm quyền, bao gồm: Quy chế Quản lý dự án đầu tư, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Tuyển dụng lao động, Quy chế Quản lý và hoạt động người đại diện phần vốn, Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Quản lý nợ, ... và nhiều văn bản, nghị quyết, quyết định tạo cơ sở cho việc quản trị có hệ thống, tập trung và thống nhất.

+ Các thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với Điều lệ Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ. Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai, minh bạch và tập trung vào chiến lược kinh doanh của Công ty, hướng đến mục tiêu hiệu quả.

### III. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc:

Trên cơ sở các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, trong nhiệm kỳ 2018-2023, Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

+ Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và người lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Công tác tài chính kế toán tuân thủ đúng Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp theo quy định.

+ Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định nội bộ, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, bao gồm: Nội quy lao động, Quy trình khung về hoạt động chăm sóc khách hàng, Quy chế tổ chức cho cán bộ, công nhân lao động đi tham quan du lịch, Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, Quy định Quản lý và sử dụng xe ô tô, Quy trình Quản lý thu cước cơ sở hạ tầng không dừng, Quy định chi hoa hồng môi giới và chiết khấu thương mại, ...

+ Trong nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm duy trì hoạt động ổn định và tăng trưởng của Công ty, giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hàng năm đã được ĐHĐCĐ đề ra. Duy trì tốt các hoạt động về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, thực hiện đúng các chế độ của người lao động. Hàng năm, đều quan tâm và hỗ trợ đối với hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Công ty.

### III. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2023

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
<b>Sản lượng (tr.tấn)</b>	<b>8,3</b>	<b>9,1</b>	<b>11,03</b>	<b>11,30</b>	<b>10,8</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>404.524</b>	<b>812.878</b>	<b>852.505</b>	<b>1.332.303</b>	<b>1.098.690</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.387	799.967	830.606	1.310.799	1.069.096
- Doanh thu tài chính	15.660	12.051	19.139	18.370	27.319
- Thu nhập khác	1.477	860	2.760	3.134	2.275

<b>Tổng chi phí</b>	<b>314.591</b>	<b>684.350</b>	<b>709.795</b>	<b>912.839</b>	<b>1.030.732</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>89.933</b>	<b>128.528</b>	<b>142.710</b>	<b>419.464</b>	<b>67.958</b>

### **Đánh giá chung:**

+ Trong giai đoạn 2018-2022, sản lượng thông qua cảng tăng mạnh, đặc biệt là giai đoạn 2020 – 2021 đạt hơn 11 triệu tấn, cụ thể: năm 2018 đạt 8,3 triệu tấn; năm 2019 đạt 9,1 triệu tấn; năm 2020, năm 2021 đạt hơn 11 triệu tấn; năm 2022 đạt 10,8 triệu tấn. Mặt hàng chủ lực của cảng vẫn là dăm gỗ, viên gỗ nén, hàng thiết bị (giai đoạn 2020-2021).

+ Cùng với sự tăng trưởng mạnh của sản lượng, doanh thu giai đoạn này cũng có sự tăng trưởng mạnh. Tổng doanh thu Cảng Quy Nhơn trong năm 2022 là 1.098.690 triệu đồng, tăng 172% so với năm 2018 chủ yếu do doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng. Doanh thu năm 2022 có sự chững lại so với năm 2020-2021 chủ yếu do giai đoạn năm 2020-2021 có mặt hàng thiết bị tăng mạnh.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 67.958 triệu đồng, bằng 76% so với năm 2018. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2022 thấp ngoài do sản lượng qua cảng sụt giảm còn do CQN trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo Bản án phúc thẩm của TAND cấp cao liên quan đến vụ kiện Cửu Long số tiền 53,67 tỷ đồng. Nếu không tính khoản trích lập này, lợi nhuận năm 2022 của Cảng Quy Nhơn vẫn tăng 35% so với năm 2018. Đặc biệt, năm 2021, lợi nhuận trước thuế Cảng Quy Nhơn đạt 419.464 triệu đồng (bằng 104% vốn điều lệ).

### *2.3. Đánh giá tình hình tài chính*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>31/12/2022</b>
<b>Khả năng thanh toán</b>						
Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	3,52	3,86	3,18	3,70	1,88
Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	Lần	3,62	3,97	3,31	3,80	1,96
<b>Cơ cấu tài sản</b>						
TSNH/ Tổng tài sản	%	48,9	59,9	64,4	75,4	55,6
Tài sản dài	%	51,1	40,1	35,6	24,6	44,4

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
hạn/ Tổng tài sản						
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	45,6	35,2	28,2	19,2	17,3
<b>Hệ số nợ</b>						
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	13,51	15,08	19,44	19,85	28,39
Nợ phải trả/ VCSH	%	15,62	17,76	24,13	24,77	39,65

### Đánh giá:

+ Khả năng thanh toán: Các hệ số về khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12 hàng năm đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của Cảng Quy Nhơn được đảm bảo.

+ Cơ cấu tài sản:

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tổng tài sản	646.758	694.116	746.849	1.061.487	1.084.913
TSNH	316.017	415.675	481.186	800.562	603.359
TSDH	330.740	278.441	265.663	260.925	481.554

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 1.084.913 triệu đồng. Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm có xu hướng tăng dần từ năm 2018 đến năm 2022. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2022 là 603.359 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 55,6% tổng tài sản), tăng dần từ năm 2018 đến năm 2021 và giảm nhẹ vào năm 2022.

- Tài sản dài hạn tại 31/12/2022 là 481.554 triệu đồng (chiếm 45,4% tổng tài sản). Tài sản dài hạn có xu hướng giảm dần qua các năm từ 2018 đến 2021 chủ yếu do khấu hao tài sản, riêng năm 2022, tài sản dài hạn tăng cao do Cảng Quy Nhơn đầu tư vào Dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 Cảng Quy Nhơn.

Tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản và giảm dần qua các năm (từ 45,6% cuối năm 2018 giảm xuống còn 17,3% tổng tài sản cuối năm 2022), cho thấy tài sản của Cảng Quy Nhơn đã dần khấu hao hết nên việc Cảng Quy Nhơn đầu tư vào Dự án nâng cấp Bến số 1 Cảng Quy Nhơn nhằm tăng năng lực của Cảng là phù hợp. Cơ cấu tài sản của Cảng Quy Nhơn phù hợp với cơ cấu tài sản của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển do đầu tư cơ sở hạ tầng với giá trị lớn.

+ Cơ cấu nguồn vốn:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>31/12/2022</b>
Tổng nguồn vốn	646.758	694.116	746.849	1.061.487	1.084.913
Nợ phải trả, trong đó	87.382	104.698	145.174	210.729	308.046
- <i>Nợ ngắn hạn</i>	87.382	104.698	145.174	210.729	308.046
- <i>Nợ dài hạn</i>	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	559.376	589.418	601.675	850.758	776.867
Vốn góp của chủ sở hữu	404.099	404.099	404.099	404.099	404.099
VCSH/ Vốn góp của Chủ sở hữu	1,38	1,46	1,49	2,11	1,92

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng nguồn vốn là 1.084.913 triệu đồng. Trong đó: nợ phải trả là 603.359 triệu đồng, Vốn chủ sở hữu là 776.867 triệu đồng. Nợ phải trả chiếm tỷ lệ dưới 30% tổng tài sản. Tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu dưới 40% chứng tỏ tài sản của Cảng Quy Nhơn chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu, cơ cấu tài chính của Cảng tương đối an toàn.

Tỷ lệ VCSH/Vốn đầu tư của chủ sở hữu đều lớn hơn 1 cho thấy vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

+ Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Khả năng sinh lời</b>						
Hệ số LNTT/DTT	%	23,2	16,1	17,2	32,0	6,4
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	18,9	12,9	13,6	25,6	4,1
<b>Hiệu quả quản lý</b>						
ROA (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	22,6	15,4	15,7	38,2	4,8
ROE (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	26,1	18,0	19,0	46,6	6,4

Hệ số về khả năng sinh lời và hiệu quả quản lý từ năm 2018 đến năm 2022 cho thấy hiệu quả hoạt động của tài sản, vốn chủ sở hữu của Cảng Quy Nhơn tốt.

#### **IV. Kế hoạch công tác năm 2023 - 2028 của Ban Kiểm soát:**

- Phân công nhiệm vụ của từng thành viên;



- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát hàng năm;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm.

- Tiến hành thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm; cũng như thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban Kiểm soát

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp có nội dung liên quan.

- Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm

- Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định và thống nhất phân công trong Ban Kiểm soát để thực hiện công việc nêu trên có hiệu quả cao nhất.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Trân trọng báo cáo./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Dương Thị Hồng Hạnh**

## **BÁO CÁO**

### **Tiến độ thực hiện dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn và Các công việc HĐQT thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ về triển khai dự án**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc thông qua chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn;

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn đến thời điểm hiện tại và kế hoạch dự kiến, như sau:

#### **I. Tiến độ thực hiện dự án.**

##### **1. Cơ sở thực hiện.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Bộ Luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Các Nghị định của Chính phủ có liên quan: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030;
- Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);
- Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030; Quyết định số

739/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

- Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

- Nghị quyết số 27/NQ-ĐHCD ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua chủ trương đầu tư dự án nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn;

- Nghị quyết 120/NQ-HĐQT ngày 14/11/2019 của HĐQT Công ty CP Cảng Quy Nhơn về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 mở rộng Cảng Quy Nhơn, thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 112/QĐ-HĐQT ngày 31/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.

- Thông báo số 1108/CQLXD-CCPN ngày 28/4/2022 của Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông - Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế Bản vẽ thi công đối với Dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 05/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục Bến số 1, cấp điện chiếu sáng, cấp nước chữa cháy và PCCC, cấp nước sinh hoạt thuộc dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

- Công văn số 1364/SXD-HTKT ngày 07/5/2022 của Sở Xây dựng ý kiến về miễn giấy phép xây dựng công trình Đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 206/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hạng mục Nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu, báo hiệu hàng hải thuộc Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 209/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình, bổ sung giá trị khối lượng gói thầu EC-12 và dự toán một số gói thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1- Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 - cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 07/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng hạng mục thanh thải trụ neo hiện hữu; kết nối bến số 1 hiện hữu và bến số 1 sau nâng cấp thuộc dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

## **2. Hồ sơ pháp lý dự án:**

Đến thời điểm hiện tại hồ sơ pháp lý dự án đã được cơ bản đã hoàn thiện và tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu và các quy định khác có liên quan, chi tiết như sau:

### **2.1 Chủ trương đầu tư dự án.**

Dự án đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 và được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp nhận nhà đầu tư dự án ban hành tại Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 29/6/2021.

### **2.2 Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật tuyến bến.**

Ngày 30/6/2020, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản số 2289/CHHVN-KHĐT và văn bản số 2193/CHHVN-KHĐT ngày 07/6/2021 về việc thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết của Dự án làm căn cứ để Chủ đầu tư (Cảng Quy Nhơn) triển khai trình duyệt, thực hiện Dự án theo quy định.

Ngày 22/6/2022, Cục Hàng hải Việt Nam ban hành Công văn số 2066/CHHVN-KHĐT ngày 22/6/2022 đồng ý thỏa thuận vị trí, quy mô khu nước trước bến, vũng quay tàu của cầu cảng số 1 - Bến cảng Quy Nhơn.

### **2.3 Quy hoạch chi tiết 1/500 mở rộng Cảng Quy Nhơn.**

Đã hoàn thành công tác lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020.

### **2.4 Thẩm định thiết kế cơ sở**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được Bộ GTVT thẩm định Thiết kế cơ sở theo công văn số 2591/CQLXD-HHĐT ngày 26/10/2020 Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án.

### **2.5 Báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

Hoàn thành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2021. Do quá trình tổ chức thi công nạo vét gặp một số vướng mắc khách quan, Cảng Quy Nhơn đã lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 13/02/2023.

### **2.6 Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến 1 - Cảng Quy Nhơn.**

Sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý đầu tư dự án theo quy định của pháp luật, theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, ngày 31/5/2021 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định

số 112/QĐ-HĐQT phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn với Tổng mức đầu tư xây dựng là 546 tỷ đồng.

### **2.7 Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

Trên cơ sở giá trị tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt, ngày 28/6/2021 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 154/QĐ-HĐQT ngày 28/6/2021 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án.

### **2.8 Thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.**

Ngày 14/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3812/QĐ-UBND chấp thuận cho công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê đất để thực hiện dự án. Ngày 20/5/2022 Cảng Quy Nhơn và Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký hợp đồng thuê đất số 85/HĐ-TĐ và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT17866.

### **2.9 Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:**

Ngày 28/4/2022, Cục quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông đã hoàn thành thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và ban hành Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạng mục bến 1 số 1108/CQLXD-CCPN ngày 28/4/2022.

Ngày 03/8/2022, Cục quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông đã hoàn thành thẩm định và ban hành văn bản số 2152/CQLXD-CCPN thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạng mục Nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu, báo hiệu hàng hải và dự toán công trình ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

### **2.10 Giấy phép xây dựng, phương án đảm bảo an toàn hàng hải, PCCC:**

Sau khi hoàn thành thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, ngày 23/5/2022 đã trình hồ sơ xin phép xây dựng. Ngày 27/5/2022, Sở Xây dựng Bình Định ban hành văn bản số 1364/SXD-HTKT ngày 27/5/2022 về việc dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết đủ điều kiện thi công xây dựng công trình.

Hoàn thành lập và phê duyệt phương án đảm bảo an toàn hàng hải tại Quyết định số 392/QĐ-CVHHQNh ngày 27/4/2022.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 35/TD-PCCC ngày 27/4/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Định.

### **2.11 Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình**

Sau khi Cục quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông đã hoàn thành thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành:

- Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 05/5/2022 Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục Bến số 1, cấp điện chiếu sáng, cấp nước chữa cháy và PCCC, cấp nước sinh hoạt thuộc dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 206/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2022 về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công hạng mục Nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu, báo hiệu hàng hải thuộc Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 209/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022 về việc phê duyệt Dự toán xây dựng công trình; bổ sung giá trị khối lượng gói thầu EC-12 và dự toán gói thầu một số gói thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

- Quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 07/3/2023 phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng hạng mục thanh thải trụ neo hiện hữu; kết nối bến số 1 hiện hữu và bến số 1 sau nâng cấp thuộc dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

### **3. Tiến độ thực hiện các công việc của dự án:**

#### **3.1 Tiến độ thực hiện lựa chọn nhà thầu:**

Dự án có tất cả 14 gói thầu, trong đó bao gồm 01 gói hỗn hợp theo hình thức EC(thiết kế - xây lắp); 02 gói xây lắp; 01 gói phi tư vấn; 10 gói tư vấn. Đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng 13/14 gói thầu; 01 gói thầu đang trong quá trình thương thảo hợp đồng là Gói thầu PTV-13 Khảo sát rà quét vùng nước trước bến, ra thông báo hàng hải. Có 08 gói thầu đã hoàn thành hợp đồng, 05 gói thầu còn lại đang triển khai thực hiện song song với quá trình thi công xây dựng công trình.

#### **3.1. Thi công xây dựng các hạng mục công trình:**

- Hoàn thành thi công rà phá bom mìn trong tháng 3/2022.

- Khối lượng xây lắp hoàn thành của dự án đạt 78%, cụ thể:

+ Tháng 6/2022 đã bắt đầu thi công xây dựng công trình, đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành được 98% khối lượng hạng mục bến 1, nhà thầu đang thực hiện lắp ray cầu và dọn dẹp vệ sinh mặt bằng bến 1.

+ Hạng mục nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu bắt đầu thi công từ cuối tháng 10/2022. Trong quá trình chuẩn bị thi công, đơn vị thi công bắt đầu xử lý những vị trí cạn trên tuyến đường sông dẫn vào vị trí tiếp nhận thuộc khu đô thị Chợ Góc. Tuy nhiên, khi bắt đầu thi công thì một số hộ dân tại thuộc khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn đã ngăn cản hoạt động của đơn vị thi công. Đầu tháng 11/2022, theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn, Cảng Quy Nhơn đã chỉ đạo Nhà thầu tạm dừng thi công để giải quyết các kiến nghị của các hộ dân và cập nhật Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo phương án thi công mới phù hợp với thực tế công trình. Sau khi hoàn thành phê duyệt cập nhật báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện công tác vận động các hộ dân đồng thuận dự án nạo vét của Cảng Quy Nhơn, ngày 27/02/2023 đã bắt đầu triển khai thi công trở lại bình thường. Tiến độ hiện tại đã hoàn thành thi công lắp đặt lưới chắn bùn, âu chứa chất nạo vét, khơi thông luồng tạm vận chuyển chất nạo vét. Ngày 03/5/2023, đã bắt đầu thực hiện nạo vét khu nước trước bến 1, vũng quay tàu.

+ Hạng mục phát sinh thanh thải trụ neo; liên kết bến cũ bến mới đã hoàn thành thi công.

+ Hạng mục phòng cháy chữa cháy bến 1 đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu, Nhà thầu đang thực hiện thi công xây dựng, dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2023.

+ Ngày 13/5/2023, Cục quản lý đầu tư xây dựng đã thực hiện kiểm tra hiện trường và hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục bến 1, các phòng Ban chuyên môn của Cảng, Ban quản lý dự án VIMC, Nhà thầu thi công, giám sát, thiết kế đang hoàn thiện các nội dung ý kiến kết luận của Cục, phần đầu trong tháng 5/2023 hoàn thành biên bản xác nhận hoàn thành hạng mục bến 1 làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

## **2. Kế hoạch triển khai các công việc tiếp theo**

- Đã hoàn thành lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập dự án. Đơn vị kiểm toán đang thực hiện kiểm toán dự án.

- Phối hợp với Cục quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện biên bản xác nhận hoàn thành hạng mục bến 1 trong tháng 5/2023. Phối hợp với Cục Hàng Hải Việt Nam thực hiện thủ tục cho phép khai thác kỹ thuật bến 1 đầu tháng 06/2023.

- Đôn đốc, bám sát nhà thầu hoàn thành thi công Hạng mục nạo vét, PCCC vào cuối tháng 6/2023. Phần đầu thực hiện công bố mở bến 1 và đưa bến 1 vào khai thác trong năm 2023.

## **III. Giá trị thực hiện, giá trị giải ngân:**

- Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: 546 tỷ đồng.

- Ước giá trị thực hiện: 365 tỷ đồng.

- Giá trị giải ngân vốn tự có: 187 tỷ đồng.

- Ngày 03/03/2023 hoàn thành ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng BIDV, với tổng giá trị dự kiến vay không vượt quá 327 tỷ đồng. Giá trị giải ngân vốn vay đến thời điểm hiện tại là 109 tỷ đồng.

- Tổng giá trị giải ngân bến 1 là 296 tỷ đồng.

## **II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án:**

Hiện nay các hạng mục thi công tại Cảng Quy Nhơn đã hoàn thành đúng tiến độ đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên hạng mục nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu không thể triển khai nhanh và rút ngắn được tiến độ thực hiện bởi các nguyên nhân sau:

- Tại tỉnh Bình Định chất nạo vét tại các bến cảng hiện nay chỉ được phép đổ theo vị trí đã được cấp phép đã gây nhiều trở ngại và phát sinh chi phí thi công nạo vét.

- Phương tiện thi công bị hạn chế tải trọng do luồng vận chuyển chất nạo vét không vận hành được các sà lan tải trọng lớn.

- Khu vực bơm chất nạo vét gần khu dân cư và khu vực nuôi thủy hải sản nên quá trình thi công, biện pháp thi công, phương tiện thiết bị, thời gian thi công đều được quy

định rất chặt chẽ tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, do đó việc đẩy nhanh tiến độ thi công rất là khó khăn.

Trên đây là báo cáo tiến độ dự án và kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - cảng Quy Nhơn. Hội đồng quản trị công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban TGĐ; Ban KS Cty;
- Lưu: VT, N. PTQT Cty.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**



Số: /BC-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Về việc chuyển đổi Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp thành Công ty TNHH Một thành viên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông quá trình chuyển đổi Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp - Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV, cụ thể như sau:

#### **I. Công việc đã thực hiện:**

- Ban hành Quyết định số 75/QĐ-HĐQT ngày 16/5/2022 về việc thành lập Công ty TNHH MTV dịch vụ Logictisc Cảng Quy Nhơn (QNPLGS).

- Hoàn thành đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn (Giấy phép ĐKKD cấp ngày 01/06/2022, mã số doanh nghiệp: 4101616138).

- Đã triển khai bổ nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn; cử CBCNV làm kiểm soát viên QNPLGS; chấp thuận cho Chủ tịch QNPLGS thực hiện bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty con theo quy định.

- Thực hiện các công tác chuẩn bị nhân sự cho Công ty con (tiếp nhận toàn bộ cán bộ công nhân viên từ Xí nghiệp KDDVTH, soạn thảo các hợp đồng lao động, các thủ tục bổ nhiệm các chức danh khác theo quy trình,..).

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2022.

**\* Đối với Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ Tổng hợp:**

- Đã thông báo với đối tác và khách hàng về việc dừng kinh doanh của Xí nghiệp kể từ 01/7/2022.

- Toàn bộ hợp đồng cung cấp dịch vụ và thuê dịch vụ giữa Xí nghiệp KDDVTH và các đối tác, khách hàng đã được thanh lý, trừ hợp đồng với các đơn vị còn phát sinh công nợ phải thu chưa thu hồi.

- Đến nay, Công ty đang tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã nộp hồ sơ khởi kiện và đang được Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn thụ lý, giải quyết.

- Đến nay, Công ty đang triển khai các thủ tục nộp hồ sơ, thông báo đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý; và thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định theo quy định.

Trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- BDH Cty;
- Lưu: VT; NPTQTCty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

Số: /BC-QNP

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **V/v kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018 – 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn,

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018 – 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028, cụ thể như sau:

#### **PHẦN I. Báo cáo kết quả hoạt động giai đoạn năm 2018 – 2023.**

##### **I. Tình hình chung.**

Giai đoạn 2018 - 2023, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới xảy ra nhiều biến động, giai đoạn năm 2020-2021 dịch bệnh (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu... đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại hoặc tăng trưởng âm. Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng và chiến tranh thương mại gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra sớm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng.

Tuy nhiên nước ta vẫn có một số thuận lợi như việc tham gia các hiệp định thương mại như CPTPP, EVFTA... mang lại tác động tích cực về kinh tế. Hiệp định EVFTA là cơ hội vàng, tạo ra cú hích lớn cho xuất khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam, nhất là các sản phẩm có thế mạnh như điều, thủy sản, rau quả, gạo, cà phê, hồ tiêu, các sản phẩm gỗ....

Nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ trong cuối năm 2021 và nửa đầu năm 2022. Sự phục hồi này đạt được chủ yếu nhờ tăng trưởng vững chắc của xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo sang các thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và Trung Quốc. Sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu trong nước, đặc biệt là đối với dịch vụ đã đóng góp vào tăng trưởng chung. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh và suy thoái kinh tế toàn cầu, từ giữa quý III/2022, các doanh nghiệp sản xuất, XNK cả nước nói chung và khu vực vùng hậu

phương của Cảng Quy Nhơn nói riêng gặp nhiều khó khăn các doanh nghiệp bị hủy đơn hàng, kéo dài thời hạn nhận hàng hoặc chưa ký được hợp đồng năm mới (năm 2023), thiếu hụt nguồn vốn, chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao.

### **1. Các chỉ tiêu SXKD cơ bản giai đoạn năm 2018 - 2023.**

Giai đoạn này, đánh dấu thành công của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn khi vượt qua mọi khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra theo phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018	KH 2019	TH 2019	TH/KH 2019	KH 2020	TH 2020	TH/KH 2020	KH 2021	TH 2021	TH/KH 2021	KH 2022	TH 2022	TH/KH 2022
1	<b>SL thông qua cảng</b>	Tấn	7.700.000	8.316.499	108%	8.875.000	9.103.427	103%	10.531.000	11.037.117	105%	11.527.000	11.368.679	99%	12.457.000	10.811.168	87%
2	<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	633.000	728.587	115%	718.875	812.877	113%	853.011	852.504	100%	933.687	1.332.552	143%	1.009.017	1.099.048	109%
3	<b>Chi phí</b>	Triệu đồng	523.000	608.450	116%	588.875	684.349	116%	702.177	705.787	101%	762.693	912.836	120%	808.501	1.031.091	128%
4	<b>LN trước thuế</b>	Triệu đồng	110.000	120.137	109%	130.000	128.528	99%	150.834	146.717	97%	170.994	419.716	245%	200.516	67.957	34%
6	<b>LN sau thuế</b>	Triệu đồng	88.000	96.696	110%	104.100	103.303	99%	120.667	117.224	97%	136.795	335.935	246%	160.413	44.163	28%
7	<b>Trích lập các quỹ</b>	Triệu đồng	23.360	15.876	68%	19.540	39.416	202%	23.291	44.054	189%	13.962	202.671	1452%	17.475	30.970	177%
8	<b>LN chia cổ tức</b>	Triệu đồng	64.640	64.655	100%	84.560	64.655	76%	97.376	68.696	71%	122.833	80.918	66%	142.938	48.492	34%
9	<b>Cổ tức hàng năm</b>	%	16%	16%	125%	16%	16%	100%	16%	17%	106%	16%	20%	125%	16%	12%	50%

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng giai đoạn 2018 – 2023 đều tăng, cụ thể: năm 2018 đạt 8,3 triệu tấn; năm 2019 đạt 9,1 triệu tấn; năm 2020, năm 2021 đạt hơn 11 triệu tấn; năm 2022 đạt 10,8 triệu tấn.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 120 tỷ; năm 2019 là 128 tỷ; năm 2020 là 146 tỷ; năm 2021 đạt 419 tỷ đồng, tăng 2,45 lần so với kế hoạch năm 2021, nguyên nhân là do trong năm, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng qua Cảng Quy Nhơn tăng mạnh chủ yếu là máy móc, thiết bị phục vụ các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên; năm 2022 là 67 tỷ đồng, tỷ lệ thực hiện bằng 34% so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân là do Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ đồng liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Cảng quy Nhơn và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, đồng thời Công ty đã khởi công dự án xây dựng nâng cấp Bến số 1 nên phải tạm dừng khai thác 350m cầu cảng từ tháng 5/2022. Bên cạnh đó, sản lượng, doanh thu từ nguồn hàng siêu trường, siêu trọng qua Cảng Quy Nhơn giảm sâu so với năm 2021, đây là các nguyên nhân chính dẫn tới việc sụt giảm lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2022.

Tỷ lệ cổ tức được chia qua các năm: 2018 là 16%, 2019 là 16%, năm 2020 là 17%, năm 2021 là 20%, dự kiến năm 2022 là 12%.

Nộp ngân sách năm 2018 đạt 58,5 tỷ đồng; năm 2019 đạt 51,5 tỷ đồng; năm 2020 đạt 57,4 tỷ đồng; năm 2021 đạt 134,2 tỷ đồng, tăng 2.33 lần so với năm 2020, trong đó nộp ngân sách về thuế giá trị gia tăng là 35 tỷ đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 81,2 tỷ đồng; năm 2022 đạt 86,1 tỷ đồng, trong đó nộp ngân sách về thuế nhà đất và tiền thuê đất đạt 32,8 tỷ đồng, tiền thuê đất năm 2022 tăng 250% so với năm 2021.

Giải quyết việc làm trên 812 người lao động. Thu nhập bình quân giai đoạn 2018 - 2019 trên 12 triệu đồng/người/tháng, năm 2020 đạt 15,2 triệu đồng/người/tháng, năm 2021 đạt 18,5 triệu đồng/người/tháng và năm 2022 đạt 17,2 triệu đồng/người/tháng. Công ty luôn quan tâm cải thiện đời sống, thu nhập, đảm bảo việc làm cho người lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách về: Tiền lương, tiền thưởng, chế độ nghỉ dưỡng sức, chế độ cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, chế độ hưu trí..., trích nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại Công ty theo quy định.

## **2. Các dự án đầu tư phương tiện, thiết bị, cơ sở hạ tầng giai đoạn năm 2018 - 2023.**

### **2.1. Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng:**

- Các dự án đã hoàn thành:

Hoàn thành các dự án như: Lập Quy hoạch 1/500 mở rộng Cảng Quy Nhơn; Sửa chữa cầu cảng số 4 – Cảng Quy Nhơn tiếp nhận tàu trọng tải 63.550DWT giảm tải ra vào

làm hàng; Giải phóng mặt bằng 24 hộ dân (diện tích 4.000m<sup>2</sup>); Sửa chữa nâng cấp bãi container số 2; Xây dựng cửa hàng xăng dầu Cảng Quy Nhơn; Dự án sửa chữa nâng cấp Cổng Cảng Quy Nhơn; Nạo vét khu nước trước bến (2020); Nâng cấp cải tạo khu nhà Trung tâm ĐHSX; Cải tạo nhà làm việc đội container thành trung tâm dịch vụ khách hàng kết hợp văn phòng làm việc; Duy tu sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến;...

- Các dự án đang thực hiện:

Thực hiện dự án trọng điểm Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn sau kết nối cầu tàu 4 của Cảng Quy Nhơn với cầu tàu số 5 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn; Triển khai bước chuẩn bị đầu tư dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha); Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 ICD tại huyện Tuy Phước;....

## **2.2. Về đầu tư thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ các loại:**

- Các phương tiện thiết bị đã thực hiện:

Trong giai đoạn năm 2018 – 2023, thực hiện đầu tư các phương tiện thiết bị như: Móc chữ C tải trọng nâng 25T (02 cái); Băng tải cánh bướm hàng bao; Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ lắp đặt hệ thống định vị tự động cầu RTG (05 bộ); 03 xe điện phục vụ nội bộ; Xe đào bánh xích gầu 0,5 m<sup>3</sup> (3 xe), Ngoạm điều khiển từ xa dung tích 10-15 m<sup>3</sup>; Gia công khung ngang làm hàng cho cần trục QC-02; Cung cấp xy lanh nâng hạ thay thế cho cần cầu GW HMK260E; 01 xe ô tô 16 chỗ, máy đo sâu hồi âm;...

- Các phương tiện thiết bị chuẩn bị thực hiện đầu tư như:

Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T); Xe ủi D39/D40 (2 xe); Xe nâng container có hàng; Khung chụp spreader cầu QC; Máy phát điện 1.600 kVA; Băng tải nạp hàng rời vào container;...

## **2.3. Về đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin:**

- Các dự án đầu tư phát triển công nghệ thông tin đã thực hiện:

Giai đoạn năm 2018 - 2023 đã hoàn thành các hạng mục kết nối trao đổi dữ liệu với hệ thống Hải quan tự động (VASSCM); Hệ thống điều hành khai thác cảng (TOS); Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (GD 1); Hệ thống kiểm soát ra vào cổng và thu cước CSHT tự động; Nâng cấp phần mềm tài chính kế toán; Phần mềm phát hành hóa đơn điện tử; Tích hợp hóa đơn điện tử vào hệ thống ERP hiện có; Hoàn thành nâng cấp website Cảng Quy Nhơn; Nâng cấp phần mềm văn phòng điện tử; Triển khai phần mềm kho dữ liệu và báo cáo thống kê MIS-BI của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;...

Triển khai đầu tư CNTT phục vụ kịp thời công tác phòng chống dịch Covid-19 như: hệ thống KBYT, cấp QR code, kiểm soát ra/vào cảng tự động; khử khuẩn tài liệu, tiền

mặt; Nâng cấp hạ tầng mạng, hệ thống hợp trực tuyến phục vụ phòng chống dịch covid; Lắp đặt bổ sung hệ thống camera giám sát và nâng cấp đường truyền internet cho hệ thống camera; Đầu tư thiết bị kiểm soát an ninh công....

- Các dự án đầu tư phát triển công nghệ thông tin đang thực hiện:

Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống; Đầu tư server (giai đoạn 1); Nâng cấp hệ thống mạng khu văn phòng; Nâng cấp hệ thống mạng khu sản xuất; Hạ ngầm cáp quang tuyến chính.

### **3. Một số kết quả đạt được giai đoạn năm 2018-2023.**

Giai đoạn từ năm 2016-2019, Cảng Quy Nhơn thuộc quyền quản lý, điều hành của Doanh nghiệp tư nhân, các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng, lợi nhuận có tăng trưởng so với các năm trước (tốc độ tăng trưởng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2016 - 2018 đạt mức tăng trưởng trung bình 5%); công tác đầu tư được triển khai nhanh chóng, kịp thời phục vụ sản xuất; đời sống của CB-CNV tương đối ổn định.

Từ tháng 6/2019, Cảng Quy Nhơn được Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) chính thức tiếp nhận. Sau khi VIMC tiếp quản, Cảng Quy Nhơn bức phá các chỉ tiêu SXKD, mức tăng trưởng tốt nhờ công tác quản trị hiệu quả của lãnh đạo doanh nghiệp và tăng trưởng dịch vụ cung ứng xăng, dầu, liên doanh khai thác bãi, phương tiện, thiết bị phục vụ xếp dỡ container chuyên dụng, mở rộng mặt bằng, phát triển tuyến hậu phương của Cảng. Đặc biệt, Cảng Quy Nhơn đã xác lập kỷ lục mới với mức sản lượng thông qua Cảng hơn 9 triệu tấn năm 2019 và 11 triệu tấn năm 2020.

Đã thu hút một số hàng mới về làm tại Cảng như: hàng TAGS, đá granite, sắt xây dựng, viên gỗ nén; hàng cát rời xuất nội địa; hàng Tôn cuộn của Tập đoàn Tôn Hoa Sen; hàng thiết bị điện gió của Công ty Phương Mai I; thu hút các khách hàng mới như Đường Quảng Ngãi, Đường KCP, hàng nông sản của HAGL, THIOLOGI, hàng gia súc của Diên Hồng Gia Lai, THADI, hàng viên nén TTCL Hà Tiên, tôn cuộn Fomosa, Thép Hòa Phát,... về làm tại cảng; chuyển đổi phương thức vận chuyển từ tàu chuyển sang container đối với hàng của Đạm Phú Mỹ. Thay đổi, cải tiến công nghệ và điều chỉnh tác nghiệp xếp dỡ hàng dầm gỗ, vì vậy đã đẩy nhanh tiến độ giải phóng tàu từ 05 ngày xuống còn 2,5 ngày đối với tàu 50.000 DWT.

Đồng hành cùng với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng xuất nhập hàng hóa bằng container thông qua Cảng, nắm bắt thông tin về định hướng phát triển của nhóm khách hàng này. Trên cơ sở đó, làm việc với các Hãng tàu về việc nâng cao tải trọng đội tàu, số lượt tàu khai thác tại Cảng, nâng cao khả năng tiếp nhận hàng hóa của Đội tàu, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ về container tại Cảng, từ đó đáp ứng được nhu cầu phát triển của các khách hàng, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng sản lượng container thông qua Cảng. Cụ thể, tính riêng trong giai đoạn từ năm 2018 – 2019, mặt hàng truyền thống như Gỗ/Sản phẩm gỗ và Đá đạt mức tăng trưởng bình quân



5%/năm, mặt hàng nguyên liệu thức ăn gia súc tăng bình quân 7% /năm, kích thích các mặt hàng tiềm năng như hạt điều đạt mức tăng trưởng bình quân 24%/năm, mặt hàng wicker tăng trưởng bình quân 36%/năm.

Năm 2020, hoàn thành mở 01 tuyến dịch vụ từ Cảng Quy Nhơn đi trực tiếp Đông Bắc Á, thu hút hàng nông lâm sản từ khu vực Tây Nguyên, các tỉnh lân cận về làm hàng tại Cảng Quy Nhơn (đến nay 01 tuần/01 tàu, tương đương xuất nhập 1.300 TEUs/tuần).

Năm 2021, tập trung nâng cao năng suất giải phóng tàu, ưu tiên các mặt hàng chiến lược như dăm gỗ, viên nén, tôn cuộn, phân bón nhập, hàng giá trị dịch vụ cao (tăng trưởng 20%),... Năm bắt thông tin thị trường, tăng cường tìm kiếm chủ đầu tư, tổng thầu kết nối với các đơn vị Logistics, cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện thuê bãi Khu A - KKT Nhơn Hội thành lập Điểm kiểm tra hàng hóa XNK tập trung (37CBC09) tăng năng lực kho bãi để giải phóng tàu, tập kết hàng trước khi vận chuyển đến chân công trình nhằm thu hút nguồn hàng thiết bị điện gió, năm 2021 Cảng đã tiếp nhận khoảng 140 bộ điện gió của các dự án thuộc các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Năm 2022, triển khai áp dụng chuyển đổi số trong kinh doanh, khách hàng, vận hành sản xuất, quản trị điều hành sản xuất, đặc biệt nâng cao trải nghiệm tích cực cho khách hàng/ Chăm sóc khách hàng qua hệ thống Eport – trung tâm thông tin dữ liệu khách hàng, Hệ thống CRM (Quản lý quan hệ Khách hàng). Thực hiện “Chuyển đổi số” một cách đồng bộ để tạo nên “**Hệ sinh thái công nghệ Cảng**” kết nối chuỗi hoạt động Cảng với tập khách hàng.

Rà soát, Kaizen các quy trình quản lý, vận hành, khai thác cảng theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, để thuận lợi, hiệu quả trong quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian khách hàng đến giao dịch, nhận/trả hàng hóa tại Cảng Quy Nhơn. Triển khai Bộ Quy tắc Ứng xử đến từng người lao động; Áp dụng hiệu quả hệ thống KPI và trả lương 3Ps để trả lương cho người lao động nhằm động viên, khen thưởng phù hợp để tạo động lực thúc đẩy người lao động phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, gắn bó và cống hiến cho Công ty.

## **PHẦN II. KẾ HOẠCH SXKD GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2023 - 2028.**

### **I. Tình hình chung.**

#### **1. Thuận lợi:**

Sự phát triển của CMCN 4.0 và việc tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP và EVFTA Việt Nam - Liên minh châu Âu được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho Việt Nam, thông qua việc mở rộng XK, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ. Bên cạnh đó, sự chuyển đổi nhanh hơn của mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả, với động lực chính là khoa học công nghệ và đổi mới sáng

tạo sẽ giúp duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới...

Hệ thống giao thông kết nối Cảng Quy Nhơn trong khu vực thuận lợi, với giao thông kết nối liền mạch (QL 19, QL 14, QL 1A các tuyến QL này đang được Chính phủ và Bộ GTVT quan tâm nâng cấp) và tiệm cận tuyến hàng hải nối liền 2 khu vực kinh tế sôi động bậc nhất trên thế giới hiện nay là Đông Bắc Á và Đông Nam Á; Cảng Quy Nhơn cách cửa khẩu Lê Thanh - Campuchia khoảng 260 km và cách cửa khẩu Bờ y - Lào khoảng 310 km và cách ga đường sắt Diêu Trì (Bắc - Nam) khoảng 15km và Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát khoảng 30 km.

Hoàn thành đầu tư nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn dài 480 mét, tiếp nhận cùng lúc 02 tàu 50.000DWT. Luồng Cảng Quy Nhơn sẽ được Cục HHVN đầu tư nâng cấp, khả năng tiếp nhận các tàu hàng đến 50.000 DWT đầy tải ra vào bình thường và tàu 70.000 DWT giảm tải. Việc nâng cấp Luồng Hàng hải Quy Nhơn và khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lớn sẽ phù hợp với nhu cầu UPSIZE của các hãng tàu để tiết giảm chi phí logistics.

## **2. Khó khăn:**

Sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, tăng trưởng của kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh bởi cuộc xung đột chính trị ở U-crai-na và áp lực tăng giá năng lượng, lương thực, IMF đã đánh giá triển vọng tăng trưởng toàn cầu với rủi ro lớn làm suy giảm tăng trưởng kinh tế

Dự báo Kinh tế ngành và Doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam trong trung hạn cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chẳng hạn như, Việt Nam tiếp tục chịu tác động tiêu cực do kinh tế toàn cầu giảm tốc khi bảo hộ thương mại và xung đột thương mại gia tăng, kéo theo hoạt động xuất khẩu và đầu tư đứng trước nhiều rủi ro. Trong nội tại nền kinh tế, các vấn đề mang tính cơ cấu như mô hình tăng trưởng chưa thoát khỏi quán tính tăng trưởng theo chiều rộng, hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là hiệu quả đầu tư công chưa cao, khả năng cạnh tranh yếu, năng lực đổi mới sáng tạo thấp... tiếp tục là những cản trở cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

Trong khu vực Quy Nhơn, đang có Cảng Thị Nại và Tân Cảng Miền Trung cạnh tranh hàng nội địa với Cảng Quy Nhơn, thời gian đến sẽ tiến hành nâng cấp, mở rộng cầu cảng để có thể tiếp nhận tàu trọng tải lớn, cạnh tranh hàng xuất nhập khẩu với Cảng Quy Nhơn.

Ngoài ra, Khu vực Nam Trung Bộ có cảng Đà Nẵng, Cam Ranh chia sẻ trực tiếp thị trường hàng hóa với Cảng Quy Nhơn. Phía bắc Bình Định, cụm cảng Dung Quất (bao gồm các bến cảng: Doosan – Dung Quất, PTSC, Gemadept, Hào Hưng, Hòa Phát – Dung Quất) ngoài 02 cảng tổng hợp là Gemadept và Hào Hưng các cảng chuyên dùng cũng tranh thủ khai thác hàng hóa khác; Cụm cảng Chu Lai (bến cảng Kỳ Hà, Chu Lai) hiện đang triển khai đầu tư xây dựng bến cảng đón tàu tải trọng đến 5 vạn tấn. Phía nam Bình

Định, cụm cảng Khánh Hòa (bên cảng: Đầm Môn, Nam Vân Phong, Hòn Khói,...). Ngoài việc thu hút nguồn hàng tại địa phương, các cảng này đều được kết nối khu vực Tây Nguyên qua các QL 24A, QL26, QL29 tuy không bằng QL19 nhưng cũng khá thuận lợi. Ngoài ra, Bộ GTVT đã quy hoạch và đầu tư các tuyến hạ tầng giao thông thuận lợi cho Hành lang kinh tế Đông – Tây, đây là thuận lợi nhưng cũng là thách thức đối với Cảng Quy Nhơn trong thời gian tới.

## II. Kế hoạch SXKD giai đoạn năm 2023 - 2028.

### 1. Mục tiêu chủ yếu giai đoạn năm 2023 - 2028.

- Trở thành Cảng biển tổng hợp quốc tế hiện đại, cung cấp được các dịch vụ cảng biển/logistics ở mức độ chuyên nghiệp, ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

- Trở thành đầu mối giao thương hướng biển số 1 trong chiến lược phát triển kinh tế của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia, Nam Lào.

- Thực hiện 5 tuyên bố Đại Lãi, tập trung xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể về mục tiêu “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

- Mang lại giá trị gia tăng, sự hài lòng cho khách hàng và đối tác thông qua việc cung cấp dịch vụ cảng biển/logistics chuyên nghiệp, hợp lý với phương châm điều hành: “Hiệu quả, Tận tâm, Đổi mới, Chia sẻ, Trách nhiệm”.

- Xây dựng đội ngũ người lao động Cảng Quy Nhơn chuyên nghiệp, kỷ luật có cơ hội phát triển bản thân, được đào tạo, đào tạo lại, có thu nhập cao trong khu vực.

Với phương châm Uy tín – Chất lượng – An toàn – Phát triển, Cảng Quy Nhơn luôn lấy lợi ích thiết thực của khách hàng làm thước đo chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp các dịch vụ ngày càng tốt hơn.

### 2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính giai đoạn năm 2023 - 2028.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>	Triệu đồng	400.761	377.647	185.494	198.670	137.630
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng mặt bằng, xây dựng cầu tàu	Triệu đồng	362.906	128.147	185.494	198.670	137.630
b	Máy móc thiết bị công cụ sản xuất	Triệu đồng	37.855	249.500	0	0	0
2	<b>Vốn Điều lệ</b>	Triệu đồng	404.099	404.099	404.099	404.099	404.099
3	<b>Sản lượng hàng hóa qua cảng</b>	Tấn	12.300.000	13.500.000	14.800.000	16.300.000	18.000.000
4	<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	1.278.000	1.358.400	1.469.176	1.589.650	1.732.622
5	<b>Chi phí</b>	Triệu đồng	1.111.000	1.194.296	1.283.994	1.380.539	1.489.971

6	LN trước thuế	Triệu đồng	135.000	164.105	185.182	209.111	242.651
7	Thuế thu nhập DN	Triệu đồng	27.401	33.781	38.188	43.102	49.897
8	LN sau thuế	Triệu đồng	109.606	135.124	152.754	172.409	199.589
9	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	39.692	49.611	56.023	63.674	73.618
10	LN chia cổ tức	Triệu đồng	48.492	60.615	68.697	68.697	68.697
11	Cổ tức hàng năm	%	12%	13-15%	15-17%	18-20%	20%

Tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua bình quân giai đoạn năm 2023-2028 tăng 10%. Phần đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đến năm 2027 đạt 242 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2022 (giai đoạn năm 2018-2023 tăng bình quân 8%).

Một trong những điều kiện tiên quyết để nâng cao khả năng cạnh tranh là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất các nhu cầu của khách hàng và nhất là tăng năng suất xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh góp phần tiết kiệm chi phí cho chủ hàng, chủ tàu.

### 3. Kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị giai đoạn (2023-2028).

Kế hoạch năm 2023, Công ty hoàn thành dự án trọng điểm là đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn đầu, đồng thời đảm bảo tiếp nhận 02 tàu tổng hợp, container 50.000DWT trong giai đoạn sau, phù hợp với tiến trình nâng cấp, mở rộng tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn; triển khai dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030, giai đoạn 1 (dự án 3,8ha); đầu tư kho hàng chuyên dụng chứa thức ăn gia súc; phương tiện, thiết bị xếp dỡ,... nhằm xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phù hợp với một cảng biển quốc tế, đảm bảo tính hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa của khu vực.

Mục tiêu: đến năm 2025, nâng tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt 15 triệu tấn /năm, trong đó hàng container đạt 200.000 teus đến 250.000 teus. Đến năm 2030, tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn từ 25 triệu đến 30 triệu tấn/năm, trong đó hàng container đạt trên 300.000 teus.

*Giai đoạn từ năm 2023-2028, Cảng Quy Nhơn sẽ tập trung đầu tư:*

- Kết nối cầu tàu số 4 của Cảng Quy Nhơn với cầu tàu số 05 (cầu tàu TC01); hợp tác với Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đầu tư mở rộng 7,4 ha diện tích bãi sau cầu tàu số 5 (cầu tàu TC01).

- Đầu tư nâng cấp mở rộng bãi container số 2, nâng cấp bãi container số 3.

- Triển khai thủ tục đầu tư cảng cạn (ICD) tại Tuy Phước, Bình Định với diện tích dự kiến là 30 ha, khả năng thông qua tối đa 380.000 TUES/năm, cùng hệ thống kho, bãi dịch vụ logistics đồng bộ.

- Xây dựng phương án để thống nhất với các chủ thể liên quan thực hiện tiến trình di dời cảng dầu, kho xăng dầu của Công ty xăng dầu Petrolimex Bình Định, kho nhựa đường của Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex theo quy hoạch được duyệt;

- Đầu tư thêm các thiết bị, công cụ phục vụ xếp dỡ hàng rời, khung nâng chuyên dụng làm hàng container, xe đào, xe xúc, xe ủi,...

- Đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi công nghệ chuyên chứa hàng rời, hàng thức ăn gia súc.

- Đến 2030, thực hiện bước chuẩn bị đầu tư tuyến bến số 6 cho tàu từ 10.000 DWT đến 30.000DWT khu vực phía bắc.

*Căn cứ định hướng phát triển, hoạt động đầu tư Công ty tập trung vào các nội dung sau:*

- Triển khai thực hiện đầu tư mở rộng và phát triển Cảng Quy Nhơn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-Ttg ngày 22/9/2021, Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 theo Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định, và các văn bản khác có liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua cảng trong thời gian đến.

- Đầu tư nâng cấp cầu tàu, hạ tầng kho bãi, phương tiện, thiết bị công nghệ sản xuất đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh.

- Đầu tư xây dựng, ứng dụng sâu rộng, hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác điều hành, quản lý khai thác cảng.

#### **4. Các nhiệm vụ chủ yếu phấn đấu hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2023 – 2028.**

Để duy trì động lực tăng trưởng, phát triển và mở rộng cảng theo quy hoạch, Cảng Quy Nhơn sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

##### *4.1. Về kinh doanh, thị trường:*

Xác định khách hàng mục tiêu “Lấy khách hàng làm trung tâm” để triển khai hành động, đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác phát triển thị trường, tập trung trọng điểm thị trường khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; thiết lập mối quan hệ với các hãng tàu, đại lý hàng hải, chủ hàng, khách hàng để mở rộng thị trường, phát triển thêm một số khách hàng mới; Kết nối làm việc với các Tập đoàn lớn đã ký kết các thoả thuận hợp tác với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để gia tăng sản lượng hàng qua cảng nhằm giữ vững thị phần, khách hàng hiện có, thu hút khách hàng mới. Từng bước mở rộng được thị trường hàng hóa thông qua cảng đến các tỉnh Tây nguyên, khu vực giáp biên giới nước Lào, Campuchia qua cửa khẩu Lệ Thanh, cửa khẩu Bờ Y.

Tiếp tục công tác khảo sát thị trường đối với nhóm hàng container để phát triển chuỗi dịch vụ container, logistics qua cảng, duy trì, phát triển tuyến dịch vụ container

mới tại Cảng, kết nối từ Quy Nhơn đi thị trường Đông Bắc Á, qua đó đa dạng hóa được nguồn hàng xuất nhập bằng container thông qua Cảng Quy Nhơn, chủ yếu đến từ hàng viên gỗ nén, đá block, đặc biệt là hàng nông sản. Đồng thời, theo dõi tiến độ của 02 KCN Becamex Bình Định và KCN Nam Pleiku đây là hai KCN được đánh giá thu hút đầu tư và đem lại hiệu quả kinh tế cho hai tỉnh Bình Định, Gia Lai trong lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông sản, thực phẩm, nguyên liệu sinh học mà các tập đoàn lớn đăng ký đầu tư.

Dành sự ưu tiên hàng đầu cho công tác thị trường; tập trung xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể về mục tiêu “Lấy khách hàng làm trung tâm” và các giải pháp khách hàng, linh hoạt trong chính sách với khách hàng (các quy trình, quy định của Cảng, chính sách về giá, chăm sóc, hỗ trợ khách hàng về thủ tục đảm bảo nhanh, gọn, hiệu quả...); nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiếp tục mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ, đặt biệt dịch vụ Forwarder, nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống kho, bãi để tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tập trung nhân lực, vật lực triển khai chuỗi dịch vụ logistics, bước đầu phục vụ cho nguồn hàng của cảng, sau đó mở rộng dịch vụ ra khu vực.

#### *4.2. Về đầu tư, công nghệ.*

Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã đề ra, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, chủ yếu tập trung vào dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác duy tu, nạo vét khu nước trước bến. Đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư các thiết bị phục vụ cho nhu cầu SXKD.

Xây dựng phương án đầu tư các cảng cạn (ICD Tuy Phước, ICD Gia Lai) thông qua hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn vốn của đối tác và khách hàng, tranh thủ công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực hoạt động doanh nghiệp, giảm áp lực tài chính và chia sẻ rủi ro.

Triển khai áp dụng chuyển đổi số trong kinh doanh, khách hàng, vận hành sản xuất, quản trị điều hành sản xuất, đặc biệt nâng cao trải nghiệm khách hàng/ Chăm sóc khách hàng qua hệ thống Eport – trung tâm thông tin dữ liệu dành khách hàng, Hệ thống CRM (Quản lý quan hệ Khách hàng).

Thực hiện “Chuyển đổi số” một cách đồng bộ và toàn diện để tạo nên “Hệ sinh thái công nghệ Cảng” kết nối chuỗi hoạt động Cảng với tệp khách hàng. Xây dựng hệ sinh thái số: công thông minh, dữ liệu của khách hàng, số hóa các thủ tục, số hóa dịch vụ khách hàng.

Nghiên cứu lắp đặt thành công hệ thống định vị DGPS theo thời gian thực cho 5 cầu RTG. Sau khi hoàn thiện hệ thống sẽ phối hợp với phần mềm TOS để tự động hóa một số khâu trong quá trình nhập xuất container, giúp quản lý khai thác bãi container khoa học

hơn, chính xác hơn, thuận lợi hơn trong công tác lập kế hoạch, điều hành khai thác và giúp hạn chế nhân sự phải làm việc trực tiếp tại hiện trường.

Cải tạo nâng cấp công suất cho hệ thống băng chuyền xếp dỡ dầm gỗ lên tàu nhằm tăng năng suất xếp dỡ hàng dầm gỗ thông qua cảng.

Triển khai công tác đầu tư đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

#### *4.3. Về tài chính:*

Tăng cường công tác về quản trị tài chính, làm chủ nguồn lực tài chính, bảo toàn vốn chủ sở hữu. Bảo đảm ngưỡng an toàn về chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, nâng cao khả năng thanh khoản, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả luân chuyển vốn; đánh giá thực trạng tài chính, phân tích thực trạng các khoản nợ phải trả, tính chất nợ, khả năng trả nợ để có các giải pháp cơ cấu các khoản nợ nhằm bảo đảm khả năng hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thu hút vốn đầu tư và phân bổ nguồn lực để đầu tư phù hợp nhằm tạo nguồn vốn thực hiện các dự án phục vụ SXKD, đảm bảo hiệu quả đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty; linh hoạt tìm các nguồn tài trợ từng dự án với chi phí vốn, cơ cấu vốn phù hợp.

Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng.

Hoàn thiện công tác quản trị tài chính, tăng cường chức năng giám sát tài chính của Công ty; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị tài chính.

Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư và hoạt động SXKD.

#### *4.4. Về quản trị doanh nghiệp.*

Xây dựng, bổ sung, sửa đổi các nội quy, quy chế phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Đồng thời hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế quản lý tài chính, nội quy lao động, quy chế tuyển dụng, quy chế trả lương nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các phòng ban và đơn vị. Đặc biệt chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa.

Tăng cường tổ chức giao lưu học hỏi và trao đổi kinh nghiệm về quản trị và điều hành trong lĩnh vực khai thác cảng với các đơn vị thành viên trong khối cảng biển Việt Nam; Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý, điều hành.

Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty, hàng năm phải nâng cao thu nhập cho CBCNV toàn công ty, xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên có năng lực. Đồng thời tạo cơ chế linh hoạt làm động lực cho việc rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty sau này.

#### 4.5. Về nguồn nhân lực:

Công tác đào tạo phải trở thành kế hoạch thường xuyên hàng năm. Bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, công nhân kỹ thuật trong Công ty để đủ sức làm chủ quá trình SXKD phù hợp với sự phát triển trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng.

Xây dựng, sửa đổi cơ chế trả lương theo các chức danh công việc cụ thể để đảm bảo tính công bằng tương đối, nhằm tạo động lực kích thích người lao động hăng say lao động, Giữ chân các lao động chất lượng cao tiếp tục ở lại cống hiến cho Công ty.

Xây dựng quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động phù hợp, linh hoạt và minh bạch nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao. Đồng thời có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho các cá nhân có nhiều cống hiến và làm lợi cho Công ty.

Linh hoạt trong thực hiện chế độ hợp đồng lao động có thời hạn hay theo mùa vụ... việc thực hiện hợp đồng phù hợp sẽ giúp đảm bảo cơ cấu lao động.

Xác định nhu cầu về nhân lực bao gồm số lượng, trình độ chuyên môn, độ tuổi phù hợp với kế hoạch phát triển hàng năm của Công ty.

Trên đây là Báo cáo về kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018 – 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Ban TGĐ Cty;
- Lưu: VT, KD, TCKT, NPTQTCty.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Hồng Quân**



**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn,

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

**I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, kết quả thực hiện năm 2022 cụ thể như sau:

**1. Thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2022**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh TH 2022/2021	Tỷ lệ đạt KH năm 2022
1	Sản lượng	Triệu tấn	10,2	10,8	95%	106%
	<i>Trong đó: sản lượng container</i>	<i>1.000 teus</i>	<i>200</i>	<i>137,8</i>	<i>86%</i>	<i>69%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.000	1.100	83%	110%
3	Lợi nhuận trước thuế (trước khi thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý) (*)	Tỷ đồng	190	121,6	29%	64%
4	Lợi nhuận trước thuế (sau khi trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý) (*)			68	16%	36%

(Số liệu theo báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)

(\*) Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn") và Công ty TNHH vận tải biển Cửu Long ("Công ty Cửu Long") đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân ("TAND") các cấp. Tại bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng (bản án phúc thẩm lần 2) đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần

kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17/5/2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Công ty Cửu Long số tiền 53,48 tỷ đồng; buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại 190,76 triệu. Cảng Quy Nhơn đã làm thủ tục đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cảng Quy Nhơn. Ngày 09/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành án trong thời hạn 03 tháng (đến ngày 10/4/2023) đối với bản án phúc thẩm lần 2 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Khoản lợi nhuận giảm 53,67 tỷ đồng theo số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là khoản trích lập dự phòng phải trích lập theo chuẩn mực kế toán. Hiện nay, Cục thi hành án tỉnh Bình Định đã thực hiện khấu trừ số tiền hơn 53,48 tỷ đồng trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn tại Ngân hàng Vietinbank - Bình Định và đã thực hiện chi trả số tiền trên cho Công ty Cửu Long.

#### ***Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD:***

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2022 đạt 10,8 triệu tấn, đạt 95% cùng kỳ năm 2021, 106% kế hoạch năm 2022, trong đó hàng container đạt 137,8 nghìn TEUs, đạt 86% cùng kỳ năm 2021, 69% kế hoạch năm 2022. Năm 2022, tổ chức khai thác được 907 lượt tàu, giảm 328 lượt so với năm 2021 (tàu ngoại giảm 114 lượt, tàu nội giảm 214 lượt), trong đó tổng số lượt tàu container đạt 319 lượt, giảm 34 lượt so với năm 2021.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 1.100 tỷ đồng, đạt 83% cùng kỳ năm 2021, 110% kế hoạch năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022 đạt 68 tỷ đồng, đạt 16% cùng kỳ năm 2021, 36% kế hoạch năm 2022.

#### ***Nguyên nhân và các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh.***

##### ***a. Nguyên nhân khách quan:***

- Xung đột giữa Nga và Ucraina đã khiến tình hình kinh tế thế giới biến động mạnh, giá dầu liên tục tăng cao ảnh hưởng đến giá cước vận tải biển và vận tải bộ.

- Số lượng tàu container khai thác bình quân tại Cảng dự kiến đạt 33 chuyến/tháng (tương đương với năm 2021). Tuy nhiên, thực tế trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2022, số lượng chuyến tàu khai thác bình quân chỉ đạt mức 26 chuyến/tháng, giảm 21% so với năm 2021, sản lượng hàng container đạt 80% so với cùng kỳ năm 2021 nguyên nhân:

+ Tình hình tắc nghẽn tại các Cảng chuyển tải ở Singapore và Hongkong, đặc biệt là giai đoạn Quý II, dẫn đến hành trình khai thác tàu của các tuyến không đảm bảo, Hãng tàu thường chấp nhận bỏ chuyến tại Quy Nhơn để đảm bảo hành trình của tuyến.

+ Sự giới hạn về môn nước hành hải trên Luồng hiện nay dẫn đến không đáp ứng được cho tàu container 30.000 DWT nhận đầy tải. Trong khi đó, Cảng Quy Nhơn là điểm cuối trong hành trình của tàu trước khi rời Việt Nam, do vậy thường phát sinh các trường hợp tàu sau khi rời Hải Phòng vẫn còn dư tải trọng để nhận thêm hàng tại Quy Nhơn nhưng do môn nước Luồng Hàng hải Quy Nhơn hạn chế, tàu không thể nhận đầy tải, dẫn đến chấp nhận bỏ bớt hàng hoặc bỏ chuyến tại Quy Nhơn.

- Đối với nguồn hàng thiết bị điện gió, năm 2022 không có hàng thiết bị thông qua Cảng trái với nhận định từ đầu năm, hiện nay các dự án điện gió Khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên đã hoàn thành giai đoạn 1, giai đoạn 2 và các dự án mới phụ thuộc vào Đề án Điện 8 của Chính phủ.

- Ngoài vấn đề về chi phí vận tải biển tăng cao theo thị trường, chi phí vận tải biển cho hàng xuất tại thị trường Nam Trung Bộ còn bị ảnh hưởng bởi sự mất cân bằng rất lớn về nguồn hàng xuất – nhập.

- Hiện nay, Việt Nam đã tham gia sâu vào các tổ chức kinh tế thế giới, vì vậy các tác động từ thị trường quốc tế (như cung cầu, giá cả hàng hóa XNK) biến động bất lợi thì ngay lập tức sản lượng thông qua cảng sẽ tăng/giảm khó lường.

#### *b. Nguyên nhân chủ quan:*

Mặc dù Công ty đã triển khai, áp dụng các biện pháp tăng năng suất giải phóng tàu (bình quân năng suất giải phóng tàu tăng 20-25% so với năm 2021), nhưng để phục vụ công tác thi công cải tạo nâng cấp Bến số 01 – Cảng Quy Nhơn từ đầu tháng 05/2022 do đó toàn bộ 350 mét cầu (Bến 1A, 1B và 1C) phải tạm dừng khai thác, vì vậy một số khách hàng (nhóm hàng nông sản, thức ăn gia súc, phân bón, xi măng, đá granite) đã chuyển sang các cảng lân cận, ảnh hưởng đến số lượt tàu đến Cảng (tổng lượt tàu giảm 31%, tàu cont giảm 18%, tàu ngoại giảm 16%, tàu nội địa giảm 48% so với cùng kỳ 2021, cụ thể tàu ngoại giảm 95 lượt, tàu container giảm 64 lượt).

Hệ thống kho, bãi chứa hàng của cảng chưa đủ, chưa đồng bộ và chưa đáp ứng nhu cầu về diện tích, tiêu chuẩn, chất lượng... Một số phương tiện, thiết bị xếp dỡ có tuổi đời cao, lỗi thời, thường xuyên hư hỏng phải thực hiện sửa chữa nhiều làm gián đoạn và tăng chi phí khai thác.

Nguồn nhân lực (cả về số lượng và chất lượng) chưa đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tăng trưởng hàng hóa và quy mô phát triển Cảng Quy Nhơn, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hàng container.

## **2. Công tác đầu tư phát triển.**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2022 Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn. Kết quả thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư năm 2022 như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến 1 – Cảng Quy Nhơn: Hoàn thành thi công rà phá bom mìn trong tháng 3/2022. Ngày 03/6/2022, khởi công thi công xây dựng công trình theo văn bản số 696/QNP-ĐT ngày 30/5/2022. Đến nay, hạng mục Bến 1

nhà thầu hoàn thành khoảng 98% khối lượng công trình, các nhà thầu đang thực hiện công việc giai đoạn cuối như: lắp đặt ray,...

- Hoàn thành thi công và bàn giao các công trình đưa vào sử dụng như: Nâng cấp cải tạo khu nhà Trung tâm ĐHSX; Cải tạo nhà làm việc đội container thành trung tâm dịch vụ khách hàng kết hợp văn phòng làm việc.

- Các dự án đầu tư phương tiện thiết bị như: hoàn thành đầu tư 03 xe đào bánh xích gầu 0,5 m<sup>3</sup>; Ngõam điều khiển từ xa dung tích 10-15m<sup>3</sup>.

- Các dự án CNTT như: Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (GD 1), Thủ tục và thuê hệ thống điều hành khai thác cảng TOS.

- Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật ...

- Các dự án đang thực hiện như: Nạo vét khu nước trước bến (năm 2021); Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha); Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống; Đầu tư server (giai đoạn 1); Nâng cấp hệ thống mạng khu văn phòng; Nâng cấp hệ thống mạng khu sản xuất; Hạ ngầm cáp quang tuyến chính; Xe ủi D39/D40 (2 xe), Khung chụp spreader cầu QC,...

### **Đánh giá tình hình đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư năm 2022:**

Kế hoạch đầu tư năm 2022 đã được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 27/6/2022 với tổng giá trị là 367,803 tỷ đồng, giá trị thực hiện đầu tư hơn 299 tỷ đồng đạt 81% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: ảnh hưởng xung đột giữa Nga và Ukraine làm giá xăng dầu tăng cao, tình hình nhập khẩu vật tư, thiết bị gặp nhiều khó khăn, kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Chi phí vật tư, vật liệu tăng cao và thay đổi mặt hàng khai thác, việc triển khai thực hiện một số dự án đầu tư không đem lại hiệu quả như kỳ vọng do đó phải thực hiện giãn, hoãn tiến độ các dự án chưa thật sự cấp thiết,

Công tác triển khai dự án được thực hiện đầy đủ các bước, đúng trình tự và quy định của pháp luật có liên quan, tuân thủ đúng các quy trình, quy định về đầu tư, về tổ chức thi công, lắp đặt, đào tạo, nghiệm thu; bảo đảm an toàn lao động, an toàn thiết bị, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và chất lượng kỹ thuật công trình.

Các hạng mục, công trình do Cảng Quy Nhơn làm chủ đầu tư được Ban Điều hành giám sát chặt chẽ về chất lượng và nhanh chóng giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. Vì vậy, đã đảm bảo được chất lượng trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và phát huy hiệu quả sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

### **1. Mục tiêu chung.**

Cảng Quy Nhơn tập trung mọi nguồn lực phục vụ sản xuất, (1) hoàn thành vượt tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt Dự án Bến 01; (2) nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng chăm sóc khách hàng theo định hướng “Lấy khách hàng làm trung tâm”; (3) tập trung phát triển nguồn hàng container, đặc biệt nguồn hàng Tây Nguyên,

hàng trong vùng hậu phương nhưng chưa xuất/nhập thông qua Cảng, xây dựng giải pháp chuyển đổi phương thức xuất hàng từ tàu chuyển sang container đối với hàng viên gỗ nén; (4) triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành, quản lý của Doanh nghiệp để đạt hiệu quả cao, đồng thời tạo sự tiện ích để tăng trải nghiệm tích cực cho khách hàng; (5) triển khai Kaizen, áp dụng công cụ Kaizen trong tất cả hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh.

Cảng Quy Nhơn phân đầu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 theo kế hoạch đề ra.

## 2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Căn cứ văn bản số 22/HHVN-TTKH ngày 03/01/2023 của Tổng công ty HHVN về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 cho Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xây dựng chỉ tiêu SXKD chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH 2023/TH2022
1	Sản lượng	Triệu tấn	10,8	12,3	113,8%
	<i>Trong đó: SL container</i>	<i>1.000 teus</i>	<i>137,8</i>	<i>180</i>	<i>130,6%</i>
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.100	1.278	116,2%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	68	135	198%

## 3. Kế hoạch đầu tư phát triển.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua. Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị năm 2023 như sau:

TT	Tên dự án	KHĐT 2023 (triệu đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>400.761</b>
	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>	<b>336.920</b>
	<b>Dự án công nghệ thông tin</b>	<b>11.680</b>
	<b>Đầu tư phương tiện thiết bị</b>	<b>37.855</b>
	<b>Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>14.306</b>
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP 2022</b>	<b>359.985</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>	<b>312.644</b>
1	ĐT XD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn	270.710
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện Cảng Quy Nhơn (GD 1)	8.000
3	Cải tạo hệ thống RTG chạy điện	13.934
4	Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha)	20.000

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>KHĐT 2023 (triệu đồng)</b>
<b>II</b>	<b>Dự án công nghệ thông tin</b>	<b>4.680</b>
1	Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống	1.680
2	Đầu tư Hệ thống kho dữ liệu, BI tích hợp dữ liệu TOS, TCKT, NSTL	3.000
<b>III</b>	<b>Đầu tư phương tiện thiết bị</b>	<b>28.355</b>
1	Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T)	500
2	Xe ủi D39/D40 (2 xe)	10.464
3	Xe nâng container có hàng	12.000
4	Khung chụp spreader cầu QC	5.391
<b>IV</b>	<b>Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>14.306</b>
1	Nạo vét khu nước trước bến (năm 2021)	14.306
<b>B</b>	<b>Dự án triển khai năm 2023</b>	<b>40.776</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>	<b>24.276</b>
1	Khu cảng nội địa ICD Tuy Phước (giai đoạn 1)	1.000
2	Mở rộng bãi container số 2 (3.000m <sup>2</sup> )	1.000
3	Giải phóng mặt bằng khu tập thể 5 gian (72 hộ dân)	1.000
4	Kho hàng chuyên dụng 10.000m <sup>2</sup>	1.000
5	Sửa chữa, cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy kho hàng số 2A và số 7	7.400
6	Hệ thống xử lý nước thải khu đất 3,8 ha	500
7	Sửa chữa mặt cầu và đường dẫn cầu số 4 (15.000 m <sup>2</sup> )	6.000
8	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng và di dời nguồn cấp điện hạ áp bến số 1 mở rộng Cảng Quy Nhơn	6.376
<b>II</b>	<b>Dự án công nghệ thông tin</b>	<b>7.000</b>
1	Đầu tư server (giai đoạn 1)	3.000
2	Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (giai đoạn 2), bao gồm các dự án (nội dung 2.1, 2.2, 2.3):	
2.1	Nâng cấp hệ thống mạng khu văn phòng	1.500
2.2	Nâng cấp hệ thống mạng khu sản xuất	1.000
2.3	Hạ ngầm cáp quang tuyến chính	1.500
<b>III</b>	<b>Đầu tư phương tiện thiết bị</b>	<b>9.500</b>
1	Máy phát điện 1.600 kVA	7.500
2	Băng tải nạp hàng rời vào container	1.000
3	Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ	1.000
	<b>TỔNG</b>	<b>400.761</b>

Kế hoạch đầu tư trong năm 2023 là 400,761 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hơn 336,920 tỷ đồng, đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị là 37,855 tỷ đồng, đầu tư công nghệ thông tin 11,68 tỷ đồng. Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật 14,306 tỷ đồng, cụ thể:

- Các dự án Đầu tư xây dựng cơ bản: tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đã thực hiện trong năm 2022 và chuyển tiếp sang năm 2023; tập trung các dự án trọng điểm như: ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn; Nạo vét khu nước trước bến (2021),... Và các dự án triển khai năm 2023. Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8 ha), đối với khu đất 3,8 ha, Cảng đã hoàn thành công tác nhận bàn giao mặt bằng và tài sản trên khu đất từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải (Inseco) ngày 02/01/2023 và tổ chức kinh doanh khai thác hiệu quả khu đất này.

- Dự án công nghệ thông tin: tập trung đầu tư các dự án nâng cấp, cải tạo hạ tầng mạng có dấu hiệu xuống cấp, tín hiệu không ổn định cần được đầu tư thay thế và có tính mở rộng, bảo mật như: Đầu tư server, đầu tư hạ tầng mạng nội bộ,...

- Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị: đầu tư mua sắm thay thế các phương tiện thiết bị thường xuyên hư hỏng, xuống cấp và các phương tiện xếp dỡ mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác hàng hóa của Cảng Quy Nhơn sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng (bến số 1, bãi hàng 3,8ha): Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T), xe ủi, xe nâng container có hàng, máy phát điện, băng tải nạp hàng rời vào container,...

### **III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2023**

Để phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty và một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện trong năm 2023 là:

#### **1. Thị trường, khách hàng**

Duy trì ổn định chất lượng dịch vụ, tăng cường chăm sóc khách hàng, thị trường truyền thống nhằm phát triển nguồn hàng cho chiến lược trung, dài hạn. Mục tiêu chung cần giải quyết trong thời gian tới:

- Đối với các mặt hàng truyền thống, phương thức vận chuyển, mua bán đơn giản, gần khu vực cảng thì tiếp tục nghiên cứu phương án tăng năng suất xếp dỡ, tăng năng lực vận chuyển, tạo chất lượng dịch vụ khác biệt rõ rệt với đối thủ cạnh tranh và tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả cho khách hàng.

- Đối với các nguồn hàng ở xa Cảng (bán kính trên 150km) hoặc phương thức vận chuyển, mua bán phức tạp, Cảng sẽ nghiên cứu và xây dựng giải pháp logistics tối ưu nhất cho khách hàng, thông qua đó gia tăng giá trị chuỗi dịch vụ cho Cảng.

- Bố trí năng lực dịch vụ hợp lý cho nhóm hàng lương thực, năng lượng, nhu yếu phẩm xuất nhập khẩu, mục tiêu chi phối thị trường nhóm hàng này thông qua Cụm cảng Quy Nhơn.

- Theo dõi nhu cầu thị trường và chủ trương của Nhà nước, điều chỉnh giá dịch vụ phù hợp đảm bảo có lợi cho Cảng.

- Tận dụng giá cước vận chuyển container đang có chiều hướng giảm sâu, nghiên cứu giải pháp chuyển đổi phương thức xuất khẩu bằng tàu chuyển sang hình thức

container đối với mặt hàng viên gỗ nén xuất đi Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số mặt hàng chưa xuất qua Cảng Quy Nhơn do yếu tố khách quan.

- Tập trung nguồn lực đánh giá lại nhu cầu thị trường, tiến tới kiểm soát nguồn hàng, phát triển thị trường tại khu vực Tây Nguyên, khu vực biên giới Lào, Campuchia, nguồn hàng xuất nhập thông qua cửa khẩu Lệ Thanh, Bờ Y. Ngoài hàng container, hàng rời đã thông qua Cảng Quy Nhơn, Cảng xây dựng giải pháp logistics cho nguồn hàng quặng sắt (Lào) xuất thị trường Trung Quốc và hàng viên gỗ nén (Lào) xuất thị trường Nhật Bản, Châu Âu.

- Định hướng cho Công ty TNHH MTV DV Logistics Cảng Quy Nhơn tập trung nguồn lực, nhân sự và sự hỗ trợ của các Ban chuyên môn VIMC, các đơn vị thành viên phát triển có hiệu quả dịch vụ Forwarder (kể cả hình thức mua bán cước) để gia tăng giá trị dịch vụ và kiểm soát nguồn hàng.

Sử dụng chính sách giá linh hoạt cho từng mặt hàng theo từng thời điểm để giải phóng tàu nhanh, tăng hiệu quả SXKD. Thực hiện ưu tiên cầu bến cho tàu, hàng thuộc nhóm hàng có năng suất xếp dỡ và hiệu quả khai thác cao, phù hợp thời tiết, như hàng dăm gỗ, viên nén, thức ăn gia súc, hàng tôn cuộn, thiết bị,...

Quy hoạch kho bãi hiện hữu đáp ứng nhu cầu khách hàng, ưu tiên kho cho các mặt hàng chiến lược có sự tăng trưởng nhanh; đôn đốc khách hàng thuê kho liên tục luân chuyển hàng hóa. Đối với các khách hàng, sử dụng kho Cảng để lưu chứa hàng, không luân chuyển hàng hóa thì Cảng khuyến khích khách hàng thuê kho ngoài cảng lưu chứa hoặc áp dụng giá lũy tiến để bù đắp doanh thu, lợi nhuận cho Cảng.

Quy hoạch lại kho bãi khu vực 3,8ha, tăng năng lực tuyến hậu phương phục vụ công tác khai thác cảng hiệu quả, đồng thời tăng nguồn thu cho Cảng.

Để kiểm soát thị trường hàng nguyên liệu thức ăn gia súc (1,3 – 1,5 triệu tấn/năm), Cảng Quy Nhơn nghiên cứu đầu tư kho hoặc hợp tác với nhà phân phối nguyên liệu thức ăn gia súc có uy tín đầu tư kho chuyên dụng, xây dựng giải pháp phân phối hàng hóa cho các nhà máy khu vực Bình Định, Tây Nguyên.

Nghiên cứu giải pháp, cung ứng dịch vụ phù hợp thu hút mặt hàng cà phê (Công ty Pacorini) tập kết tại Cảng Quy Nhơn, từng bước hình thành chợ cà phê tại khu vực Quy Nhơn.

## **2. Về công nghệ - kỹ thuật**

Hoàn thành hoàn cải các cầu RTG sử dụng diesel sang sử dụng điện nhằm tiết giảm chi phí, linh động trong sản xuất.

Thiết kế hệ thống cầu nâng băng tải dăm gỗ để trút hàng dăm gỗ vận chuyển bằng container từ các nhà máy về tập kết tại bãi trước khi xuất xuống tàu nhằm tăng năng suất xếp dỡ, giảm rơi vãi dăm gỗ khi vận chuyển đảm bảo môi trường.

Thiết kế khung chụp đỡ hàng rời chứa trong container 20' xuống tàu bằng giải pháp tự động; ứng dụng hệ thống an toàn tự động định vị độ cao trên cầu RTG để chống va đập container; chế tạo hệ thống băng tải nạp hàng rời vào container.



Triển khai giải pháp cấp phát và kiểm soát nhiên liệu tự động cho các phương tiện cơ giới thông qua phần mềm quản lý và hệ thống 4G.

Triển khai các giải pháp chuyên đổi số trọng điểm như sau: hệ thống báo cáo BI tự động cập nhật sản lượng real-time; hệ thống eport cho hàng container đủ 4 tác nghiệp: xuất hàng, xuất rỗng, hạ hàng, hạ rỗng; hệ thống CRM chăm sóc khách hàng; hoàn thành kết nối erp giữa các hệ thống còn dang dở 2022.

Về công tác đổi mới sáng tạo: tự thiết kế hệ thống cân thông minh, triển khai Kaizen 5S toàn công ty.

### **3. Về tài chính và đầu tư**

Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Tập trung thi công Bến 1 triển khai các hạng mục thi công vượt tiến độ; Đôn đốc dự án nạo vét Luồng Hàng hải Quy Nhơn, Bến 4 và Bến TC01 để tối ưu năng lực tiếp nhận tàu của Cảng Quy Nhơn.

Cân đối chuẩn bị dòng tiền và huy động các nguồn tiền hợp pháp theo kế hoạch dòng tiền giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo dòng tiền đầu tư các dự án trong các năm 2023 - 2025.

Thực hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

Tăng cường quản lý giám sát chặt chẽ việc vay nợ và sử dụng vốn vay.

Tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, bảo đảm hiệu quả tốt nhất.

### **4. Về quản trị và đổi mới doanh nghiệp**

Tổ chức quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư các phương tiện, thiết bị, xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng, cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ bảo quản hàng hóa, tiến độ giải phóng tàu, an toàn trong sản xuất,... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục nghiên cứu, rà soát cơ cấu tổ chức và các quy trình của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác và phù hợp với mô hình Công ty đại chúng niêm yết.

Ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong sản xuất kinh doanh và trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Tập trung xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể về KAIZEN và định hướng “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

Đổi mới tư duy kinh doanh, lấy số lượng, chất lượng phục vụ, hiệu quả dịch vụ làm nhiệm vụ hàng đầu, xây dựng các giải pháp logistics, linh hoạt giá dịch vụ để thu hút nguồn hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp, không ngừng cải tiến nhằm giảm thời gian khách hàng đến nhận/trả hàng tại Cảng Quy Nhơn.

Tiếp tục rà soát và bổ sung các cơ chế trả lương gắn với hiệu quả của người lao động trong Công ty, trong đó tiếp tục nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế thu hút các lao động có chất lượng đối với các vị trí cần thiết của Công ty.

Tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thiết thực và hiệu quả.

## **5. Về nguồn nhân lực**

Xây dựng các chiến lược để thực hiện các nội dung của Tuyên bố Đại lãi, trong đó có 2 trung tâm: Xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm Trung tâm và lấy phát triển con người làm Trung tâm.

Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển của đơn vị. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo phù hợp và nhất là thực hiện đổi mới trong công tác tuyển dụng, tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch theo nhu cầu, tiêu chuẩn, trình độ doanh nghiệp cần, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp trong công tác dịch vụ khách hàng, thu hút khách hàng.

Áp dụng và tiếp tục hoàn thiện thêm hệ thống KPI và trả lương 3Ps để trả lương cho người lao động nhằm động viên, khen thưởng phù hợp để tạo động lực thúc đẩy người lao động phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, gắn bó và cống hiến cho Công ty; Tiếp tục rà soát và đánh giá năng lực của CBNV từ đó triển khai công tác đào tạo kết hợp luân chuyển, biệt phái cán bộ, bố trí lại để tạo động lực cho người lao động, bố trí công việc phù hợp.

Trên đây là về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Ban điều hành Cty;
- Lưu: VT, KD, NPTQT Cty.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Hồng Quân**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc Thông qua Báo cáo tài chính Riêng  
và Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 09/6/2021.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính Riêng đã kiểm toán năm 2022, Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 như sau:

**I. Báo cáo tài chính Riêng đã kiểm toán năm 2022:**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

*“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

*“Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.”*

**1. Bảng Cân đối kế toán Riêng tại ngày 31/12/2022**

Đơn vị tính: đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối kỳ 31/12/2022</b>	<b>Số đầu năm 01/01/2022</b>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	463.910.938.128	800.561.582.999
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	528.326.372.042	258.219.888.869
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>992.237.310.170</b>	<b>1.058.781.471.868</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Số cuối kỳ 31/12/2022</b>	<b>Số đầu năm 01/01/2022</b>
NỢ PHẢI TRẢ	300	222.596.812.120	210.729.014.577
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	769.640.498.050	848.052.457.292
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>600</b>	<b>992.237.310.170</b>	<b>1.058.781.471.868</b>

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh Riêng năm 2022 (số liệu đã kiểm toán) so với kế hoạch**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thực hiện năm 2022</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>	<b>Tỷ lệ% so kế hoạch</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	824.165.585.740	735.000.000.000	112%
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	823.491.368.908	735.000.000.000	112%
Giá vốn hàng bán	11	655.879.255.427	495.295.489.148	132%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	167.612.113.481	239.704.510.852	70%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	61.042.417.432	183.378.459.474	33%
Lợi nhuận khác (40=31-23)	40	1.351.636.744	621.540.526	217%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	62.394.054.176	184.000.000.000	34%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	39.642.940.758	147.200.000.000	27%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	981	3.643	27%

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Riêng tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
1	Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	01	62.394.054.176	419.464.437.548
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.066.004.575	274.695.888.486
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(136.209.310.718)	(156.645.842.768)
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(80.787.184.500)	(69.235.690.600)
5	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(70.930.490.643)	48.814.355.118
6	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	104.327.380.740	55.673.440.424
7	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(21.974.572)	(160.414.802)
8	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.374.915.525	104.327.380.740

(Chi tiết theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 kèm theo)

## II. Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022

### Ý kiến của kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

### Vấn đề cần nhấn mạnh

“Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.”

## 1. Bảng Cân đối kế toán Hợp nhất tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối kỳ 31/12/2022</b>	<b>Số đầu năm 01/01/2022</b>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	603.359.818.503	800.561.582.999
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	481.553.016.201	260.925.260.170
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>1.084.912.834.704</b>	<b>1.061.486.843.169</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Số cuối kỳ 31/12/2022</b>	<b>Số đầu năm 01/01/2022</b>
NỢ PHẢI TRẢ	300	308.046.350.680	210.729.014.576
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	776.866.484.024	850.757.828.593
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>600</b>	<b>1.084.912.834.704</b>	<b>1.061.486.843.169</b>

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất năm 2022 (số liệu đã kiểm toán) so với kế hoạch**

Đơn vị tính: đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thực hiện năm 2022</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>	<b>Tỷ lệ% so kế hoạch</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1.069.769.932.419	1.000.146.336.861	107%
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1.069.095.715.587	1.000.146.336.861	107%
Giá vốn hàng bán	11	891.769.597.658	749.469.649.708	119%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	177.326.117.929	250.676.687.152	71%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	66.606.236.431	189.378.500.000	35%
Lợi nhuận khác (40=31-23)	40	1.351.596.218	621.500.000	217%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	67.957.832.649	190.000.000.000	36%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	44.163.555.431	152.000.000.000	29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.093	3.761	29%

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
1	Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	01	67.957.832.649	419.716.195.548
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	151.197.332.591	274.695.888.486
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(94.793.579.095)	(156.645.842.768)
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(80.787.184.500)	(69.235.690.600)
5	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(24.383.431.004)	48.814.355.118
6	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	104.327.380.740	55.673.440.424
7	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(21.974.572)	(160.414.802)
8	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	79.921.975.164	104.327.380.740

(Chi tiết theo báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 kèm theo)

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính Riêng năm 2022 và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính Riêng đã kiểm toán năm 2022; Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, TCKT, NPTQTCty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(đã được kiểm toán)





**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

## **Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 08) vào ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quân	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Phan Tuấn Linh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 11 năm 2022)
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 11 năm 2022)
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2022)
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022)
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

## Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*

*[Signature]*

**Lê Hồng Quân**

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC**



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

**Nguyễn Trường Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>463.910.938.128</b>	<b>800.561.582.999</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>33.374.915.525</b>	<b>104.327.380.740</b>
111	1. Tiền		33.374.915.525	59.327.380.740
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	45.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>299.000.000.000</b>	<b>352.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		299.000.000.000	352.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.273.259.409</b>	<b>281.250.393.886</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.155.022.168	226.375.690.095
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.212.189.157	51.814.431.565
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.796.984.194	8.668.209.416
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.890.936.110)	(5.607.937.190)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>23.371.915.903</b>	<b>21.115.205.246</b>
141	1. Hàng tồn kho		23.371.915.903	21.115.205.246
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.890.847.291</b>	<b>41.868.603.127</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.602.483.062	37.083.446.349
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.288.364.229	880.523.320
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	3.904.633.458
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>528.326.372.042</b>	<b>258.219.888.869</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.348.273.000</b>	<b>7.448.273.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	7.348.273.000	7.448.273.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>187.120.173.214</b>	<b>203.709.799.012</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.104.531.546	200.708.128.790
222	- Nguyên giá		1.115.356.678.222	1.112.772.327.266
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(930.252.146.676)	(912.064.198.476)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.015.641.668	3.001.670.222
228	- Nguyên giá		8.567.611.111	8.487.611.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.551.969.443)	(5.485.940.889)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>250.591.541.298</b>	<b>10.845.031.679</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	250.591.541.298	10.845.031.679
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>75.608.000.000</b>	<b>27.204.812.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.608.000.000	7.608.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.000.000.000	19.596.812.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.658.384.530</b>	<b>9.011.973.178</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.658.384.530	9.011.973.178
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>992.237.310.170</b>	<b>1.058.781.471.868</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>222.596.812.120</b>	<b>210.729.014.576</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>222.596.812.120</b>	<b>210.729.014.576</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	116.005.221.391	138.465.438.483
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.763.341.129	2.590.580.601
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.518.697.224	21.778.738.109
314	4. Phải trả người lao động		26.612.481.656	36.711.316.914
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	70.000.000	4.682.576.747
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.389.068.098	2.406.224.958
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	53.671.181.534	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.566.821.088	4.094.138.764
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>769.640.498.050</b>	<b>848.052.457.292</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>769.640.498.050</b>	<b>848.052.457.292</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		404.099.500.000	404.099.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		404.099.500.000	404.099.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		275.392.693.176	109.956.693.176
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.148.304.874	333.996.264.116
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		50.505.364.116	(1.687.824.382)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		39.642.940.758	335.684.088.498
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>992.237.310.170</b>	<b>1.058.781.471.868</b>

  
Nguyễn Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng



  
Lê Hồng Quân  
Tổng Giám đốc  
Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
*Năm 2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	824.165.585.740	1.311.226.260.274
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	674.216.832	427.096.203
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		823.491.368.908	1.310.799.164.071
11	4. Giá vốn hàng bán	24	655.879.255.427	818.312.569.848
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.612.113.481	492.486.594.223
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	26.356.013.039	18.369.744.051
22	7. Chi phí tài chính	26	840.401.982	787.647.296
25	8. Chi phí bán hàng	27	9.927.718.874	10.763.888.674
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	122.157.588.232	73.610.528.270
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.042.417.432	425.694.274.034
31	11. Thu nhập khác	29	2.274.802.182	3.133.503.776
32	12. Chi phí khác	30	923.165.438	9.363.340.262
40	13. Lợi nhuận khác		1.351.636.744	(6.229.836.486)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.394.054.176	419.464.437.548
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	22.751.113.418	83.780.349.050
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>39.642.940.758</u>	<u>335.684.088.498</u>

  
Nguyễn Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng

  
  
Lê Hồng Quân  
Tổng Giám đốc  
Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>62.394.054.176</b>	<b>419.464.437.548</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>63.357.348.732</b>	<b>25.407.216.195</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		36.858.087.152	43.724.812.297
03	- Các khoản dự phòng		53.128.505.953	(241.656.699)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		490.680.863	230.181.485
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.119.925.236)	(18.483.300.823)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	177.179.935
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>125.751.402.908</b>	<b>444.871.653.743</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		162.943.450.525	(108.906.532.885)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.256.710.657)	(2.028.960.066)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(111.254.198.699)	76.590.775.250
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		32.834.551.935	(31.687.494.027)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.190.173.761)	(81.235.976.529)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.762.317.676)	(22.907.577.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>146.066.004.575</b>	<b>274.695.888.486</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(168.679.906.122)	(42.313.986.788)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.020.292.188	676.359.697
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(338.000.000.000)	(486.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		391.000.000.000	355.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(50.000.000.000)	(128.892.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.286.400.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.163.903.216	16.120.676.323
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(136.209.310.718)</b>	<b>(156.645.842.768)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.787.184.500)	(69.235.690.600)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(80.787.184.500)</b>	<b>(69.235.690.600)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**Năm 2022**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**(tiếp theo)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(70.930.490.643)	48.814.355.118
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		104.327.380.740	55.673.440.424
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.974.572)	(160.414.802)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>33.374.915.525</u>	<u>104.327.380.740</u>

Nguyễn Thị Phương Linh  
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân  
Tổng Giám đốc  
Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 08) vào ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ của Công ty là: 404.099.500.000 VND, tương đương 40.409.950 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 772 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 821 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển; kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đại lý vận tải hàng hóa; đại lý tàu biển; đại lý vận tải thủy bộ; vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Trong năm, Công ty đã khởi công dự án xây dựng nâng cấp bến số 1 nên phải tạm dừng khai thác cầu cảng trong một số thời điểm. Bên cạnh đó, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng qua Cảng Quy Nhơn (chủ yếu là máy móc, thiết bị của các nhà đầu tư thuộc các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên) cũng giảm mạnh so với năm trước. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long (Thuyết minh 19 và 28). Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến doanh thu cung cấp dịch vụ và kết quả kinh doanh năm 2022 biến động giảm mạnh so với năm trước.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng Công ty	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp (i)	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

(i) Vào ngày 16 tháng 05 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn trên cơ sở kế thừa và chuyển giao từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp - Chi nhánh Công ty CP Cảng Quy Nhơn. Đến nay, Xí nghiệp đã dừng hoạt động và đang thực hiện các công việc cần thiết để đóng mã số thuế chi nhánh.

Thông tin về công ty con và liên kết của Công ty: xem chi tiết tại thuyết minh số 4.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ... đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo tài chính riêng kết hợp với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty và Công ty con.

## **2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu

chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ hoàn thành.

## 2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

## 2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó

- không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 36 tháng.

### **2.13 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.14 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.15 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **2.20 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

- b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

#### **2.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.



Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.23 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ cảng, bến cảng và dịch vụ hỗ trợ có liên quan. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	480.717.523	302.904.107
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.894.198.002	59.024.476.633
Các khoản tương đương tiền	-	45.000.000.000
	<b>33.374.915.525</b>	<b>104.327.380.740</b>

### 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	299.000.000.000	-	352.000.000.000	-
	<b>299.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>352.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với tổng giá trị 299.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6%/năm đến 10,2%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>50.000.000.000</b>	-		-	-	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn (i)	50.000.000.000	-	100	-	-	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>7.608.000.000</b>	-		<b>7.608.000.000</b>	-	
- Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải (ii)	7.608.000.000	-	20	7.608.000.000	-	20
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>18.000.000.000</b>	-		<b>19.596.812.000</b>	-	
- Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn (iii)	18.000.000.000	-	16,68	18.000.000.000	-	16,68
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (iv)	-	-		1.596.812.000	-	0,02
	<b>75.608.000.000</b>	-		<b>27.204.812.000</b>	-	

(i) Vào ngày 16 tháng 05 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn ("QNP LGS") trên cơ sở kế thừa và chuyển giao từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp - Chi nhánh Công ty CP Cảng Quy Nhơn. Đến ngày 01 tháng 06 năm 2022, QNP LGS đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 4101616138 với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Trụ sở chính của QNP LGS tại số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: vận tải, hỗ trợ dịch vụ vận tải; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải; bán buôn, bán lẻ; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền sở hữu của Công ty tại QNP LGS là 100%.

(ii) Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải ("INSECO") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 07 tháng 02 năm 2006. Vốn điều lệ của INSECO là 24 tỷ VND. Trụ sở đăng ký của INSECO tại Lô A3, Đường số 2, cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của INSECO là: sản xuất, mua bán khí công nghiệp; sản xuất đất đèn; sản xuất oxy y tế dạng khí và lỏng; chiết nạp vào chai khí dầu mỏ hóa lỏng và các khí hóa lỏng khác; lắp đặt thiết bị và hệ thống đường ống áp lực; kinh doanh kho bãi và cho thuê văn phòng; xếp dỡ hàng hóa, thiết bị; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại INSECO là 20%.

(iii) Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn ("Tân Cảng Quy Nhơn") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008. Vốn điều lệ của Tân Cảng Quy Nhơn là 107.922.750.000 VND. Trụ sở của Tân Cảng Quy Nhơn tại số 03 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của Tân Cảng Quy Nhơn là: bốc xếp hàng hóa; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ hỗ trợ vận tải... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Tân Cảng Quy Nhơn là 16,68%.

(iv) Trong kỳ, thực hiện Nghị quyết số 188/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 09 năm 2022 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ: xem Thuyết minh 35.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.564.333.893</b>	<b>(140.287.983)</b>	<b>1.684.267.688</b>	<b>(140.287.983)</b>
Công ty Vận tải Biển VIMC	2.424.045.910	-	1.543.979.705	-
Công ty CP Vinalines Nha Trang	140.287.983	(140.287.983)	140.287.983	(140.287.983)
<b>Bên khác</b>	<b>63.590.688.275</b>	<b>(4.750.648.127)</b>	<b>224.691.422.407</b>	<b>(5.467.649.207)</b>
Công ty TNHH Quốc tế Thuận Đạt	-	-	22.297.594.207	-
Công ty TNHH Vận tải Đại Việt Logistic	756.140.640	-	10.178.143.252	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	7.507.259.550	-	8.690.508.883	-
Công ty TNHH Thương mại Quý Phước	323.421.720	-	12.912.358.360	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	55.003.866.365	(4.750.648.127)	170.612.817.705	(5.467.649.207)
	<b>66.155.022.168</b>	<b>(4.890.936.110)</b>	<b>226.375.690.095</b>	<b>(5.607.937.190)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>486.683.385</b>	<b>-</b>	<b>1.064.735.300</b>	<b>-</b>
Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	486.683.385	-	1.064.735.300	-
<b>Bên khác</b>	<b>17.725.505.772</b>	<b>-</b>	<b>50.749.696.265</b>	<b>-</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	9.222.411.188	-	20.586.858.600	-
Công ty CP Xây dựng Công trình thủy Hà Nội	2.024.196.626	-	11.814.300.010	-
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	2.604.824.492	-	11.682.050.384	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hoàng Kim	-	-	1.478.245.543	-
Trả trước cho người bán khác	3.874.073.466	-	5.188.241.728	-
	<b>18.212.189.157</b>	<b>-</b>	<b>51.814.431.565</b>	<b>-</b>

**7 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về tạm ứng	581.679.780	-	1.141.033.200	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	68.200.000	-
Phải thu khác	6.215.304.414	-	7.458.976.216	-
- <i>Phải thu về tiền BHXH</i>	609.579.450	-	378.776.231	-
- <i>Lãi tiền gửi dự thu</i>	5.582.007.541	-	5.266.728.113	-
- <i>Tiền thưởng do hoàn thành dịch vụ trước hạn</i>	-	-	1.712.246.689	-
- <i>Phải thu khác</i>	23.717.423	-	101.225.183	-
	<b>6.796.984.194</b>	<b>-</b>	<b>8.668.209.416</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	7.348.273.000	-	7.448.273.000	-
	<b>7.348.273.000</b>	<b>-</b>	<b>7.448.273.000</b>	<b>-</b>

**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Nhựa đường Minh Đạt	1.124.802.348	-	1.124.802.348	100.581.540
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.158.388.134	579.194.067	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Ngọc	-	-	1.564.062.444	905.530.271
Các đối tượng khác	3.776.869.836	589.930.141	9.956.120.058	6.030.935.849
	<b>6.060.060.318</b>	<b>1.169.124.208</b>	<b>12.644.984.850</b>	<b>7.037.047.660</b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.580.502.737	-	19.676.873.423	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	350.217.979	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.791.413.166	-	12.716.316	-
Hàng hoá	-	-	1.075.397.528	-
	<b>23.371.915.903</b>	<b>-</b>	<b>21.115.205.246</b>	<b>-</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	107.047.333	335.191.597
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.043.724.933	16.246.938.491
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.736.167.632	19.722.986.484
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	715.543.164	778.329.777
	<b>5.602.483.062</b>	<b>37.083.446.349</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	3.774.985.005	5.601.984.708
Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng	-	108.721.715
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.883.399.525	3.301.266.755
	<b>7.658.384.530</b>	<b>9.011.973.178</b>

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	569.033.022.432	189.846.997.857	344.502.554.651	9.389.752.326	1.112.772.327.266
- Mua trong kỳ	-	269.672.727	1.803.254.849	2.300.925.903	4.373.853.479
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	16.883.745.471	-	-	-	16.883.745.471
- Thanh lý, nhượng bán	(2.354.469.487)	(949.919.918)	(15.283.511.620)	(85.346.969)	(18.673.247.994)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>583.562.298.416</b>	<b>189.166.750.666</b>	<b>331.022.297.880</b>	<b>11.605.331.260</b>	<b>1.115.356.678.222</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	532.352.467.040	67.228.208.200	306.762.249.128	5.721.274.108	912.064.198.476
- Khấu hao trong kỳ	7.107.898.002	16.586.426.695	11.119.564.831	978.169.070	35.792.058.598
- Thanh lý, nhượng bán	(2.174.548.052)	(775.036.220)	(14.569.179.157)	(85.346.969)	(17.604.110.398)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>537.285.816.990</b>	<b>83.039.598.675</b>	<b>303.312.634.802</b>	<b>6.614.096.209</b>	<b>930.252.146.676</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	36.680.555.392	122.618.789.657	37.740.305.523	3.668.478.218	200.708.128.790
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>46.276.481.426</b>	<b>106.127.151.991</b>	<b>27.709.663.078</b>	<b>4.991.235.051</b>	<b>185.104.531.546</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 759.378.278.958 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 527.511.365.783 VND).

## 12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý nguyên giá là 8.567.611.111 VND và hao mòn lũy kế là 6.551.969.443 VND, khấu hao trong kỳ là 1.066.028.554 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.981.940.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 4.030.612.311 VND).

## 13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>9.518.537.963</b>	<b>793.181.818</b>
- Nâng cấp phần mềm quản lý	600.000.000	793.181.818
- Mua sắm tài sản cố định	8.918.537.963	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>241.073.003.335</b>	<b>10.051.849.861</b>
- Duy tu, sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến - Cảng Quy Nhơn	-	5.076.760.180
- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 (i)	231.316.542.030	3.667.392.109
- Công trình sửa chữa, cải tạo khu nhà làm việc trung tâm điều hành sản xuất	8.805.263.568	29.278.182
- Công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu	-	109.090.909
- Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2023 (ii)	-	572.159.095
- Các công trình khác	951.197.737	597.169.386
	<b><u>250.591.541.298</u></b>	<b><u>10.845.031.679</u></b>

(i) Ngày 31 tháng 05 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 01 - Cảng Quy Nhơn, như sau:

- Địa điểm xây dựng: Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Chủ đầu tư: Công ty CP Cảng Quy Nhơn;
- Nguồn vốn đầu tư: toàn bộ là vốn chủ sở hữu của Công ty CP Cảng Quy Nhơn;
- Tổng mức đầu tư là: 546.379.551.000 VND;
- Mục đích xây dựng: nâng cấp bến số 1 bằng cách mở rộng ra phía khu nước bến số 1 hiện hữu thêm dự kiến 35m, chiều dài 48m đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn sau; nạo vét khu nước, vũng quay tàu, đáp ứng cho tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải neo đậu phía ngoài (phía Đông) và tàu lai, ca nô công vụ neo đậu phía trong (phía Tây) tại đoạn nhô ra khỏi bờ 175m phía thượng lưu;
- Đến nay, dự án đã thực hiện xong các công việc lập quy hoạch dự án, thẩm định dự án, khảo sát địa chất, lập quy hoạch, thẩm duyệt thiết kế, thi công xây dựng công trình hoàn thành đợt 1. Dự án vẫn đang trong quá trình thi công xây lắp các hạng mục và dự kiến hoàn thành trong quý III năm 2023.

(ii) Ngày 16 tháng 05 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT nghiệm thu thanh lý và quyết toán chi phí khảo sát địa hình, địa chất, lập báo cáo nghiên cứu khả thi do không tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bãi hàng, bãi công nghệ thuộc Dự án mở rộng cảng Quy Nhơn năm 2030 với tổng giá trị là 817.370.126 VND vào chi phí trong kỳ (Thuyết minh 30).

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.899.638.757</b>	<b>4.899.638.757</b>	<b>14.672.055.762</b>	<b>14.672.055.762</b>
Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn	860.805.087	860.805.087	-	-
Công ty CP Logistics VIMC	1.134.000.000	1.134.000.000	385.000.000	385.000.000
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	-	470.250.000	470.250.000
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	2.746.907.208	2.746.907.208	13.658.879.300	13.658.879.300
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	157.926.462	157.926.462	157.926.462	157.926.462
<b>Bên khác</b>	<b>111.105.582.634</b>	<b>111.105.582.634</b>	<b>123.793.382.721</b>	<b>123.793.382.721</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	27.882.225.939	27.882.225.939	-	-
Công ty CP Xây dựng Công trình Thủy Hà Nội	26.558.658.331	26.558.658.331	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	36.432.289.064	36.432.289.064	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Phúc Vinh	-	-	11.743.920.177	11.743.920.177
Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Quang Minh	-	-	13.532.293.911	13.532.293.911
Phải trả cho các người bán khác	20.232.409.300	20.232.409.300	98.517.168.633	98.517.168.633
	<b><u>116.005.221.391</u></b>	<b><u>116.005.221.391</u></b>	<b><u>138.465.438.483</u></b>	<b><u>138.465.438.483</u></b>

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH CLIO Shipping and Logistics VN - INC	-	820.891.840
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	203.427.282	181.976.366
Phải trả cho các đối tượng khác	1.559.913.847	1.587.712.395
	<b><u>1.763.341.129</u></b>	<b><u>2.590.580.601</u></b>



**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	79.480.364	10.312.317.995	9.559.183.642	-	832.614.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.037.350.303	22.751.113.418	36.190.173.761	-	6.598.289.960
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.661.907.442	4.248.623.093	5.822.737.988	-	87.792.547
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.904.633.458	-	36.714.932.463	32.810.299.005	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b><u>3.904.633.458</u></b>	<b><u>21.778.738.109</u></b>	<b><u>74.031.986.969</u></b>	<b><u>84.387.394.396</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.518.697.224</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	-	4.075.276.747
Chi phí thuê tàu lai	-	545.800.000
Chi phí kiểm toán	70.000.000	-
Chi phí phải trả khác	-	61.500.000
	<b>70.000.000</b>	<b>4.682.576.747</b>

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	145.778.000	67.099.798
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.243.290.098	2.339.125.160
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.040.098	45.324.598
- Tiền tạm thu (i)	1.133.250.000	1.133.250.000
- Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ của cán bộ, công nhân viên	-	992.839.637
- Phải trả, phải nộp khác	32.000.000	167.710.925
	<b>1.389.068.098</b>	<b>2.406.224.958</b>

(i) Đây là khoản ghi nhận tương ứng với số tiền mà Công ty đã tạm thu vào quỹ của Bà Phạm Thị Thủy Linh và theo dõi như một khoản phải trả để chờ kết quả cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ với Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, sau đó Công ty sẽ thực hiện thanh toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (xem tại Thuyết minh số 19).

**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng phải trả cho vụ tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ (i)	53.671.181.534	-
	<b>53.671.181.534</b>	<b>-</b>

(i) Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty CP Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn") và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long ("Cửu Long") đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân ("TAND") các cấp: phiên tòa sơ thẩm tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 04/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019; phiên tòa phúc thẩm tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020; phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 15 tháng 07 năm 2022 tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 05/2022/KDTM-ST; và phiên tòa phúc thẩm lần 2 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 31/2022/KDTM-PT.

Tại Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2), TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17 tháng 05 năm 2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Cửu Long tổng số tiền là 53,48 tỷ VND (trong đó, phí dịch vụ lai dắt 24,44 tỷ VND, bồi thường thiệt hại năm 2019 và 2020 là 24,65 tỷ VND, trả lãi chậm thanh toán 4,39 tỷ VND); buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 190,76 triệu VND.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2022, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 105/QĐ-CTHADS. Tuy nhiên, Cảng Quy Nhơn đã có Đơn đề nghị gửi Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm soát nhân dân tối cao ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành bản án phúc thẩm (lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng trong thời hạn 3 tháng (kể từ ngày 09/01/2023) để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2023, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình định ra quyết định số 10/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án trong thời hạn 3 tháng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm. Các thủ tục để xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm là phức tạp và phụ thuộc vào việc xem xét của Chánh án TAND tối cao và Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, chưa thể đánh giá được kết quả cuối cùng có thể làm thay đổi phán quyết của bản án phúc thẩm lần 2 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng hay không. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý nêu trên là 53,67 tỷ VND (Thuyết minh 28).

## 20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>86.511.705.829</b>	<b>111.064.317.211</b>	<b>601.675.523.040</b>
Lãi trong kỳ trước (đã điều chỉnh)	-	-	335.684.088.498	335.684.088.498
Chia cổ tức	-	-	(68.696.915.000)	(68.696.915.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(682.000.000)	(682.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(19.928.239.246)	(19.928.239.246)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	23.444.987.347	(23.444.987.347)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>109.956.693.176</b>	<b>333.996.264.116</b>	<b>848.052.457.292</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	39.642.940.758	39.642.940.758
Chia cổ tức	-	-	(80.819.900.000)	(80.819.900.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(735.000.000)	(735.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(36.500.000.000)	(36.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	165.436.000.000	(165.436.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>275.392.693.176</b>	<b>90.148.304.874</b>	<b>769.640.498.050</b>

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021, như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		333.996.264.116
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	49,5%	165.436.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10,9%	36.500.000.000
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	0,2%	735.000.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	24,2%	80.819.900.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		50.505.364.116

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022 VND	Tỷ lệ %	01/01/2022 VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	303.122.620.000	75,01	303.122.620.000	75,01
Các cổ đông khác	100.976.880.000	24,99	100.976.880.000	24,99
	<b>404.099.500.000</b>	<b>100</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
- Vốn góp cuối kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	45.324.598	584.100.198
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	80.819.900.000	68.696.915.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>80.819.900.000</i>	<i>68.696.915.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	80.787.184.500	69.235.690.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>80.787.184.500</i>	<i>69.235.690.600</i>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	78.040.098	45.324.598

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.409.950</i>	<i>40.409.950</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.409.950</i>	<i>40.409.950</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	275.392.693.176	109.956.693.176
	<b>275.392.693.176</b>	<b>109.956.693.176</b>

## 21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê kho bãi, văn phòng, cửa hàng xăng dầu, máy chủ, điện thoại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương theo hợp đồng thuê hoạt động được bày như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.606.128.682	-
Từ 1 năm đến 5 năm	5.711.450.387	-

### b) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để thuê các lô đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, như sau:

Số hợp đồng	Diện tích	Thời hạn thuê	Mục đích sử dụng
1 HĐ số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	208.888,05 m <sup>2</sup>	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046	Xây dựng văn phòng làm việc và dịch vụ cảng
2 HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	29.116,5 m <sup>2</sup>	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051	Nâng cấp, phát triển Cảng Quy Nhơn
3 HĐ số 306/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	3.923,2 m <sup>2</sup>	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
4 HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	6.858,8 m <sup>2</sup>	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051	Nâng cấp, phát triển Cảng Quy Nhơn
5 HĐ số 308/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	38.824,4 m <sup>2</sup>	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056	Xây dựng, mở rộng Cảng Quy Nhơn
6 HĐ số 19/HĐTĐ ngày 24/01/2019	813,3 m <sup>2</sup>	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển
7 HĐ số 85/HĐ-TĐ ngày 20/05/2022	16.800 m <sup>2</sup>	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
8 HĐ số 159/HĐ-TĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m <sup>2</sup>	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn

### c) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
USD	44.525,71	1.084.820,27

### d) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.934.732.184	1.760.406.685

## 22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	170.461.980.793	168.747.930.836
Doanh thu cung cấp dịch vụ	653.703.604.947	1.142.478.329.438
	<b><u>824.165.585.740</u></b>	<b><u>1.311.226.260.274</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	23.907.265.790	15.410.386.613

**23 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	674.216.832	427.096.203
	<b>674.216.832</b>	<b>427.096.203</b>

**24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	166.715.796.604	165.188.869.942
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	489.163.458.823	653.123.699.906
	<b>655.879.255.427</b>	<b>818.312.569.848</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	51.394.912.872	34.277.024.533
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)		

**25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.279.182.644	13.798.609.914
Lãi bán các khoản đầu tư	1.689.588.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.200.000.000	4.260.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.187.242.395	311.134.137
	<b>26.356.013.039</b>	<b>18.369.744.051</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	4.199.643.600	4.259.662.300
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)		

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	349.721.119	557.465.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	490.680.863	230.181.485
	<b>840.401.982</b>	<b>787.647.296</b>

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.461.229.036	6.519.019.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.466.489.838	4.244.869.035
	<b>9.927.718.874</b>	<b>10.763.888.674</b>

**28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	616.768.482	2.392.111.502
Chi phí nhân công	34.596.248.287	41.626.476.256
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.241.393.555	7.350.033.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.286.225.166	2.436.679.303
Thuế, phí và lệ phí	7.307.994.933	2.001.102.159
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng (i)	53.128.505.953	(241.656.699)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.673.026.844	16.077.925.294
Chi phí khác bằng tiền	2.307.425.012	1.967.856.766
	<b>122.157.588.232</b>	<b>73.610.528.270</b>

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan - 150.000.000  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

(i) Chi phí dự phòng trong kỳ bao gồm: khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi có giá trị là 542.675.581 VND; và khoản hạch toán dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo bản án phúc thẩm của TAND cấp cao là 53.671.181.534 VND (chi tiết xem Thuyết minh 19).

**29 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.951.154.592	424.690.909
Tiền thưởng do hoàn thành dịch vụ trước hạn	-	1.712.246.689
Thu nhập khác	323.647.590	996.566.178
	<b>2.274.802.182</b>	<b>3.133.503.776</b>

Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan 88.214.108 -  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

**30 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí tháo dỡ, cải tạo tường rào, nhà vệ sinh, nhà để xe	-	1.121.835.025
Chi phí của dự án đầu tư do không tiếp tục thực hiện	817.370.126	-
Chi ủng hộ quỹ Vaccine phòng Covid-19	-	6.000.000.000
Chi ủng hộ, tài trợ máy đo nồng độ O2 và máy đo huyết áp phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19	-	561.904.762
Chi phí phạt hợp đồng thuê cầu do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	-	1.545.600.000
Các khoản khác	105.795.312	134.000.475
	<b>923.165.438</b>	<b>9.363.340.262</b>

### 31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	62.394.054.176	419.464.437.548
Các khoản điều chỉnh tăng	55.561.512.915	3.697.307.705
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	598.933.000	444.000.000
- <i>Khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ</i>	28.096.482	168.578.772
- <i>Hạch toán dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo bản án phúc thẩm của TAND cấp cao</i>	53.671.181.534	-
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	1.263.301.899	3.084.728.933
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.200.000.000)	(4.260.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(4.200.000.000)	(4.260.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	113.755.567.091	418.901.745.253
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>22.751.113.418</b>	<b>83.780.349.050</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	20.037.350.303	17.492.977.782
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(36.190.173.761)	(81.235.976.529)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>6.598.289.960</b>	<b>20.037.350.303</b>

### 32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.827.107.207	64.626.559.082
Chi phí nhân công	148.895.583.802	195.558.591.973
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.341.106.530	20.119.634.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.858.087.152	43.724.812.297
Thuế, phí và lệ phí	36.520.960.390	12.413.454.348
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	53.128.505.953	(241.656.699)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.264.070.371	407.379.010.860
Chi phí khác bằng tiền	5.192.041.374	9.690.082.016
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>623.027.462.779</b>	<b>753.270.488.610</b>

### 33 THÔNG TIN KHÁC

Ngày 17 tháng 09 năm 2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTTP về cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, theo đó Thanh tra Chính phủ đã đưa ra kết luận về một số khuyết điểm và vi phạm trong việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn, đồng thời nêu rõ các yêu cầu, kiến nghị xử lý về trách nhiệm, xử lý về kinh tế và xử lý về cơ chế chính sách. Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận Thanh tra nêu trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thực hiện các kiến nghị còn lại của Thanh tra Chính phủ sẽ không còn vấn đề nào có thể sẽ ảnh hưởng đến các thông tin đang phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

### 34 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.



### 35 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con
Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển Container VIMC	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Logistics VIMC	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Cảng Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Vinalines Nha Trang	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Đơn vị liên kết của công ty mẹ
Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ hàng hải	Công ty liên kết của Công ty
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>23.907.265.790</b>	<b>15.410.386.613</b>
Công ty Vận tải Biển VIMC	10.036.643.492	9.074.014.289
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	5.342.144.076	-
Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	8.424.048.956	6.202.827.482
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	16.133.334
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	104.429.266	117.411.508
<b>Thu nhập khác</b>	<b>88.214.108</b>	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	88.214.108	-
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>51.394.912.872</b>	<b>34.277.024.533</b>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	13.700.298.505	-
Công ty CP Logistics VIMC	4.132.258.065	4.048.333.333
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	675.996.000	-
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	427.500.000
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	30.521.191.200	29.801.191.200
Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	97.002.000	-
Ban QLDA Chuyên ngành Hàng hải	2.051.725.852	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	216.441.250	-
<b>Chi phí đào tạo</b>	-	<b>150.000.000</b>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	150.000.000
<b>Chi phí tư vấn công trình</b>	-	<b>3.050.395.077</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	-	3.050.395.077
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>4.199.643.600</b>	<b>4.259.662.300</b>
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	3.239.643.600	3.059.662.300
Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Hàng hải	960.000.000	1.200.000.000

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/07/2022)	106.333.000	40.400.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	109.667.000	96.000.000
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	492.426.526	909.462.238
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/07/2022)	317.767.279	-
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)	46.933.000	636.105.140
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/06/2021)	-	31.600.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022), miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc (ngày 01/09/2022)	638.893.166	720.217.527
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	96.000.000	64.800.000
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/10/2022)	489.565.841	720.217.527
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2022)	74.856.480	-
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2022)	74.856.480	-
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	585.912.109	686.719.031
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000	72.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)	35.200.000	60.000.000
Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022)	36.800.000	-
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/09/2022)	436.276.153	720.217.527

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

### 36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>a) Bảng cân đối kế toán riêng</b>					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225.501.406.095	226.375.690.095	874.284.000	(i)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	8.630.549.799	8.668.209.416	37.659.617	(i)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.051.503.655)	(5.607.937.190)	1.443.566.465	(i)
- Hàng tồn kho	141	20.764.987.267	21.115.205.246	350.217.979	(i)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.920.570.885	37.083.446.349	2.162.875.464	(i)
- Tổng cộng tài sản	270	1.053.912.868.343	1.058.781.471.868	4.868.603.525	(i)
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	139.690.438.483	138.465.438.483	(1.225.000.000)	(i)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.496.433.113	21.778.738.109	1.282.304.996	(i)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	329.184.965.586	333.996.264.116	4.811.298.530	(i)
- Tổng cộng nguồn vốn	440	1.053.912.868.343	1.058.781.471.868	4.868.603.525	(i)
<b>b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>					
- Giá vốn hàng bán	11	822.050.663.291	818.312.569.848	(3.738.093.443)	(i)
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.332.084.433	18.369.744.051	37.659.618	(i)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.054.094.735	73.610.528.270	(1.443.566.465)	(i)
- Thu nhập khác	31	2.338.700.140	3.133.503.776	794.803.636	(i)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	413.450.314.386	419.464.437.548	6.014.123.162	(i)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	82.577.524.418	83.780.349.050	1.202.824.632	(i)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	330.872.789.968	335.684.088.498	4.811.298.530	(i)
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng</b>					
- Lợi nhuận trước thuế	01	413.450.314.386	419.464.437.548	6.014.123.162	(i)
- Các khoản dự phòng	03	1.201.909.766	(241.656.699)	(1.443.566.465)	(i)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.445.641.205)	(18.483.300.823)	(37.659.618)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(108.032.248.885)	(108.906.532.885)	(874.284.000)	(i)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.678.742.087)	(2.028.960.066)	(350.217.979)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	77.736.294.886	76.590.775.250	(1.145.519.636)	(i)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.524.618.563)	(31.687.494.027)	(2.162.875.464)	(i)

- (i) Lý do điều chỉnh hồi tố: điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.



**Nguyễn Thị Phượng Linh**  
Người lập biểu



**Nguyễn Kim Toàn**  
Kế toán trưởng



**Lê Hồng Quân**  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

## Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 08) vào ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quân	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Phan Tuấn Linh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022)
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 11 năm 2022)
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 11 năm 2022)
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2022)
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022)
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2022)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do

**Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
  - Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
  - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
  - Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
  - Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Le Hồng Quân**

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

**Nguyễn Trường Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>603.359.818.503</b>	<b>800.561.582.999</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>79.921.975.164</b>	<b>104.327.380.740</b>
111	1. Tiền		38.921.975.164	59.327.380.740
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.000.000.000	45.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>308.000.000.000</b>	<b>352.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		308.000.000.000	352.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>168.875.939.076</b>	<b>281.250.393.886</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	148.427.531.410	226.375.690.095
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.227.189.157	51.814.431.565
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.112.154.619	8.668.209.416
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.890.936.110)	(5.607.937.190)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>24.593.380.884</b>	<b>21.115.205.246</b>
141	1. Hàng tồn kho		24.593.380.884	21.115.205.246
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.968.523.379</b>	<b>41.868.603.127</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.667.233.436	37.083.446.349
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.301.289.943	880.523.320
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	3.904.633.458
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>481.553.016.201</b>	<b>260.925.260.170</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.348.273.000</b>	<b>7.448.273.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	7.348.273.000	7.448.273.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>187.259.960.249</b>	<b>203.709.799.012</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.104.531.546	200.708.128.790
222	- Nguyên giá		1.115.356.678.222	1.112.772.327.266
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(930.252.146.676)	(912.064.198.476)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.155.428.703	3.001.670.222
228	- Nguyên giá		8.722.611.111	8.487.611.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.567.182.408)	(5.485.940.889)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>250.591.541.298</b>	<b>10.845.031.679</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		250.591.541.298	10.845.031.679
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>28.673.371.301</b>	<b>29.910.183.301</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		10.673.371.301	10.313.371.301
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.000.000.000	19.596.812.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.679.870.353</b>	<b>9.011.973.178</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.679.870.353	9.011.973.178
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.084.912.834.704</b>	<b>1.061.486.843.169</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>308.046.350.680</b>	<b>210.729.014.576</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>308.046.350.680</b>	<b>210.729.014.576</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	196.843.008.855	138.465.438.483
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.763.341.129	2.590.580.601
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.781.324.543	21.778.738.109
314	4. Phải trả người lao động		27.727.534.113	36.711.316.914
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.069.931.733	4.682.576.747
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.395.133.698	2.406.224.958
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	53.671.181.534	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.794.895.075	4.094.138.764
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>776.866.484.024</b>	<b>850.757.828.593</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>776.866.484.024</b>	<b>850.757.828.593</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		404.099.500.000	404.099.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		404.099.500.000	404.099.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		275.392.693.176	109.956.693.176
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.374.290.848	336.701.635.417
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		53.210.735.417	765.788.919
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.163.555.431	335.935.846.498
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.084.912.834.704</b>	<b>1.061.486.843.169</b>

  
Nguyễn Thị Phương Linh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng



  
Lê Hồng Quân  
Tổng Giám đốc  
Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>67.957.832.649</b>	<b>419.716.195.548</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>62.158.504.049</b>	<b>25.155.458.195</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		36.873.300.117	43.724.812.297
03	- Các khoản dự phòng		53.128.505.953	(241.656.699)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		490.680.863	230.181.485
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.333.982.884)	(18.735.058.823)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	177.179.935
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>130.116.336.698</b>	<b>444.871.653.743</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		80.611.171.169	(108.906.532.885)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.478.175.638)	(2.028.960.066)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(26.289.888.019)	76.590.775.250
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		32.748.315.738	(31.687.494.027)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.976.183.668)	(81.235.976.529)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.534.243.689)	(22.907.577.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>151.197.332.591</b>	<b>274.695.888.486</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(168.834.906.122)	(42.313.986.788)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.020.292.188	676.359.697
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(347.000.000.000)	(486.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		391.000.000.000	355.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(128.892.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.286.400.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.734.634.839	16.120.676.323
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(94.793.579.095)</b>	<b>(156.645.842.768)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.787.184.500)	(69.235.690.600)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(80.787.184.500)</b>	<b>(69.235.690.600)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*(tiếp theo)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND (24.383.431.004)	Năm 2021 (Đã điều chỉnh) VND 48.814.355.118
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		104.327.380.740	55.673.440.424
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.974.572)	(160.414.802)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>79.921.975.164</u>	<u>104.327.380.740</u>

Nguyễn Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 08) vào ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Vốn điều lệ của Công ty là: 404.099.500.000 VND, tương đương 40.409.950 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 808 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 821 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển; kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đại lý vận tải hàng hóa; đại lý tàu biển; đại lý vận tải thủy bộ; vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận cửa cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Công ty đã khởi công dự án xây dựng nâng cấp bến số 1 nên phải tạm dừng khai thác cầu cảng trong một số thời điểm. Bên cạnh đó, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng qua Cảng Quy Nhơn (chủ yếu là máy móc, thiết bị của các nhà đầu tư thuộc các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên) cũng giảm mạnh so với năm trước. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long (Thuyết minh 19 và 28). Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến doanh thu cung cấp dịch vụ và kết quả kinh doanh năm 2022 biến động giảm mạnh so với năm trước.



### **Cấu trúc tập đoàn**

Công ty có một công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn (i)	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, đại lý kinh doanh xăng dầu

(i) Vào ngày 16 tháng 05 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn ("QNP LGS") trên cơ sở kế thừa và chuyển giao từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp - Chi nhánh Công ty CP Cảng Quy Nhơn. Đến ngày 01 tháng 06 năm 2022, QNP LGS đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 4101616138 với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Trụ sở chính của QNP LGS tại Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: vận tải, hỗ trợ dịch vụ vận tải; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải; bán buôn, bán lẻ; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền sở hữu của Công ty tại QNP LGS là 100%.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong kỳ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### **2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư thỏa mãn định nghĩa về công ty liên kết. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ hoàn thành.

## 2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

## 2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 đến 36 tháng.

## 2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.15 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.20 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ cảng, bến cảng và dịch vụ hỗ trợ có liên quan. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	798.470.638	302.904.107
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.123.504.526	59.024.476.633
Các khoản tương đương tiền (i)	41.000.000.000	45.000.000.000
	<b><u>79.921.975.164</u></b>	<b><u>104.327.380.740</u></b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 41 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 6%/năm.

## 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	308.000.000.000	-	352.000.000.000	-
	<b><u>308.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>352.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 308.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 10,2%/năm.

### b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
		Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
		%	VND	%	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
- Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải (i)	Bình Định	20%	10.673.371.301	20%	10.313.371.301
			<b><u>10.673.371.301</u></b>		<b><u>10.313.371.301</u></b>

(i) Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải ("INSECO") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 07 tháng 02 năm 2006. Vốn điều lệ của INSECO là 24 tỷ VND. Trụ sở đăng ký của INSECO tại Lô A3, Đường số 2, cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của INSECO là: sản xuất, mua bán khí công nghiệp; sản xuất đất đèn; sản xuất oxy y tế dạng khí và lỏng; chiết nạp vào chai khí dầu mỏ hóa lỏng và các khí hóa lỏng khác; lắp đặt thiết bị và hệ thống đường ống áp lực; kinh doanh kho bãi và cho thuê văn phòng; xếp dỡ hàng hóa, thiết bị; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại INSECO là 20%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ: xem Thuyết minh 36.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
- Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn (i)	18.000.000.000	-	16,68	18.000.000.000	-	16,68
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (ii)	-	-		1.596.812.000	-	0,02
	<b>18.000.000.000</b>	<b>-</b>		<b>19.596.812.000</b>	<b>-</b>	

(i) Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn ("Tân Cảng Quy Nhơn") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008. Vốn điều lệ của Tân Cảng Quy Nhơn là 107.922.750.000 VND. Trụ sở của Tân Cảng Quy Nhơn tại Số 03 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động kinh doanh chính của Tân Cảng Quy Nhơn là: bốc xếp hàng hóa; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ hỗ trợ vận tải... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Tân Cảng Quy Nhơn là 16,68%.

(ii) Trong năm, thực hiện Nghị quyết số 188/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 09 năm 2022 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.564.333.893</b>	<b>(140.287.983)</b>	<b>1.684.267.688</b>	<b>(140.287.983)</b>
Công ty Vận tải Biển VIMC	2.424.045.910	-	1.543.979.705	-
Công ty CP Vinalines Nha Trang	140.287.983	(140.287.983)	140.287.983	(140.287.983)
<b>Bên khác</b>	<b>145.863.197.517</b>	<b>(4.750.648.127)</b>	<b>224.691.422.407</b>	<b>(5.467.649.207)</b>
Công ty TNHH Quốc tế Thuận Đạt	-	-	22.297.594.207	-
Công ty TNHH Vận tải Đại Việt Logistics	880.428.277	-	10.178.143.252	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	7.507.259.550	-	8.690.508.883	-
Công ty TNHH Thương mại Quý Phước	323.421.720	-	12.912.358.360	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	137.152.087.970	(4.750.648.127)	170.612.817.705	(5.467.649.207)
	<b>148.427.531.410</b>	<b>(4.890.936.110)</b>	<b>226.375.690.095</b>	<b>(5.607.937.190)</b>



**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>486.683.385</b>	-	<b>1.064.735.300</b>	-
Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	486.683.385	-	1.064.735.300	-
<b>Bên khác</b>	<b>17.740.505.772</b>	-	<b>50.749.696.265</b>	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	9.222.411.188	-	20.586.858.600	-
Công ty CP Xây dựng Công trình thủy Hà Nội	2.024.196.626	-	11.814.300.010	-
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	2.604.824.492	-	11.682.050.384	-
Trả trước cho người bán khác	3.889.073.466	-	6.666.487.271	-
	<b>18.227.189.157</b>	-	<b>51.814.431.565</b>	-

**7 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về tạm ứng	581.679.780	-	1.141.033.200	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	68.200.000	-
Phải thu khác	6.530.474.839	-	7.458.976.216	-
- Phải thu về tiền BHXH	641.423.850	-	378.776.231	-
- Lãi tiền gửi dự thu	5.865.333.566	-	5.266.728.113	-
- Tiền thưởng do hoàn thành dịch vụ trước hạn	-	-	1.712.246.689	-
- Các đối tượng khác	23.717.423	-	101.225.183	-
	<b>7.112.154.619</b>	-	<b>8.668.209.416</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	7.348.273.000	-	7.448.273.000	-
	<b>7.348.273.000</b>	-	<b>7.448.273.000</b>	-



**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Nhựa đường Minh Đạt	1.124.802.348	-	1.124.802.348	100.581.540
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.158.388.134	579.194.067	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Ngọc	-	-	1.564.062.444	905.530.271
Các đối tượng khác	3.776.869.836	589.930.141	9.956.120.058	6.030.935.849
	<b>6.060.060.318</b>	<b>1.169.124.208</b>	<b>12.644.984.850</b>	<b>7.037.047.660</b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.580.502.737	-	19.676.873.423	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	350.217.979	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.791.413.166	-	12.716.316	-
Hàng hoá	1.221.464.981	-	1.075.397.528	-
	<b>24.593.380.884</b>	<b>-</b>	<b>21.115.205.246</b>	<b>-</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	107.047.333	335.191.597
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.108.475.307	16.246.938.491
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.736.167.632	19.722.986.484
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	715.543.164	778.329.777
	<b>5.667.233.436</b>	<b>37.083.446.349</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	3.774.985.005	5.601.984.708
Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng	-	108.721.715
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.904.885.348	3.301.266.755
	<b>7.679.870.353</b>	<b>9.011.973.178</b>

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	569.033.022.432	189.846.997.857	344.502.554.651	9.389.752.326	1.112.772.327.266
- Mua trong kỳ	-	269.672.727	1.803.254.849	2.300.925.903	4.373.853.479
- Đầu tư XDCB hoàn thành	16.883.745.471	-	-	-	16.883.745.471
- Thanh lý, nhượng bán	(2.354.469.487)	(949.919.918)	(15.283.511.620)	(85.346.969)	(18.673.247.994)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>583.562.298.416</b>	<b>189.166.750.666</b>	<b>331.022.297.880</b>	<b>11.605.331.260</b>	<b>1.115.356.678.222</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	532.352.467.040	67.228.208.200	306.762.249.128	5.721.274.108	912.064.198.476
- Khấu hao trong kỳ	7.107.898.002	16.586.426.695	11.119.564.831	978.169.070	35.792.058.598
- Thanh lý, nhượng bán	(2.174.548.052)	(775.036.220)	(14.569.179.157)	(85.346.969)	(17.604.110.398)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>537.285.816.990</b>	<b>83.039.598.675</b>	<b>303.312.634.802</b>	<b>6.614.096.209</b>	<b>930.252.146.676</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	36.680.555.392	122.618.789.657	37.740.305.523	3.668.478.218	200.708.128.790
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>46.276.481.426</b>	<b>106.127.151.991</b>	<b>27.709.663.078</b>	<b>4.991.235.051</b>	<b>185.104.531.546</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 759.378.278.958 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 527.511.365.783 VND).

## 12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý nguyên giá là 8.722.611.111 VND và hao mòn lũy kế là 6.567.182.408 VND, khấu hao trong kỳ là 1.081.241.519 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.981.940.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 4.030.612.311 VND).

## 13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>9.518.537.963</b>	<b>793.181.818</b>
- Nâng cấp phần mềm quản lý	600.000.000	793.181.818
- Mua sắm tài sản cố định	8.918.537.963	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>241.073.003.335</b>	<b>10.051.849.861</b>
- Duy tu, sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến - Cảng Quy Nhơn	-	5.076.760.180
- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 (i)	231.316.542.030	3.667.392.109
- Công trình sửa chữa, cải tạo khu nhà làm việc trung tâm điều hành sản xuất	8.805.263.568	29.278.182
- Công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu	-	109.090.909
- Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2023	-	572.159.095
- Các công trình khác	951.197.737	597.169.386
	<b><u>250.591.541.298</u></b>	<b><u>10.845.031.679</u></b>

(i) Ngày 31 tháng 05 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 01 - Cảng Quy Nhơn, như sau:

- Địa điểm xây dựng: Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Chủ đầu tư: Công ty CP Cảng Quy Nhơn;
- Nguồn vốn đầu tư: toàn bộ là vốn chủ sở hữu của Công ty CP Cảng Quy Nhơn;
- Tổng mức đầu tư là: 546.379.551.000 VND;
- Mục đích xây dựng: nâng cấp bến số 1 bằng cách mở rộng ra phía khu nước bến số 1 hiện hữu thêm dự kiến 35m, chiều dài 48m đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn sau; nạo vét khu nước, vũng quay tàu, đáp ứng cho tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải neo đậu phía ngoài (phía Đông) và tàu lai, ca nô công vụ neo đậu phía trong (phía Tây) tại đoạn nhô ra khỏi bờ 175m phía thượng lưu;
- Đến nay, dự án đã thực hiện xong các công việc lập quy hoạch dự án, thẩm định dự án, khảo sát địa chất, lập quy hoạch, thẩm duyệt thiết kế, thi công xây dựng công trình hoàn thành đợt 1. Dự án vẫn đang trong quá trình thi công xây lắp các hạng mục tiếp theo và dự kiến hoàn thành trong quý III năm 2023.

(ii) Ngày 16 tháng 05 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị Quyết số 78/NQ-HĐQT nghiệm thu thanh lý và quyết toán chi phí khảo sát địa hình, địa chất, lập báo cáo nghiên cứu khả thi do không tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bãi hàng, bãi công nghệ thuộc Dự án mở rộng cảng Quy Nhơn năm 2030 với tổng giá trị là 817.370.126 VND vào chi phí trong kỳ (Thuyết minh 30).

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.040.129.670</b>	<b>4.040.129.670</b>	<b>14.672.055.762</b>	<b>14.672.055.762</b>
Công ty CP Logistics VIC	1.134.000.000	1.134.000.000	385.000.000	385.000.000
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	-	470.250.000	470.250.000
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	2.746.907.208	2.746.907.208	13.658.879.300	13.658.879.300
Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	1.296.000	1.296.000	-	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	157.926.462	157.926.462	157.926.462	157.926.462
<b>Bên khác</b>	<b>192.802.879.185</b>	<b>192.802.879.185</b>	<b>123.793.382.721</b>	<b>123.793.382.721</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	27.882.225.939	27.882.225.939	-	-
Công ty CP Xây dựng Công trình thủy Hà Nội	26.558.658.331	26.558.658.331	-	-
Công ty TNHH xây dựng Mỹ Đà	36.432.289.064	36.432.289.064	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Phúc Vinh	12.314.886.358	12.314.886.358	11.743.920.177	11.743.920.177
Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Quang Minh	5.780.931.058	5.780.931.058	13.532.293.911	13.532.293.911
Phải trả cho các đối tượng khác	83.833.888.435	83.833.888.435	98.517.168.633	98.517.168.633
	<b><u>196.843.008.855</u></b>	<b><u>196.843.008.855</u></b>	<b><u>138.465.438.483</u></b>	<b><u>138.465.438.483</u></b>

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH CLIO Shipping and Logistics VN - INC	-	820.891.840
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	203.427.282	181.976.366
Phải trả cho các đối tượng khác	1.559.913.847	1.587.712.395
	<b><u>1.763.341.129</u></b>	<b><u>2.590.580.601</u></b>

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	79.480.364	11.186.615.419	10.433.481.066	-	832.614.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.037.350.303	23.794.277.218	36.976.183.668	-	6.855.443.853
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.661.907.442	4.315.570.602	5.884.212.071	-	93.265.973
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.904.633.458	-	36.714.932.463	32.810.299.005	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>3.904.633.458</b>	<b>21.778.738.109</b>	<b>76.016.395.702</b>	<b>86.109.175.810</b>	<b>-</b>	<b>7.781.324.543</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	2.969.931.733	4.075.276.747
Chi phí thuê tàu lai	-	545.800.000
Chi phí kiểm toán	100.000.000	-
Chi phí phải trả khác	-	61.500.000
	<b>3.069.931.733</b>	<b>4.682.576.747</b>

**18 PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	151.843.600	67.099.798
Cổ tức lợi nhuận phải trả	78.040.098	45.324.598
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.165.250.000	2.293.800.562
- Tiền tạm thu (i)	1.133.250.000	1.133.250.000
- Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ của cán bộ, công nhân viên	-	992.839.637
- Phải trả, phải nộp khác	32.000.000	167.710.925
	<b>1.395.133.698</b>	<b>2.406.224.958</b>

(i) Đây là khoản ghi nhận tương ứng với số tiền mà Công ty đã tạm thu vào quỹ của Bà Phạm Thị Thủy Linh và theo dõi như một khoản phải trả để chờ kết quả cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ với Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, sau đó Công ty sẽ thực hiện thanh toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (xem tại Thuyết minh số 19).

**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng phải trả cho vụ tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ (i)	53.671.181.534	-
	<b>53.671.181.534</b>	<b>-</b>

(i) Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty CP Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn") và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long ("Cửu Long") đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân ("TAND") các cấp: phiên tòa sơ thẩm tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 04/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019; phiên tòa phúc thẩm tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020; phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 15 tháng 07 năm 2022 tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 05/2022/KDTM-ST; và phiên tòa phúc thẩm lần 2 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 31/2022/KDTM-PT.

Tại Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2), TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17 tháng 05 năm 2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Cửu Long tổng số tiền là 53,48 tỷ VND (trong đó, phí dịch vụ lai dắt 24,44 tỷ VND, bồi thường thiệt hại năm 2019 và 2020 là 24,65 tỷ VND, trả lãi chậm thanh toán 4,39 tỷ VND); buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 190,76 triệu VND.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2022, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 105/QĐ-CTHADS. Tuy nhiên, Cảng Quy Nhơn đã có Đơn đề nghị gửi Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm soát nhân dân tối cao ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành bản án phúc thẩm (lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng trong thời hạn 3 tháng (kể từ ngày 09/01/2023) để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2023, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình định ra quyết định số 10/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án trong thời hạn 3 tháng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm. Các thủ tục để xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm là phức tạp và phụ thuộc vào việc xem xét của Chánh án TAND tối cao và Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Chưa thể đánh giá được kết quả cuối cùng có thể làm thay đổi phán quyết của bản án phúc thẩm lần 2 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng hay không. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý nêu trên là 53,67 tỷ VND (Thuyết minh 28).

## 20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước (Đã điều chỉnh)</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>86.511.705.829</b>	<b>113.517.930.512</b>	<b>604.129.136.341</b>
Lãi trong kỳ trước (đã điều chỉnh)	-	-	335.935.846.498	335.935.846.498
Chia cổ tức	-	-	(68.696.915.000)	(68.696.915.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(682.000.000)	(682.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(19.928.239.246)	(19.928.239.246)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	23.444.987.347	(23.444.987.347)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước (Đã điều chỉnh)</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>109.956.693.176</b>	<b>336.701.635.417</b>	<b>850.757.828.593</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	44.163.555.431	44.163.555.431
Chia cổ tức	-	-	(80.819.900.000)	(80.819.900.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(735.000.000)	(735.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(36.500.000.000)	(36.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	165.436.000.000	(165.436.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>275.392.693.176</b>	<b>97.374.290.848</b>	<b>776.866.484.024</b>



Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		333.996.264.116
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	49,5%	165.436.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10,9%	36.500.000.000
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	0,2%	735.000.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	24,2%	80.819.900.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		50.505.364.116

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022 VND	Tỷ lệ %	01/01/2022 VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	303.122.620.000	75,01	303.122.620.000	75,01
Các cổ đông khác	100.976.880.000	24,99	100.976.880.000	24,99
<b>Cộng</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>100</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
- Vốn góp cuối kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	45.324.598	584.100.198
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	80.819.900.000	68.696.915.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>80.819.900.000</i>	<i>68.696.915.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong kỳ	(80.787.184.500)	(69.235.690.600)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>(80.787.184.500)</i>	<i>(69.235.690.600)</i>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	78.040.098	45.324.598

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.409.950</i>	<i>40.409.950</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.409.950</i>	<i>40.409.950</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	275.392.693.176	109.956.693.176
	<b>275.392.693.176</b>	<b>109.956.693.176</b>

## 21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để thuê các lô đất tại Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, như sau:

	<u>Số hợp đồng</u>	<u>Diện tích</u>	<u>Thời hạn thuê</u>	<u>Mục đích sử dụng</u>
1	HĐ số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	208.888,05 m <sup>2</sup>	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046	Xây dựng văn phòng làm việc và dịch vụ cảng
2	HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	29.116,5 m <sup>2</sup>	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051	Nâng cấp, phát triển Cảng Quy Nhơn
3	HĐ số 306/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	3.923,2 m <sup>2</sup>	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
4	HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	6.858,8 m <sup>2</sup>	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051	Nâng cấp, phát triển Cảng Quy Nhơn
5	HĐ số 308/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	38.824,4 m <sup>2</sup>	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056	Xây dựng, mở rộng Cảng Quy Nhơn
6	HĐ số 19/HĐTĐ ngày 24/01/2019	813,3 m <sup>2</sup>	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển
7	HĐ số 85/HĐ-TĐ ngày 20/05/2022	16.800 m <sup>2</sup>	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
8	HĐ số 159/HĐ-TĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m <sup>2</sup>	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046	Mở rộng Cảng Quy Nhơn

### b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
USD	44.525,71	1.084.820,27

### c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.934.732.184	1.760.406.685

## 22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	291.924.406.814	168.747.930.836
Doanh thu cung cấp dịch vụ	777.845.525.605	1.142.478.329.438
	<b><u>1.069.769.932.419</u></b>	<b><u>1.311.226.260.274</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	18.999.667.169	15.410.386.613

## 23 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	674.216.832	427.096.203
	<b><u>674.216.832</u></b>	<b><u>427.096.203</u></b>

**24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	285.582.314.509	165.188.869.942
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	606.187.283.149	653.123.699.906
	<b>891.769.597.658</b>	<b>818.312.569.848</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	37.705.114.367	34.277.024.533

**25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.133.240.292	13.798.609.914
Lãi bán các khoản đầu tư	1.689.588.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.200.000.000	4.260.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.296.195.050	311.134.137
	<b>27.319.023.342</b>	<b>18.369.744.051</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	4.199.643.600	4.259.662.300

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	349.721.119	557.465.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	490.680.863	230.181.485
	<b>840.401.982</b>	<b>787.647.296</b>

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.053.308.190	6.519.019.639
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.701.852	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.473.489.838	4.244.869.035
	<b>11.536.499.880</b>	<b>10.763.888.674</b>

**28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	616.768.482	2.392.111.502
Chi phí nhân công	36.199.960.180	41.626.476.256
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.306.588.330	7.350.033.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.301.438.131	2.436.679.303
Thuế, phí và lệ phí	7.307.994.933	2.001.102.159
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng (i)	53.128.505.953	(241.656.699)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.853.321.957	16.077.925.294
Chi phí khác bằng tiền	2.307.425.012	1.967.856.766
	<b>126.022.002.978</b>	<b>73.610.528.270</b>

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan - 150.000.000  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

(i) Chi phí dự phòng trong kỳ bao gồm: khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi có giá trị là 542.675.581 VND; và khoản hạch toán dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý theo bản án phúc thẩm của TAND cấp cao là 53.671.181.534 VND (chi tiết xem Thuyết minh 19).

**29 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.951.154.592	424.690.909
Tiền thưởng do hoàn thành dịch vụ trước hạn	-	1.712.246.689
Thu nhập khác	323.647.590	996.566.178
	<b>2.274.802.182</b>	<b>3.133.503.776</b>

**30 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí tháo dỡ, cải tạo tường rào, nhà vệ sinh, nhà để xe	-	1.121.835.025
Chi phí của dự án đầu tư không tiếp tục thực hiện	817.370.126	-
Chi ủng hộ quỹ Vaccine phòng Covid-19	-	6.000.000.000
Chi ủng hộ, tài trợ máy đo nồng độ O2 và máy đo huyết áp phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19	-	561.904.762
Chi phí phạt hợp đồng thuê cầu do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	-	1.545.600.000
Các khoản khác	105.835.838	134.000.475
	<b>923.205.964</b>	<b>9.363.340.262</b>

**31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	22.751.113.418	83.780.349.050
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	1.043.163.800	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>23.794.277.218</b>	<b>83.780.349.050</b>

### 32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.163.555.431	335.935.846.498
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.163.555.431	335.935.846.498
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	40.409.950	40.409.950
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.093</b>	<b>8.313</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.827.107.207	64.626.559.082
Chi phí nhân công	153.114.516.052	195.558.591.973
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.416.003.157	20.119.634.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.873.300.117	43.724.812.297
Thuế, phí và lệ phí	36.520.960.390	12.413.454.348
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	53.128.505.953	(241.656.699)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.445.048.607	407.379.010.860
Chi phí khác bằng tiền	5.199.041.374	9.690.082.016
	<b>745.524.482.857</b>	<b>753.270.488.610</b>

### 34 THÔNG TIN KHÁC

Ngày 17 tháng 09 năm 2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTTP về cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, theo đó Thanh tra Chính phủ đã đưa ra kết luận về một số khuyết điểm và vi phạm trong việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn, đồng thời nêu rõ các yêu cầu, kiến nghị xử lý về trách nhiệm, xử lý về kinh tế và xử lý về cơ chế chính sách. Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận Thanh tra nêu trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thực hiện các kiến nghị còn lại của Thanh tra Chính phủ sẽ không còn vấn đề nào có thể sẽ ảnh hưởng đến các thông tin đang phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### 35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

**36 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển Container VIMC	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Logistics VIMC	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Cảng Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Vinalines Nha Trang	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Đơn vị liên kết của công ty mẹ
Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ hàng hải	Công ty liên kết của Công ty
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>18.999.667.169</b>	<b>15.410.386.613</b>
Công ty Vận tải Biển VIMC	10.471.188.947	9.074.014.289
Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	8.424.048.956	6.202.827.482
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	16.133.334
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	104.429.266	117.411.508
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>37.705.114.367</b>	<b>34.277.024.533</b>
Công ty CP Logistics VIMC	4.132.258.065	4.048.333.333
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	427.500.000
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	675.996.000	-
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	30.521.191.200	29.801.191.200
Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	97.002.000	-
Ban QLDA Chuyên ngành Hàng hải	2.051.725.852	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	226.941.250	-
<b>Chi phí đào tạo</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000</b>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	150.000.000
<b>Chi phí tư vấn công trình</b>	<b>-</b>	<b>3.050.395.077</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	-	3.050.395.077
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>4.199.643.600</b>	<b>4.259.662.300</b>
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	3.239.643.600	3.059.662.300
Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Hàng hải	960.000.000	1.200.000.000

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/07/2022)	106.333.000	40.400.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	109.667.000	96.000.000
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	492.426.526	909.462.238
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/07/2022)	317.767.279	-
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)	46.933.000	636.105.140
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/06/2021)	-	31.600.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022), miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc (ngày 01/09/2022)	638.893.166	720.217.527
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	96.000.000	64.800.000
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/10/2022)	489.565.841	720.217.527
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2022)	74.856.480	-
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2022)	74.856.480	-
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	585.912.109	686.719.031
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000	72.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)	35.200.000	60.000.000
Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022)	36.800.000	-
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/09/2022)	436.276.153	720.217.527

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

### 37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và đã được Công ty điều chỉnh áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Do đó, số liệu này không so sánh được với số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2022. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể các điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>a) Bảng cân đối kế toán</b>					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225.501.406.095	226.375.690.095	874.284.000	(i)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	8.630.549.799	8.668.209.416	37.659.617	(i)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.051.503.655)	(5.607.937.190)	1.443.566.465	(i)
- Hàng tồn kho	141	20.764.987.267	21.115.205.246	350.217.979	(i)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.920.570.885	37.083.446.349	2.162.875.464	(i)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.608.000.000	10.313.371.301	2.705.371.301	(ii)
- Tổng cộng tài sản	270	1.053.912.868.343	1.061.486.843.169	7.573.974.826	(iii)
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	139.690.438.483	138.465.438.483	(1.225.000.000)	(i)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.496.433.113	21.778.738.109	1.282.304.996	(i)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	329.184.965.586	336.701.635.417	7.516.669.831	(i), (ii)
- Tổng cộng nguồn vốn	440	1.053.912.868.343	1.061.486.843.169	7.573.974.826	(iii)
<b>b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
- Giá vốn hàng bán	11	822.050.663.291	818.312.569.848	(3.738.093.443)	(i)
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.332.084.433	18.369.744.051	37.659.618	(i)
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	251.758.000	251.758.000	(ii)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.054.094.735	73.610.528.270	(1.443.566.465)	(i)
- Thu nhập khác	31	2.338.700.140	3.133.503.776	794.803.636	(i)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	413.450.314.386	419.716.195.548	6.265.881.162	(iii)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	82.577.524.418	83.780.349.050	1.202.824.632	(i)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	330.872.789.968	335.935.846.498	5.063.056.530	(iii)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	8.188	8.313	125	(iii)
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>					
- Lợi nhuận trước thuế	01	413.450.314.386	419.716.195.548	6.265.881.162	(i), (ii)
- Các khoản dự phòng	03	1.201.909.766	(241.656.699)	(1.443.566.465)	(i)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.445.641.205)	(18.735.058.823)	(289.417.618)	(i), (ii)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(108.032.248.885)	(108.906.532.885)	(874.284.000)	(i)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.678.742.087)	(2.028.960.066)	(350.217.979)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	77.736.294.886	76.590.775.250	(1.145.519.636)	(i)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.524.618.563)	(31.687.494.027)	(2.162.875.464)	(i)



Lý do điều chỉnh hồi tố:

- (i) Điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.
- (ii) Điều chỉnh do áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu lần đầu đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- (iii) Do ảnh hưởng của các điều chỉnh (i) và (ii).



**Nguyễn Thị Phương Linh**  
Người lập biểu



**Nguyễn Kim Toàn**  
Kế toán trưởng



**Lê Hồng Quân**  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 27 tháng 02 năm 2023



Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc Thông qua phương án**  
**Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 09/06/2021.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

**1. Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Trích Yếu</b>	<b>Tỷ lệ trích</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước 2021		50.505.364.116	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay 2022		39.642.940.758	
Lợi nhuận được phân phối		90.148.304.874	
a) Quỹ đầu tư phát triển	30,0%	11.893.000.000	
b) Quỹ khen thưởng	8,0%	3.171.000.000	
c) Quỹ phúc lợi	22,0%	8.721.000.000	
d) Quỹ khen thưởng Người quản lý, người điều hành doanh nghiệp		273.000.000	

e) Tiền lợi nhuận chia cổ tức		48.491.940.000	
+Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến/VĐL		12,0%	
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm 2022		17.598.364.874	

## 2. Chia Cổ Tức 2022

a) Chia cổ tức năm 2022: tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền là 12% tức là 1.200 đồng/cổ phiếu.

b) Thời hạn chi trả: Ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật.

## 3. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023

a) Kế hoạch chia cổ tức năm 2023: tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức là 12%.

b) Ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện tạm ứng, chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, TCKT, NPTQTCTy.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**V/v Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022, Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/6/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2023;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua Quỹ thù lao, tiền lương thực hiện năm 2022 và Quỹ thù lao, tiền lương kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:

**1. Quỹ thù lao, tiền lương thực hiện năm 2022 của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty:**

Quỹ thù lao, tiền lương thực hiện năm 2022 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm và thời gian làm việc thực tế của từng thành viên trong năm 2022, cụ thể:

- Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát: **712.000.000 đồng**, trong đó: Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị là 472.000.000 đồng; quỹ thù lao của Ban kiểm soát là: 240.000.000 đồng.

- Tổng quỹ tiền lương của Thành viên HĐQT chuyên trách: **224.173.000 đồng**

- Mức chi cụ thể như sau:

DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương chuyên trách	Tổng số tiền thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>224.173.000</b>	<b>472.000.000</b>
1	Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT		106.333.000
2	Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT		109.667.000
3	Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT		96.000.000
4	Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT		46.933.000
5	Lê Hồng Quân	TV HĐQT, Tổng Giám đốc (5T)		49.067.000
6	Nguyễn Thành Nam	TV HĐQT chuyên trách	224.173.000	17.067.000
7	Phan Tuấn Linh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc (7T)		46.933.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>0</b>	<b>240.000.000</b>
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát		96.000.000
2	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát		35.200.000
3	Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát		72.000.000
4	Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát		36.800.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>224.173.000</b>	<b>712.000.000</b>

## 2. Quỹ thù lao, tiền lương kế hoạch năm 2023:

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, yêu cầu công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2023, cụ thể như sau:

### 2.1. Quỹ thù lao kế hoạch:

*ĐVT: Đồng*

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4) x 12
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch	1	18.000.000	216.000.000
2	Thành viên HĐQT	3	12.000.000	432.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	12.000.000	144.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	10.000.000	240.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>		<b>1.032.000.000</b>

*(Bảng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu đồng)*

### 2.2. Quỹ tiền lương kế hoạch:

- Số lượng TV HĐQT chuyên trách bình quân: 01 người
- Mức tiền lương bình quân: 64.000.000 đồng/tháng
- Quỹ tiền lương kế hoạch: **768.000.000 đồng**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**



Số: /TTr-CQN.BKS

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 9/6/2021;*

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

#### 1. Tiêu chí lựa chọn:

Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2023 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng, tiến độ và phạm vi kiểm toán.

#### 2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán và danh sách các công ty kiểm toán theo đề xuất nêu trên, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn phù hợp quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD;
- NPTQT Cty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Dương Thị Hồng Hạnh**



Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

**“Xin ý kiến về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại Công ty CP Dịch Vụ Công Nghiệp Hàng Hải (INSECO)”**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn báo cáo và xin ý kiến Đại hội cổ đông về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư tại Công ty CP Dịch Vụ Công Nghiệp Hàng Hải (INSECO), cụ thể như sau:

### **I. Khái quát thực trạng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại INSECO:**

Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải (INSECO) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 07 tháng 02 năm 2006. Vốn điều lệ của INSECO là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở đăng ký của INSECO: Lô A3, Đường số 2, cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hoạt động kinh doanh chính của INSECO là: sản xuất, mua bán khí công nghiệp; sản xuất đất đèn; sản xuất oxy y tế dạng khí và lỏng; chiết nạp vào chai khí dầu mỏ hóa lỏng và các khí hóa lỏng khác; lắp đặt thiết bị và hệ thống đường ống áp lực; kinh doanh kho bãi và cho thuê văn phòng; xếp dỡ hàng hóa, thiết bị; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải...

Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại INSECO là 20%.

### **II. Lý do thoái vốn và phương án thực hiện:**

#### **1. Lý do thoái vốn**

Tại Điều 21, Khoản, Điểm a, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định: “*Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.*”

Bên cạnh đó, chủ trương của Tổng công ty hàng hải Việt Nam – CTCP là thoái vốn dần tại các lĩnh vực không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của đơn vị. Giai đoạn 2023-2028, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đang xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất các nhu cầu của khách hàng và nhất là tăng năng suất xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh góp phần tiết kiệm chi phí cho chủ hàng, chủ tàu,

do đó nhu cầu cần vốn đầu tư là rất lớn ngoài việc sử dụng vốn vay. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đề xuất thoái 100% vốn đầu tư tại INSECO.

## **2. Phương án thực hiện**

Thoái vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại INSECO thực hiện theo phương án sau:

- Công ty cổ Phần Dịch vụ Công Nghiệp Hàng Hải hiện nay chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom.

- Giá trị theo sổ sách kế toán của doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất với thời điểm bán cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê công ty tư vấn định giá độc lập được Bộ Tài chính hàng năm công bố đủ điều kiện hành nghề định giá cổ phần để thẩm định giá xác định giá khởi điểm chào báo.

- Thực hiện thuê đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần bán đấu giá ra ngoài cho tổ chức, cá nhân theo phương thức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp.

## **III. Kiến nghị đề xuất**

Trên cơ sở các nội dung báo cáo như trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Thông qua chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại INSECO
2. Thời gian thực hiện: năm 2023
3. Ủy Quyền Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện việc thoái vốn theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD; Ban KS Cty;
- Lưu VT, TCKT, ĐT, N. PTQT Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn số 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Cảng Quy Nhơn”) kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM, cụ thể như sau:

#### **I. Báo cáo tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và hiện trạng hồ sơ:**

1. Ngày 07/8/2020 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 196/NQ-HĐQT về việc niêm yết cổ phiếu QNP trên sàn chứng khoán HOSE; thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông để nộp hồ sơ đăng ký niêm yết là ngày 18/8/2020; lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết cổ phiếu là Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC).

2. Ngày 11/8/2020 Hội đồng quản trị Cảng Quy Nhơn gửi công văn thông báo tới Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng dừng thực hiện việc chuyển quyền sở hữu và chốt danh sách cổ đông để phục vụ nộp hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn vào ngày 20/8/2020.

3. Ngày 12/8/2020 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi công văn số 7341/VSD-ĐK.NV về việc chốt danh sách cổ đông và ngừng nhận hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán - mã chứng khoán QNP cho Cảng Quy Nhơn.

4. Ngày 27/8/2020 Cảng Quy Nhơn ký hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), thời gian thực hiện tư vấn dự kiến 13 tuần.

5. Ngày 07/10/2020 Cảng Quy Nhơn đã nộp bộ hồ sơ niêm yết lần đầu đến HOSE. Sau khi xem xét hồ sơ, ngày 09/10/2020 HOSE có công văn số 1580/SGDHCM-NY về

việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết. Cảng Quy Nhơn đã giải trình và cung cấp đầy đủ hồ sơ tại văn bản số 1856/QNP-TCKT ngày 23/10/2020.

6. Cảng Quy Nhơn gửi văn bản số 2028/QNP-TCKT ngày 17/11/2020 giải trình bổ sung về việc báo cáo về tranh chấp pháp lý với Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long theo yêu cầu của HOSE.

7. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, ngày 23/11/2020 HOSE ban hành Thông báo số 1925/TB-SGDHCM về việc nhận hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu của Cảng Quy Nhơn, thời gian nhận hồ sơ ngày 19/11/2020.

8. HOSE có công văn số 1971/SGDHCM-NY ngày 02/12/2020 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết. Thực hiện yêu cầu của HOSE, Cảng Quy Nhơn đã có công văn 177/CV-QNP ngày 30/01/2021 giải trình và bổ sung hồ sơ niêm yết của Cảng Quy Nhơn tại HOSE.

9. Ngày 11/01/2021 HOSE có công văn số 20/SGDHCM-NY về việc bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết yêu cầu Cảng Quy Nhơn bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định mới của Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Cảng Quy Nhơn đã có văn bản số 250/CV-QNP ngày 24/02/2021 phúc đáp nội dung trên.

10. Ngày 01/01/2021 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán có hiệu lực. Theo đó, Cảng Quy Nhơn đã đáp ứng các điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định mới tại Điều 109 và Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Đến nay do chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về điều kiện niêm yết cổ phiếu, vì vậy hồ sơ của các công ty nộp lên HOSE đang trong trạng thái chờ. HOSE chưa có văn bản chính thức gửi Cảng Quy Nhơn về tình trạng hồ sơ niêm yết.

11. Ngày 17/08/2021 Cảng Quy Nhơn đã có công văn số 1341/QNP-TCKT về việc rà soát việc xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết gửi HOSE “Đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM thông tin chi tiết tình trạng hồ sơ của Cảng Quy Nhơn đã xử lý như thế nào và các tồn tại, vướng mắc ... để công ty có căn cứ giải trình và trả lời cho cổ đông cũng như các cơ quan hữu quan có liên quan về việc chậm trễ trong công tác niêm yết cổ phiếu của Cảng Quy Nhơn.”

12. Ngày 31/08/2021 HOSE có công văn số 1083/SGDHCM-NY về việc bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết.

13. Ngày 12/10/2021 Cảng Quy Nhơn đã nộp bổ sung bộ hồ sơ niêm yết lần đầu đến HOSE cùng công văn số 1719/CV-QNP ngày 12/10/2021 theo yêu cầu tại công văn số 1083/SGDHCM-NY ngày 31/08/2021 của HOSE. Theo đó, Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp lại Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu; Bản cáo bạch; Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan.

14. Ngày 23/11/2021 Cảng Quy Nhơn gửi công văn số 2001/CV-QNP đến Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC xin ý kiến về Thuyết minh 35 của BCTC 6 tháng năm 2020.

15. Ngày 10/12/2021 HOSE gửi văn bản số 1658/SGDHCM-NY về việc bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết. Theo đó, HOSE yêu cầu Cảng bổ sung: Báo cáo tài chính quý 3/2021; Điều lệ Công ty; QĐ phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa; Công văn của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định tại Điều 141 Nghị định 155; sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 1 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và tóm tắt sổ cổ đông; Công văn số 2001/CV-QNP đến Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC xin ý kiến về Thuyết minh 35 của BCTC 6 tháng năm 2020.

16. Đến ngày 19/01/2022 Cảng Quy Nhơn đã hoàn thành và nộp các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

17. Đến ngày 29/03/2022 Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

18. Đến ngày 31/03/2022 HOSE có công văn số 347/SGDHCM-NY về việc bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

19. Ngày 18/04/2022 Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp mới toàn bộ các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

20. Ngày 26/04/2022 HOSE có công văn số 635/SGDHCM-NY về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

21. Tại công văn số 659/QNP-TCKT ngày 24/05/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp các nội dung công văn số 635/SGDHCM-NY của HOSE.

22. Ngày 09/06/2022 HOSE có công văn số 997/SGDHCM-NY bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

23. Ngày 22/06/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp các nội dung công văn số 997/SGDHCM-NY của HOSE.

24. Ngày 23/06/2022 Cảng Quy Nhơn đã có báo cáo về những tranh chấp pháp luật tại văn bản số 886/QNP-TCKT ngày 23/6/2022 theo yêu cầu của HOSE.

25. Ngày 08/07/2022 HOSE có công văn số 1193/SGDHCM-NY bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

26. Ngày 21/07/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp các nội dung công văn số 1193/SGDHCM-NY của HOSE.

27. Ngày 10/08/2022 HOSE có công văn số 1380/SGDHCM-NY bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

28. Ngày 17/8/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp bằng văn bản 1182/QNP-TCKT ngày 17/8/2022.

29. Ngày 07/9/2022 HOSE có công văn số 1531/SGDHCM-NY yêu cầu bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

30. Ngày 09/9/2022 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản 1289/QNP-TCKT đề nghị AASC giải trình theo yêu cầu của HOSE và có văn bản 1294/QNP-TCKT ngày 12/9/2022 phúc đáp văn bản 1531 của HOSE.

31. Ngày 11/11/2022 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản 1587/TB-QNP gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đề nghị chốt danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 17/11/2022.

32. Ngày 12/10/2022 HOSE có công văn số 1936/SGDHCM-NY về việc bổ sung và hoàn thiện hồ sơ ĐKNY.

33. Ngày 24/11/2022 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản số 1652/QNP-TCKT bổ sung và hoàn thiện hồ sơ niêm yết QNP, thống nhất về nội dung các công văn giải trình của QNP gửi HOSE do Người đại diện pháp luật trước đây ký trong suốt quá trình nộp hồ sơ đăng ký niêm yết.

34. Ngày 25/11/2022 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản số 1658/QNP-TCKT phúc đáp và bổ sung hồ sơ theo yêu cầu tại công văn số 1936/SGDHCM-NY ngày 12/10/2022 của HOSE.

35. Ngày 23/12/2022 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản số 1782/QNP-TCKT về ý kiến của Người đại diện theo pháp luật hiện tại về hồ sơ đăng ký niêm yết của QNP, phúc đáp chi tiết về nội dung các công văn giải trình của QNP gửi HOSE do Người đại diện pháp luật trước đây ký trong suốt quá trình nộp hồ sơ đăng ký niêm yết.

36. Ngày 26/12/2022 HOSE có công văn số 2433/SGDHCM-NY về việc hồ sơ niêm yết Cảng Quy Nhơn.

37. Ngày 06/3/2023 Cảng Quy Nhơn đã có văn bản 224/QNP-TCKT đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cập nhật thông tin chi tiết về tình trạng hồ sơ niêm yết của QNP bằng văn bản.

38. Ngày 10/03/2023 HOSE có công văn số 269/SGDHCM-NY về việc hồ sơ niêm yết Cảng Quy Nhơn phản hồi văn bản số 224/QNP-TCKT ngày 06/3/2023 nêu trên của Cảng Quy Nhơn. Theo đó, HOSE hiện đang đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) cho ý kiến về việc thực hiện niêm yết cổ phiếu QNP và “*sẽ tiếp tục xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu QNP sau khi có công văn hướng dẫn của UBCKNN, VNX*”.

Cảng Quy Nhơn đang chờ kết quả thẩm định hồ sơ niêm yết của HOSE.

## **II. Kiến nghị đề xuất:**

Qua quá trình thực hiện niêm yết chứng khoán Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã thực hiện kéo dài từ ngày 07/8/2020 cho đến nay đã rất nhiều lần bổ sung, hoàn thiện, hoàn chỉnh và cập nhật số liệu nhưng HOSE vẫn chưa thống nhất và phê duyệt niêm yết. Hội đồng Quản trị công ty kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét việc chuyển niêm yết cổ phiếu Cảng Quy Nhơn sang sàn UPCOM trong trường hợp sau:

Trường hợp sau thời hạn ngày 30/9/2023 mà HOSE chưa cho phê duyệt niêm yết cổ phiếu Cảng Quy Nhơn trên sàn HOSE thì Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty:

- Thực hiện các thủ tục dừng niêm yết cổ phiếu QNP trên sàn HOSE.
- Thực hiện các thủ tục niêm yết cổ phiếu QNP trên sàn UPCOM.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (đã được thay thế bởi Hệ thống ngành mới ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi và bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật nội dung tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

#### **1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo định hướng phát triển và mở rộng Cảng Quy Nhơn trong thời gian tới, việc khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng, tận dụng các cơ sở hạ tầng còn trống, chưa sử dụng để kinh doanh là thực sự cần thiết. Theo đó, việc cho các đối tác, khách hàng thuê văn phòng làm việc giúp thuận tiện cho việc kết nối, sử dụng dịch vụ tại Cảng Quy Nhơn và tăng thêm nguồn doanh thu cho Công ty. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh</b>
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Để có cơ sở cho việc thực hiện, ĐHCĐ thống nhất giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thay đổi ngành nghề kinh doanh bao gồm nhưng không giới hạn: thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.

**2.** Thông qua việc cập nhật bổ sung ngành nghề kinh doanh (Mã ngành: 6810) như đề xuất tại Mục 1 vào Điều lệ Công ty.



Trên đây là Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, NPTQT Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**



Số: /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;  
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nhu cầu hoạt động và quản trị Công ty (Chi tiết tại Phụ lục I, phụ lục II, Phụ lục III và Dự thảo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cập nhật các sửa đổi, bổ sung đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**

**PHỤ LỤC 1 - CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

(Kèm theo Tờ trình Số: /TTr-HĐQT ngày tháng 5 năm 2023)

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung Điều lệ hiện hành</b>	<b>Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi</b>	<b>Căn cứ/Lý do sửa đổi</b>
<b>Điều 3</b>	<b>Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>		
Khoản 1	1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.	1. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau: a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. b) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nhu cầu hoạt động và quản trị của Công ty

		<p>nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng lẻ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với</p>	
--	--	--	--

		<p>Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>e) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>f) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.</p>	
Khoản 4	4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực	4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và</i>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

	<i>hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i>	<i>nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.</i>	
Khoản 5	5. Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Bãi bỏ	Bãi bỏ để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3.

Điều 5	Mục tiêu hoạt động của Công ty				
Bổ sung, sửa đổi khoản 1	<b>Mã ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Tên ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Tên ngành, nghề kinh doanh</b>	Cập nhật mã ngành trên cơ sở kết quả của cơ quan đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định khi Công ty thực hiện đăng ký bổ sung ngành nghề “ <i>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương – Mã ngành 5012</i> ” căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Mã ngành <b>4290</b> và <b>4100</b> được cập nhật điều chỉnh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ (trước khi thông báo thay đổi nội
	5222 (Chính)	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</b> <b>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển</b>	5222 (Chính)	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</b> <b>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển</b>	
	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <b>Chi tiết: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển</b>	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <b>Chi tiết: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển</b>	
	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <b>Chi tiết: Dịch vụ ăn uống</b>	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <b>Chi tiết: Dịch vụ ăn uống</b>	
	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <b>Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan</b>	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <b>Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan</b>	
	5224	Bốc xếp hàng hóa	5224	Bốc xếp hàng hóa	



	<b>5229</b>	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức		<b>5229</b>	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức	dung đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động theo nội dung ngành, nghề đã đăng ký theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ).  Bổ sung mã ngành <b>6810</b> (chi tiết tại Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 CTCP Cảng Quy Nhơn)
	<b>4669</b>	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu		<b>4669</b>	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu	
	<b>4730</b>	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu		<b>4730</b>	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu	
	<b>2592</b>	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí		<b>2592</b>	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí	
	<b>2599</b>	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu		<b>2599</b>	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí	
				<b>3312</b>	Sửa chữa máy móc, thiết bị	

		Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí			
	<b>3312</b>	Sửa chữa máy móc, thiết bị	<b>4520</b>	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ	
	<b>4520</b>	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ	<b>3315</b>	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy	
	<b>3315</b>	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy	<b>4312</b>	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	
	<b>4312</b>	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	<b>4299</b>	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</i> <i>Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng</i>	
	<b>4290</b>	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</i> <i>Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng</i>	<b>5012</b>	<i>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</i>	
	<b>4100</b>	<i>Xây dựng nhà các loại</i> <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp</i>	<b>6810</b>	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</i> <i>- Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê,</i>	

	<p><b>1629</b></p> <p>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện</p> <p>Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ</p>	<p><i>điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.</i></p>	
		<p><b>4101</b></p> <p><i>Xây dựng nhà để ở</i></p> <p><i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng</i></p>	
		<p><b>4102</b></p> <p><i>Xây dựng nhà không để ở</i></p> <p><i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp</i></p>	
		<p><b>1629</b></p> <p>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện</p> <p>Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ</p>	
<b>Điều 29</b>	<b>Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b>		
Khoản 1	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này:</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc</i> họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này:</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.</p>

Khoản 2	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc</i> họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này.	
<b>Điều 37</b>	<b>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>		
Điểm f khoản 2	f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật.	f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật, <i>bao gồm các dự án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;</i>	Bổ sung nội dung về thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư nằm ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm nhằm chủ động, linh hoạt hơn trong công tác đầu tư, phát triển Cảng Quy Nhơn, tăng hiệu quả đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Cảng.
Bổ sung khoản 2		x) Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty	Bổ sung để phù hợp với nhu cầu quản lý và hoạt

		đầu tư 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện để công ty con mở rộng kinh doanh trên cơ sở phù hợp với các kế hoạch phát triển của Công ty.
<b>Điều 39</b>	<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		
Bổ sung khoản 3		j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Điều lệ Công ty.	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 sửa đổi
Sửa đổi thứ tự điểm j khoản 3	j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
<b>Điều 41</b>	<b>Biên bản họp Hội đồng quản trị</b>		

Khoản 2	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và <i>đồng ý thông qua biên bản</i> họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i>	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.
<b>Điều 47</b>	<b>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b>		
Điểm k khoản 4	k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;	k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty <i>trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;</i>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 sửa đổi.

## PHỤ LỤC II - CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình Số: / TTr-HĐQT ngày tháng 5 năm 2023)

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
<b>Điều 16</b>	<b>Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b>		
Khoản 1	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc</i> họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Khoản 2	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều này 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc</i> họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	

Điều 21	Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
	<p><i>(Căn cứ quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty)</i></p> <p>Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công</p>	<p><i>(Căn cứ quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty)</i></p> <p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ Công ty</p>



	<p>ty;</p> <p>j. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>		
<b>Điều 46</b>	<b>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>		
Sửa đổi Điều 46	<p><b>Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)</p> <p>HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;</p> <p>b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền</p>	<p><b>Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)</p> <p>1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <i>cụ thể Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>a. <i>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;</i></p> <p>b. <i>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quyền và nghĩa vụ của HĐQT tại Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty</p>

	<p>lợi liên quan đến công ty;</p> <p>c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</p> <p>d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;</p> <p>e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</p> <p>f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị</p>	<p><i>phân được quyền chào bán của từng loại;</i></p> <p><i>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i></p> <p><i>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</i></p> <p><i>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;</i></p> <p><i>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật, bao gồm các dự án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;</i></p>	
--	---	---	--

	<p>công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;</p> <p>i. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông của quy định theo pháp luật hiện hành.</p> <p>j. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định</p>	<p>g. <i>Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p>h. <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i></p> <p>i. <i>Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;</i></p> <p>j. <i>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty;</i></p> <p>k. <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;</i></p>	
--	--	---	--

	<p>Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p><i>l. Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>m. Phân cấp hoặc uỷ quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; vay, cho vay; quy chế nội bộ của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</i></p> <p><i>o. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc;</i></p>	
--	---	---	--

		<p><i>p. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận để Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;</i></p> <p><i>q. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;</i></p> <p><i>r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</i></p> <p><i>s. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>t. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết</i></p>	
--	--	--	--

		<p><i>định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i></p> <p><i>u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</i></p> <p><i>v. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</i></p> <p><i>w. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;</i></p> <p><i>x. Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ theo</i></p>	
--	--	--	--

		<p><i>quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p><i>y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>2. Ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;</p> <p>b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;</p> <p>c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</p> <p>d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày</p>	
--	--	---	--

		<p>31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;</p> <p>e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</p> <p>f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị</p>	
--	--	---	--



		<p>công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;</p> <p>i. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông của quy định theo pháp luật hiện hành.</p> <p>j. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	
<b>Điều 55</b>	<b>Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		
Bổ sung khoản 3		f. Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty.	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Sửa đổi thứ tự điểm f khoản 3	f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	

Điều 65	Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị		
	<p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Dự thảo sửa đổi Điều lệ và sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung của điểm tham chiếu.</p>

### PHỤ LỤC III - CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Kèm theo Tờ trình Số: ... / TTr-HĐQT ngày ... tháng 5 năm 2023)

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
<b>Điều 7</b>	<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		
Bổ sung khoản 3		e) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Điều lệ.	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Dự thảo sửa đổi Điều lệ
Sửa đổi số thứ tự điểm e khoản 3	e) Quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	g) Quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	
<b>Điều 11</b>	<b>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>		
Sửa đổi nội dung tại điểm e khoản 2	e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định pháp luật, <i>bao gồm các dự án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông</i>	Bổ sung nội dung về thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư nằm ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm nhằm chủ động, linh hoạt hơn trong công tác đầu tư, phát triển Cảng Quy Nhơn, tăng hiệu quả đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của

		<i>qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;</i>	Cảng.
Bổ sung điểm t		t) Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Bổ sung để phù hợp với nhu cầu quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện để công ty con mở rộng kinh doanh trên cơ sở phù hợp với các kế hoạch phát triển của Công ty.
Sửa đổi số thứ tự điểm t khoản 2	t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	
<b>Điều 16</b>	<b>Biên bản họp Hội đồng quản trị</b>		
Khoản 2	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và <i>đồng ý thông qua biên bản</i>	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Dự thảo sửa đổi

	<p>đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>Điều lệ.</p>
--	---	---	-----------------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

# ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

*(Sửa đổi, ban hành lại lần 7 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2023)*



*Bình Định, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>6</b>
<b>MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>6</b>
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</i>	<i>6</i>
<b>MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	<b>8</b>
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</i>	<i>8</i>
<i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>	<i>8</i>
<i>Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>	<i>10</i>
<b>MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>10</b>
<i>Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty</i>	<i>10</i>
<i>Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</i>	<i>12</i>
<b>CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU</b>	<b>13</b>
<i>Điều 7. Vốn điều lệ</i>	<i>13</i>
<i>Điều 8. Cổ phần</i>	<i>13</i>
<i>Điều 9. Chào bán cổ phần</i>	<i>14</i>
<i>Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</i>	<i>14</i>
<i>Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</i>	<i>15</i>
<i>Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần</i>	<i>15</i>
<i>Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần</i>	<i>16</i>
<i>Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác</i>	<i>16</i>
<i>Điều 15. Trả cổ tức</i>	<i>17</i>
<i>Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông</i>	<i>17</i>
<b>CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>18</b>
<i>Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</i>	<i>18</i>
<i>Điều 18. Quyền của cổ đông</i>	<i>18</i>
<i>Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông</i>	<i>20</i>
<i>Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</i>	<i>21</i>
<i>Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</i>	<i>22</i>
<i>Điều 22. Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>23</i>

<i>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</i>	24
<i>Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>	26
<i>Điều 25. Thay đổi các quyền</i>	27
<i>Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</i>	27
<i>Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</i>	29
<i>Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i>	29
<i>Điều 29. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</i>	32
<i>Điều 30. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	33
<i>Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</i>	35
<i>Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	36
<b>MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>36</b>
<i>Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</i>	36
<i>Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</i>	37
<i>Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</i>	38
<i>Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</i>	39
<i>Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</i>	39
<i>Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</i>	42
<i>Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	43
<i>Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</i>	44
<i>Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị</i>	46
<i>Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</i>	47
<i>Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i>	47
<i>Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty</i>	47
<b>MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>48</b>
<i>Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý</i>	48
<i>Điều 46. Người điều hành Công ty</i>	48
<i>Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</i>	49
<i>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc</i>	50
<b>MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>51</b>
<i>Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</i>	51
<i>Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát</i>	52
<i>Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát</i>	53
<i>Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</i>	53



<i>Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát</i>	55
<i>Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên ban kiểm soát</i>	56
<b>MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>56</b>
<i>Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty</i>	56
<i>Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</i>	57
<i>Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</i>	58
<i>Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan</i>	60
<i>Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	61
<b>MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>62</b>
<i>Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</i>	62
<b>MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY</b>	<b>62</b>
<i>Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty</i>	62
<i>Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác</i>	63
<i>Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên</i>	63
<i>Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên</i>	63
<b>CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY</b>	<b>64</b>
<b>MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>64</b>
<i>Điều 65. Phân phối lợi nhuận</i>	64
<b>MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>65</b>
<i>Điều 66. Tài khoản ngân hàng</i>	65
<i>Điều 67. Năm tài chính</i>	65
<i>Điều 68. Chế độ kế toán</i>	65
<b>MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>65</b>
<i>Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</i>	65
<i>Điều 70. Báo cáo thường niên</i>	66
<i>Điều 71. Công khai thông tin</i>	66
<b>MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>66</b>

<i>Điều 72. Kiểm toán</i>	66
<b>MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY</b>	<b>67</b>
<i>Điều 73. Dấu của Công ty</i>	67
<b>MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY</b>	<b>67</b>
<i>Điều 74. Giải thể công ty</i>	67
<i>Điều 75. Thanh lý</i>	67
<b>MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>68</b>
<i>Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	68
<b>MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>68</b>
<i>Điều 77. Điều lệ Công ty</i>	68
<b>MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>69</b>
<i>Điều 78. Ngày hiệu lực</i>	69

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ngày 23 tháng 5 năm 2023.

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

## CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

l) *Cổ phần đã bán* là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho Công ty;

m) *Cổ phần được quyền chào bán* là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

n) *Cổ phần chưa bán* là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

q) *Đại hội đồng cổ đông* là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

r) *Hội đồng quản trị* là Hội đồng quản trị của Công ty;

s) *Ban kiểm soát* là Ban kiểm soát của Công ty;

t) *Tổng Giám đốc* là Tổng Giám đốc của Công ty;

u) *Kế toán trưởng* là Kế toán trưởng Công ty;

v) *Pháp luật* là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### 1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUY NHON PORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: CẢNG QUY NHƠN/ QUY NHON PORT

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

#### 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: (0256) 3892363

- Fax: (0256) 3891783

- E-mail: [info@quynhonport.vn](mailto:info@quynhonport.vn)

- Website: [www.quynhonport.vn](http://www.quynhonport.vn)

- Logo Công ty:



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:

a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chòng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng lẻ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

e) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.

f) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với

tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng Giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

### **MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

<b>Mã ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Tên ngành, nghề kinh doanh</b>
<b>5222 (Chính)</b>	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</b> <b>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển</b>
<b>4711</b>	<b>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</b>

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển
<b>5610</b>	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống
<b>5210</b>	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
<b>5224</b>	Bóc xếp hàng hóa
<b>5229</b>	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức
<b>4669</b>	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu
<b>4730</b>	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu
<b>2592</b>	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí
<b>2599</b>	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí
<b>3312</b>	Sửa chữa máy móc, thiết bị
<b>4520</b>	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ
<b>3315</b>	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy
<b>4312</b>	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng
<b>4299</b>	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng
<b>5012</b>	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
<b>6810</b>	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	- Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.
<b>6810</b>	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.
<b>4101</b>	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
<b>4102</b>	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
<b>1629</b>	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ khai thác cảng biển; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

b) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

## Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp

Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.

## **CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

### **Điều 7. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **404.099.500.000** đồng (bằng chữ: Bốn trăm lẻ bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
  - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
  - b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.
  - c) Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

### **Điều 8. Cổ phần**

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*).
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 40.409.950 cổ phần (Bốn mươi triệu, bốn trăm linh chín ngàn, chín trăm năm mươi cổ phần).
3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có

thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 9. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

### **Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng

ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

### **Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chế mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty có cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

### **Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác**

1. Cổ đông của Công ty được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in ấn chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 15. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

### **Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;

- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên, và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

### **CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC**

##### **Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

#### **MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 18. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.



Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì đề cử số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức**

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây: Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

#### **Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức**

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

## **Điều 22. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán);

c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

### **Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, thời điểm và phương thức huy động vốn;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ này khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ này ;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 25. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 và 29 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được



lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch (trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh

nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên ;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

### **Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo

từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải thực hiện:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 29. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 1, 3, 5 Điều này và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này .

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4 . Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



### **Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 75% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

#### **Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán).

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liên tiếp trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

**Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật bao gồm các dự án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;
- g) Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;
- m) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; vay, cho vay; quy chế nội bộ của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- n) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

o) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

p) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận đề Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;

q) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;

r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

v) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

x) Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h) Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên HĐQT được nhận lương (đối với thành viên chuyên trách) hoặc thù lao (đối với thành viên không chuyên trách).

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
- j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Điều lệ Công ty.
- k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán);

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết

định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong

cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

##### **Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

##### **Điều 46. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;

k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

## **MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải



được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;  
b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Thành viên ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Thành viên ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này;

e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba

### **Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như

các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

**Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân,.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản của 8 Điều 30 Điều lệ này.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.



## **Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY**

### **Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

## **CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC**

### **Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác**

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên**

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

### **Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên**

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

## **CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY**

### **MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 65. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (Trường hợp công ty đã niêm yết/ đăng ký giao dịch).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 66. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 67. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

### **Điều 68. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 70. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 71. Công khai thông tin**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 72. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY**

### **Điều 73. Dấu của Công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 74. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 75. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;



b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 77. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều

khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 78. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương, 78 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nhất trí thông qua ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Quy Nhơn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2021.

3. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Bình Định, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Lê Hồng Quân**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

**Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 23 tháng 5 năm 2023;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG</b> -----	<b>6</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng -----	6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt -----	6
<b>CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> -----	<b>7</b>
<b>I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> -----	<b>7</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> -----	<b>7</b>
<b>Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b> -----	<b>7</b>
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	7
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông -----	8
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	10
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông-----	10
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông-----	10
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	12
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông-----	14
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông-----	14
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội -----	15
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết -----	16
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử-----	16
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu-----	17
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua-----	17
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	18
Điều 18. Cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	18
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	19
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
<b>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</b> -----	<b>20</b>
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	20
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản -----	20
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản -----	20
<b>III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN</b> -----	<b>22</b>
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	22

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	22
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	23
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	23
Điều 28. Điều kiện tiến hành-----	23
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến-----	24
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	24
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	24
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	25
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	25
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	25
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	25
<b>IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN-----</b>	<b>25</b>
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	25
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông-----	25
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	26
Điều 39. Điều kiện tiến hành-----	26
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông-----	26
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu-----	26
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu-----	26
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	26
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	26
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	26
<b>CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----</b>	<b>27</b>
<b>Mục 1. Quy định chung-----</b>	<b>27</b>
Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT-----	27
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT-----	29
<b>Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT-----</b>	<b>30</b>
Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT-----	30
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT-----	30
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị-----	30
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	31
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị-----	31
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị-----	32
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị-----	32
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị-----	32
<b>Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----</b>	<b>33</b>

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	33
<b>Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị-----</b>	<b>34</b>
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm-----	34
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường-----	34
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát-----	34
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	35
Điều 61. Cách thức biểu quyết-----	35
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị-----	37
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị-----	37
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị-----	37
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị-----	38
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị-----	38
<b>Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị-----</b>	<b>39</b>
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT-----	39
<b>Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----</b>	<b>39</b>
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	40
<b>CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT-----</b>	<b>41</b>
<b>Mục 1. Quy định chung-----</b>	<b>41</b>
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát-----	41
<b>Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát-----</b>	<b>41</b>
Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát-----	41
Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát-----	42
Điều 76. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát-----	43
Điều 77. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát-----	43
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát-----	43
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát-----	44
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của Thành viên Ban kiểm soát-----	44
<b>CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC-----</b>	<b>45</b>
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc-----	45
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc-----	45
Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc-----	45
Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc-----	46

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	46
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	46
<b>CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>	<b>47</b>
<b>Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>	<b>47</b>
Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	47
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát	47
Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	47
Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	47
Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	48
Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	48
Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	49
Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	49
<b>Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</b>	<b>51</b>
Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác	51
Điều 96. Khen thưởng	52
Điều 97. Kỷ luật	52
<b>CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>52</b>
Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	52
<b>CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>53</b>
Điều 99. Ngày hiệu lực	53
<b>PHỤ LỤC I: TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT</b>	<b>54</b>
<b>Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban</b>	<b>54</b>
<b>Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ</b>	<b>56</b>
<b>Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ</b>	<b>57</b>

## **CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



## CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 23 Điều lệ công ty.

#### Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

#### Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty;
- b. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán);
- c. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 28 Điều lệ công ty)*

##### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

## 2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
  - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

## 3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

## 4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra **cổ đông/đại biểu**:
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
  - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
  - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản

5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 24 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 28 Điều lệ công ty)*

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
  - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
    - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
    - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
    - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
    - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
    - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
  - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty;
  - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
  - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

## **Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 và Điều 30 Điều lệ công ty)*

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 23 Điều lệ công ty)*

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- c. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- e. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- f. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- h. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát;
- i. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- j. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- n. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- o. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- p. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- r. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



- s. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- t. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- u. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

### **1. Nguyên tắc chung**

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

### **2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**

#### **a. Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

#### ➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

#### **b. Phiếu bầu cử**

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

#### ➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử.

### **Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

#### 1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

#### 2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- Bỏ phiếu điện tử** tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

### **Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

#### 1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

#### 2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

##### a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
  - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
  - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
  - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
    - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
    - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
    - + Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.
- Nguyên tắc trúng cử:
    - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
    - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
    - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại Điều 31 quy chế này.

### **Điều 15. Cách thức kiểm phiếu**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

### **Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

*(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông *tham dự và biểu quyết tại cuộc họp* tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
  - f. Gia hạn hoạt động công ty;
  - g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

### **Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu

một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- c. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- d. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- f. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- g. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- h. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- i. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- j. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- k. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

l. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

### **Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty.

### **Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản**

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp gia hạn hoạt động và các trường hợp khác quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

### **Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 26; Điều 30, 32 Điều lệ công ty)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
  - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - Mục đích lấy ý kiến;
    - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - Phương án bầu cử (nếu có);
  - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

#### 4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

#### 5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc

đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN**

#### **Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

#### **Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định



tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

### **Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

### **Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

### **Điều 28. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

## **Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

### **a. Nguyên tắc:**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

### **b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:**

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

## **Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

## **Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

### **a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:**

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

### **b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:**

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

### **c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:**

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là theo quy định tại quy chế bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

### **Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

### **Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

### **Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

## **IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN**

### **Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

### **Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

**Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

**Điều 39. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

**Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

**Điều 41. Cách thức bỏ phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

**Điều 42. Cách thức kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

**Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

**Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

**Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

## CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Mục 1. Quy định chung

#### Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật, bao gồm các dự án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;
- g. Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;
- j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty;
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- l. Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;
- m. Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; vay, cho vay; quy chế nội bộ của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

- n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - o. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
  - p. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận để Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;
  - q. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
  - r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - s. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - t. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - v. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - w. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;
  - x. Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:
- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
  - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
  - c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
  - d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị

định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;

- e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
- i. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông của quy định theo pháp luật hiện hành.
- j. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

## Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

### Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán). Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
  - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
  - b. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán).
  - c. Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán).
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
  - e. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - f. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

### Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1,2,3 Điều 33 Điều lệ công ty)



1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 33 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty.

#### **Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

#### **Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

#### **Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty.
  - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

#### **Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty)*

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới

dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

##### **Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 40 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

##### **Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 40 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán);
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

##### **Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 40 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 40 Điều lệ công ty)*

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### **Điều 61. Cách thức biểu quyết**

*(Căn cứ Điều 40 Điều lệ công ty)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
  - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ

thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 3 Điều 56 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
  - e. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội

đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

**Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 40 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 40 Điều lệ công ty)*

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

**Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.



## **Mục 5 - Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị**

### **Điều 67. Các tiêu ban trực thuộc HĐQT**

*(Căn cứ, Điều 43 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Trong trường hợp Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Việc thành lập và hoạt động của các tiêu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.
4. Việc thành lập và hoạt động của các tiêu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục II, III, .... đính kèm Quy chế này.

## **Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

### **Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Khoản 2 Điều 44 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

### **Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Khoản 1 Điều 44 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

*(Căn cứ Khoản 3 Điều 44 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

### Mục 1. Quy định chung

#### **Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát**

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
  - c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
  - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
  - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
  - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

### Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát

#### **Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát**

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 50 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 50 Điều lệ công ty)*

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
  - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Thành viên Ban kiểm soát công ty, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty và đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 76. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 49 Điều lệ công ty)*

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 33 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điều 49 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 77. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu Thành viên Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty.

**Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả

kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của Thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

### Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 47 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
  - g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 47 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

### Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

**Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 47 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 37 và Điều 47 Điều lệ công ty.

**Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 46 Điều lệ công ty)*

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



## CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

### Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

#### **Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

#### **Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

#### **Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc**

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

#### **Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 47, Điều 52 Điều lệ công ty)*

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
  - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
    - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
    - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Thành viên Ban kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
    - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 52 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
    - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 47 Điều lệ công ty không được thực thi;
    - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

**Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

*(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 47 Điều lệ công ty)*

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

**Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

**Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 47, Khoản 3 Điều 56, Điều 60 Điều lệ công ty)*

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
  - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
  - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
  - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
  - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
  - b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
  - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

**Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- e. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc :

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.  
Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
  - a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
  - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
  - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
  - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
  - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

**Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

**Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Thành viên Ban kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

- Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

#### **Điều 96. Khen thưởng**

- HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
- Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
- Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 97. Kỷ luật**

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty**

- Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## **CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 99. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều, 01 Phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhất trí thông qua ngày 23 tháng 5 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

## PHỤ LỤC I: TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT

### Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

#### 1. Vai trò của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của công ty.
- Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà công ty đạt được.

#### 2. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc công ty.
- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

#### 3. Thẩm quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ

- Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách đối với công ty dự toán; dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với địa phương, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của công ty.
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của công ty.



- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các công ty, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/công ty được kiểm toán.
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của công ty.

#### 4. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ

##### a. Trách nhiệm:

- Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
- Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
- Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

##### b. Quyền hạn:

- Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

#### 5. Trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách kiểm toán nội bộ

##### a. Trách nhiệm:

- Quản lý và điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
- Đảm bảo nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
- Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;

- Báo cáo các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 05/2019/NĐ-CP khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Có ý kiến khi có đề nghị tham vấn của người phụ trách kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

**b. Quyền hạn:**

- Đề xuất với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 05/2019/NĐ-CP ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
- Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
- Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
- Thực hiện các quyền hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 23 Nghị định 05/2019/NĐ-CP;
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

**Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ**

**1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của tiểu ban kiểm toán nội bộ:**

- a. Nhiệm kỳ của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ cũng chính là nhiệm kỳ thành viên HĐQT của chính thành viên đó. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm 02 thành viên, được thành lập bởi Hội đồng quản trị.
- b. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
  - Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
  - Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại công ty đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
  - Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
  - Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
  - Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
- c. Cơ cấu thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo như sau :
  - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
  - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm việc phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của công ty.

- Trường hợp cần thiết, Công ty có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ hoặc thành lập tổ giúp việc.

2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này và trình lên HĐQT xem xét khi HĐQT có nhu cầu tìm kiếm ứng viên. HĐQT sẽ tiến hành biểu quyết bầu TV ban Kiểm toán Nội Bộ theo trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT của quy chế này.

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ khi không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này.

### **Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ**

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ được thực hiện theo Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị công ty ban hành.

Số: /QĐ-HĐQT

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị  
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày 23 tháng 5 năm 2023.*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Cảng Quy Nhơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 133/QĐ-HĐQT ngày 09/6/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 23 tháng 5 năm 2023;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số ... ngày ... tháng ... năm 2023 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>4</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>4</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	8
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>8</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>12</b>
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	15
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .....	<b>16</b>
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	16
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	17
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>17</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	18
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán .....	18
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	<b>18</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	18

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
  - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.
- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

#### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.



## **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Điều lệ;
  - g) Quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điều 25 Điều lệ công ty.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

## **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định pháp luật, bao gồm các dự

án đầu tư thuộc kế hoạch và phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đối với các dự án phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Công ty có quyền bảo lãnh vay vốn trong nước và ngoài nước cho các công ty, đơn vị do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ



trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý

kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Số: /TTr-QNP

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

### **I. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý Dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);
- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ban hành ngày 09 tháng 6 năm 2021;
- Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/2/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn thông qua chủ trương đầu tư dự án nâng cấp Bến số 1 cảng Quy Nhơn;
- Quyết định số 112/QĐ-HĐQT ngày 31/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 154/QĐ-HĐQT ngày 28/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn (Bước thực hiện Dự án);

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

## **II. Những nội dung chính của dự án:**

**1. Tên dự án:** Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

**2. Địa điểm xây dựng:** Phía Đông Bắc cảng Quy Nhơn thuộc địa phận phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**3. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

**4. Người quyết định đầu tư:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

**5. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông cấp I.

**6. Địa điểm xây dựng:** Phía Đông Bắc cảng Quy Nhơn thuộc địa phận phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### **7. Mục tiêu đầu tư, Quy mô công trình**

#### **7.1 Mục tiêu đầu tư**

Thực hiện nâng cấp bến số 1 cảng Quy Nhơn đủ điều kiện tiếp nhận đồng thời 02 tàu Container đến 30.000DWT đầy tải, nhằm tận dụng tối đa các điều kiện cơ sở hạ tầng hiện có, nâng cao khả năng tiếp nhận tàu, năng lực khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu sản lượng hàng hóa, đội tàu thông qua phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Miền Trung - Tây Nguyên nói chung, tỉnh Bình Định nói riêng, đồng thời mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho cảng Quy Nhơn. Để đảm bảo năng lực khai thác, sức cạnh tranh trong tương lai, kết cấu bến cảng được thiết kế đảm bảo cho tàu Container 50.000DWT đầy tải, phù hợp với tiến trình nâng cấp, mở rộng tuyến luồng Quy Nhơn đã được định hướng tại Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4).

#### **7.2 Quy mô công trình**

Nâng cấp Bến số 1 bằng cách mở rộng ra phía khu nước trước Bến số 1 hiện hữu thêm 35m. Tổng chiều dài bến sau khi nâng cấp là 480m, đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu tổng hợp, container 30.000 DWT đầy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo neo cập cho tàu tổng hợp, container 50.000DWT đầy tải trong giai đoạn sau.

Nạo vét khu nước, vũng quay tàu đáp ứng cho tàu 30.000DWT đầy tải neo đậu phía ngoài (phía Đông) và tàu lai, ca nô công vụ neo đậu phía trong (phía Tây) tại đoạn nhô ra khỏi bờ 175m phía thượng lưu.

Giai đoạn sau nạo vét khu nước, vũng quay tàu đáp ứng cho tàu 50.000DWT đầy tải phù hợp với tiến trình nâng cấp, mở rộng tuyến luồng Quy Nhơn đã được định hướng tại quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4).

### **8. Tổng mức đầu tư:**

Tổng mức đầu tư được duyệt: 546.379.551.000 đồng.

*(Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi sáu tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng).*

### **III. Đề xuất, kiến nghị:**

Nhằm đẩy nhanh quá trình thực hiện Dự án, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét:

1. Thông qua kết quả đã thực hiện trong giai đoạn thực hiện dự án bao gồm các công tác: phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thiết kế, dự toán công trình (kể cả nội dung điều chỉnh, bổ sung), công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng, thi công xây dựng;

2. Chấp thuận uỷ quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến Dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty trong giai đoạn thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn xem xét chấp thuận để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát Cty;
- Lưu VT, ĐT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hùng Dương**



Số: /TTr- ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kèm danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;

Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 đối với các Thành viên sau:

STT	Tên	Chức danh
<b>I. Hội đồng quản trị</b>		
1	Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>II. Ban Kiểm soát</b>		
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban Kiểm soát

2. Thông qua việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

a) Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên

b) Tiêu chuẩn điều kiện ứng viên thành viên HĐQT Công ty:

- Ứng viên HĐQT phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử hoặc ứng viên do HĐQT đương nhiệm đề cử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

3. Thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

a) Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên

b) Tiêu chuẩn điều kiện ứng viên thành viên BKS Công ty:

- Ứng viên BKS phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử hoặc ứng viên do BKS đương nhiệm đề cử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

STT	Họ và tên
<b>ỨNG VIÊN THAM GIA HĐQT</b>	
1	Ông/Bà
2	Ông/Bà
3	Ông/Bà
4	Ông/Bà
5	Ông/Bà
<b>ỨNG VIÊN THAM GIA BKS</b>	
1	Ông/Bà
2	Ông/Bà
3	Ông/Bà

Trên đây là Tờ trình về việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023; bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 được áp dụng theo quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu : VT, NPTQTCty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Đỗ Hùng Dương**

**DỰ THẢO****QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

**I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).

**II. Chủ tọa tại đại hội:**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

**III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT**

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người
- Nhiệm kỳ: 2023 - 2028
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

**1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 33 Điều lệ công ty)**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 75% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

**IV. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát:**

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2023 - 2028
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

**1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 49 Điều lệ công ty)**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát:** *Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

**V. Nguyên tắc bầu cử:**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS.

**VI. Phương thức bầu cử:**

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
  - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.
  - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
  - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
  - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
  - Cách ghi Phiếu bầu cử:
    - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
    - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
    - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

**Lưu ý:**

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
  - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
  - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).
  - Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
  - Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

**VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:**

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

**VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước **15 giờ 00 ngày 20 tháng 04 năm 2023** theo địa chỉ sau:



**Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028**

---

- Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (0256) 3891224 Fax: (0256) 3891783

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT;
- BKS Cty;
- Ban TGD Cty;
- Lưu: VT, NPTQT Cty.

**Đỗ Hùng Dương**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

*(Áp dụng cho cổ đông)*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho tôi đề cử:**

- 1. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 2. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 3. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**4. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**5. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

## GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2028

(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho chúng tôi đề cử:**

- 1. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 2. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 3. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 4. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**5. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028****Xin trân trọng cảm ơn!****Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**(theo mẫu)**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/HC/GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					



**BIÊN BẢN HỢP NHÓM**  
**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Căn cứ quy định về đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028

Hôm nay, ngày ...../...../2023, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, cùng nhau nắm giữ ... cổ phần (bằng chữ:..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
5					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



- 2. Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 3. Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 4. Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 5. Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc .... giờ, ngày .... /.../..... tại .....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người được đề cử đại diện nhóm

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

***Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn***

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người tự đề cử  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty: :	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) .... cổ phần, chiếm ....% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm ..... vốn điều lệ ..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	
18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Đính kèm là Danh sách người có liên quan*

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

## DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN<sup>1</sup>

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định “Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

*(Áp dụng cho cổ đông)*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật *(nếu có)*: .....
- Số lượng cổ phần sở hữu *(Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)*:.....cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho tôi đề cử:**

- 1. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 2. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
- 3. Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

## **Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

*(Áp dụng cho nhóm cổ đông)*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho chúng tôi đề cử:**

**1. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**2. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**3. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



**4. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**5. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028****Xin trân trọng cảm ơn!****Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**(theo mẫu)**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/HC/GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					



**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**  
**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Căn cứ quy định về đề cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028

Hôm nay, ngày ...../...../2023, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, cùng nhau nắm giữ ... cổ phần (bằng chữ:..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Ban kiểm soát:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

3. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /...../..... tại .....

.....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người được đề cử đại diện nhóm

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

***Kính gửi: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn***

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cho tôi được tự đề cử vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2023 – 2028

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người tự đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty: :	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) .... cổ phần, chiếm ....% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm ..... vốn điều lệ ..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	
18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Đính kèm là Danh sách người có liên quan*

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*



## DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN<sup>1</sup>

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định “Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



**MẪU**

**PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT  
MÃ ĐẠI BIỂU: QNP.000...**

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần

Tổng số lượng phiếu bầu: ... phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1			
2			
3			

**Hướng dẫn:**

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Ngày ... tháng 5 năm 2023

**ĐẠI BIỂU**

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



**MẪU**

**PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
MÃ ĐẠI BIỂU: QNP.000...**

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần

Tổng số lượng phiếu bầu: ... phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1			
2			
3			
4			
5			

**Hướng dẫn:**

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Ngày ... tháng 5 năm 2023

**ĐẠI BIỂU**

(Ký và Ghi rõ họ tên)

**MẪU**

# THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **QNP.000...**

Họ và tên Đại biểu: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

**Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần**



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: QNP.000...**

**MẪU**

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

**Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần**

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tán thành</b>	<b>Không tán thành</b>	<b>Không có ý kiến</b>
<b>Nội dung 01:</b> Nội dung <i>Phần I – Báo cáo kết quả hoạt động HĐQT năm 2022</i> ; và <i>Phần II – Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023</i> tại Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022; phương hướng hoạt động năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023.			
<b>Nội dung 02:</b> Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.			
<b>Nội dung 03:</b> Báo cáo tiến độ thực hiện dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn và Các công việc HĐQT thực hiện theo ủy quyền của ĐHCĐ về triển khai dự án			
<b>Nội dung 04:</b> Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp thành Công ty TNHH MTV			
<b>Nội dung 05:</b> Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023			
<b>Nội dung 06:</b> Tờ trình Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán			
<b>Nội dung 07:</b> Tờ trình Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023			
<b>Nội dung 08:</b> Tờ trình Phê duyệt lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023			
<b>Nội dung 09:</b> Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023			
<b>Nội dung 10:</b> Tờ trình xin ý kiến về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (INSECO)			
<b>Nội dung 11:</b> Tờ trình về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM			
<b>Nội dung 12:</b> Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh			
<b>Nội dung 13:</b> Toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Nội dung 14:</b> Toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
<b>Nội dung 15:</b> Toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
<b>Nội dung 16:</b> Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn			
<b>Nội dung 17:</b> Tờ trình về việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023; bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028; danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028			

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023

**ĐẠI BIỂU**

(Ký và Ghi rõ họ tên)

Số: /2023/NQ-ĐHCĐ

Quy Nhơn, ngày 23 tháng 5 năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 23/5/2023.

**QUYẾT NGHỊ:**

Ngày 23/5/2023, tại Hội trường Trung tâm Điều hành sản xuất Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (Địa chỉ: số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được tổ chức với sự tham gia của ... cổ đông sở hữu ... cổ phần chiếm ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

**Nội dung 1: Thông qua Nội dung Phần I – Báo cáo kết quả hoạt động HĐQT năm 2022; và Phần II – Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 tại Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022; phương hướng hoạt động năm 2023; Tổng kết nhiệm kỳ 2018 – 2023.**

Phân biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tiến độ thực hiện dự án ĐTXD nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn và Các công việc HĐQT thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ về triển khai dự án.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 4: Thông qua Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp thành Công ty TNHH MTV.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 5: Thông qua Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 6: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.**

Phản biểu quyết:



- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 7: Thông qua Tờ trình Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 8: Thông qua Tờ trình Phê duyệt lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 9: Thông qua Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 10: Thông qua Tờ trình xin ý kiến về chủ trương thoái 100% vốn đầu tư của Cảng Quy Nhơn tại Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (INSECO).**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc chuyển niêm yết cổ phiếu QNP sang sàn UPCOM.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 12: Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 13: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 14: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 15: Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 16: Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 17: Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kèm danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.**

Phản biểu quyết:

- Tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... Cổ phần chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## KẾT QUẢ BẦU CỬ

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ bầu cử
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
Ông/Bà	Thành viên HĐQT	.....%
Ông/Bà	Thành viên HĐQT	.....%
Ông/Bà	Thành viên HĐQT	.....%
Ông/Bà	Thành viên HĐQT	.....%
Ông/Bà	Thành viên HĐQT	.....%
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
Ông/Bà	Thành viên BKS	.....%
Ông/Bà	Thành viên BKS	.....%
Ông/Bà	Thành viên BKS	.....%

Nghị quyết được ĐHCĐ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Lưu: VT, NPTQT Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Đỗ Hùng Dương**